

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Cơ khí; Chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Lê Thanh Danh**

2. Ngày tháng năm sinh: 12/01/1978; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 7, đường 32A, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 7, đường 32A, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM.

Điện thoại di động: 0934271949; E-mail: danhlh@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 02 năm 2002 đến tháng 12 năm 2003: Cán bộ kỹ thuật, Phân viện máy và Dụng cụ Công nghiệp; 275 đường Hùng Vương, quận 6, TP. HCM.

Từ tháng 04 năm 2004 đến tháng 06 năm 2007: Giảng viên, khoa Cơ khí, Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM; 140 đường Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. HCM.

Từ tháng 08 năm 2008 đến tháng 09 năm 2009: Giảng viên, khoa Cơ khí, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, 180 đường Cao Lỗ, phường 4, quận 8, TP. HCM.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 11 năm 2012 đến tháng 2 năm 2018: Giảng viên, khoa Cơ khí, Trường Đại học Bách khoa TP. HCM, 268 đường Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. HCM.

Từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 5 năm 2020: Giảng viên, khoa Công nghệ Cơ khí, Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM, 12 đường Nguyễn Văn Bảo, phường 4, quận Gò Vấp, TP. HCM.

Từ tháng 05 năm 2020 đến ngày 15 tháng 10 năm 2023: Giảng viên, Chủ nhiệm Bộ môn Cơ sở Thiết kế, khoa Công nghệ Cơ khí, Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM, 12 đường Nguyễn Văn Bảo, phường 4, Quận Gò Vấp, TP. HCM.

Từ tháng 2/2018-12/2020: Nghiên cứu viên bán thời gian tại trường Đại học Tôn Đức Thắng TP. HCM, 19 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM.

Từ ngày 16 tháng 10 năm 2023 đến nay: Giảng viên, Viện Công nghệ Thông minh và Tương tác-Trường Công nghệ và thiết kế, Đại học Kinh tế TP. HCM, 279 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, TPHCM

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ nhiệm Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 279 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, TPHCM

Điện thoại cơ quan: 84.28.38295299

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 11 năm 2001; số văn bằng: BB00988/71KH2; ngành: Cơ khí, chuyên ngành: Kỹ thuật chế tạo; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐHBK TP. HCM.

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 10 năm 2004; số văn bằng: BM00581/71KH2; ngành: Cơ khí; chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐHBK TP. HCM.

- Được cấp bằng TS ngày 17 tháng 08 năm 2012; số văn bằng:; ngành: Cơ khí; chuyên ngành: Cơ điện tử; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Ulsan, Hàn Quốc.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 27 tháng 12 năm 2019 , ngành: Cơ khí

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Cơ khí- Động lực.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+ Dao động và cách ly dao động tần số thấp: Thiết kế, phân tích động lực học và điều khiển các mô hình cách ly dao động phi tuyến. Đặc điểm của mô hình nghiên cứu này là có thể mở rộng được vùng cách ly hướng về tần số thấp, đồng thời nâng cao hiệu quả cách ly ở tần số cao.

+ Ứng dụng vật liệu thông minh trong thiết kế cơ khí: Nghiên cứu sử dụng lưu chất từ biến (Magnetoreological fluid) để chế tạo hệ thống giảm chấn, hệ thống phanh, hệ thống phản hồi lực v.v.. Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng ống cơ nhân tạo (PAM) để thiết kế các tay máy hỗ trợ phục hồi chức năng các chi cho người bệnh, hoặc các khung tăng lực cho người bệnh.

+ Sản xuất bền vững: Nghiên cứu nâng cao hiệu suất của các mô hình biến đổi năng lượng gió, năng lượng sóng biển. Nghiên cứu tối ưu hóa tỉ lệ pha trộn giữa nhiên liệu sinh học và nhiên liệu diesel để tạo ra một hỗn hợp nhiên liệu mới nhằm mục đích tăng hiệu quả cháy cũng như khả năng biến nhiệt năng thành cơ năng cao nhưng vẫn giảm được khí thải

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01NCS bảo vệ thành công luận án TS và đang hướng dẫn 02 NCS.

- Đã hướng dẫn (số lượng) 08 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài NCKH cấp bộ, 01 đề tài cấp ĐHQG TP. HCM loại C, 2 đề tài cấp cơ sở vai trò là chủ nhiệm đề tài; 01 đề tài cấp thành phố và 01 đề tài cấp cơ sở với vai trò tham gia.

- Đã công bố (số lượng) 69 bài báo khoa học, trong đó 51 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 4, trong đó 4 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM (nay là Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM) năm học 2005-2006.

Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2005-2006.

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Công Thương năm học: 2021-2022.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a. Về đạo đức, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước

- Bản thân và gia đình luôn chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước tại nơi cư trú; chấp hành tốt nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị công tác

b. Về hoạt động đào tạo

- Luôn hoàn thành khối lượng giảng dạy với số giờ giảng dạy luôn đạt chuẩn.

- Năng lực giảng dạy tốt, giảng dạy chương trình đại trà, chương trình tiếng anh, cao học, hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh.

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo cho trình độ đại học cho ngành kỹ thuật cơ khí, ngành Điều khiển thông minh và tự động hóa, trình độ cao học và tiến sĩ cho ngành kỹ thuật cơ khí.

- Trưởng chương trình đào tạo ngành kỹ thuật cơ khí cho công tác kiểm định ABET tại ĐHCN TP.HCM và đã thành công

- Chủ biên biên soạn giáo trình phục vụ công tác đào tạo ngành cơ khí

c. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Năng lực nghiên cứu: có năng lực nghiên cứu tốt

- Kết quả công bố: Tổng công 69, công bố trong đó 51 bài báo quốc tế trong danh mục SCIE/Scopus, 08 bài báo trong nước, 09 hội nghị Quốc tế, 01 bài công bố trong tạp chí quốc tế khác.

- Đã chủ nhiệm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở tới cấp Bộ tại đơn vị công tác.

- Tham gia tổ chức nhiều hoạt động hội thảo khoa học, hội thảo chuyên đề cấp bộ môn và Khoa, các hội thảo chuyên môn về xây dựng chương trình đào tạo, hội thảo tập huấn nghiệp vụ đánh giá đảm bảo chất lượng cho chương trình đào tạo.

- Thành viên tham gia đề án chiến lược phát triển ngành cơ khí tự động hóa cho Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050 do Sở Công Thương TP. HCM và trường Đại học Bách khoa TP. HCM đồng chủ trì

- Uy tín khoa học trong cộng đồng: bản thân đã tham gia các hội đồng đánh giá luận văn cao học và luận án tiến sĩ với vai trò phản biện/phản biện độc lập trong và ngoài trường. Tham gia với vai trò giám khảo cho giải thưởng nghiên cứu khoa học Eureka cấp Thành phố. Bên cạnh đó, bản thân cũng tham gia phản biện cho các tạp chí trong và ngoài nước, các hội nghị quốc tế, tham gia với vai trò là chủ tọa cho các phiên báo cáo tại các hội nghị khoa học Quốc tế.

Dựa trên các kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn được đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên tại Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM, Đại học Kinh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
tế TP. HCM. Ứng viên tự đánh giá là đủ tiêu chuẩn để được công nhận chức danh Giáo sư
theo Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ban hành ngày 31/8/2018

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết
hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
03 năm học cuối								
1	2022-2023					225	180	405/574.2/236
2	2023-2024	01				195	150	345/442.35/270
3	2024-2025					315	0	315/382.5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo
Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư
số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của
Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban
hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại
học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ
GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học,
trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ
hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Hàn Quốc năm
2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Kinh tế TP. HCM

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Võ Ngọc Yến Phương	x		x		2018-2022	Trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật TP.HCM	Quyết định số 1171/QĐ- ĐHSPKT cấp bằng tiến sĩ kỹ ngành kỹ thuật cơ khí ký ngày 05/05/2023
2	Trịnh Văn Chơn	x		x		2022-2025	Trường Đại học Bách khoa – ĐHQG TP. HCM	
3	Hoàng Văn Vinh	x		x		2024-2027	Trường Đại học Bách khoa – ĐHQG TP. HCM	

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Cơ kỹ thuật 2	GT	Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM, 2024	1	x		QĐ số 3586/QĐ- ĐHKT- QLKHHTQT về việc phê duyệt sách phục vụ đào tạo ký ngày 3 tháng 10 năm 2023 QĐ số 3586/QĐ- ĐHKT- NCPTGKTC về việc phê duyệt tài liệu giảng dạy ký

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

							ngày 10 tháng 4 năm 2024
2	Cơ lý thuyết- Động lực học	GT	Nhà xuất bản Đại học Công nghiệp TP. HCM, 2023	3	x	70-182; 212-240	Quyết định số 277/QĐ-ĐHCN về việc đồng ý xuất bản và phát hành giáo trình ký ngày 22/02/2023 Giấy xác nhận sử dụng giáo trình ký ngày 12/04/2023
3	Ứng dụng tin học trong tính toán sức bền vật liệu	GT	Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2023	3	x	14-94; 241-376	Quyết định số 71/QĐ-NTT về việc công nhận giáo trình đưa vào công tác giảng dạy ký ngày 07/02/2023
4	Cơ kỹ thuật 1	GT	Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM, 2025	1	x		QĐ số 3586/QĐ-ĐHKT-QLKHHTQT về việc phê duyệt sách phục vụ đào tạo ký ngày 3 tháng 10 năm 2023 QĐ số 1695/QĐ-ĐHKT-NCPTGKTC về việc phê duyệt tài liệu giảng dạy ký ngày 11 tháng 6 năm 2025

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 03 Giáo trình (1,2,3), Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM, Nhà xuất bản Đại học Công nghiệp TP. HCM, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK/TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu hệ thống chuyển đổi năng lượng gió sử dụng truyền động thủy tĩnh	CN	T-CK-2014-03 ĐH BK TP. HCM	3/2014-9/2015	4/9/2025 Đạt
2	Nghiên cứu thiết kế chế tạo ghế cách ly dao động tần số thấp cho tài xế xe buýt	CN	C-2015-20-04 ĐHQG TP. HCM loại C	6/2015-6/2017	28/12/2017 Đạt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
3	ĐT: Nghiên cứu thiết kế mô hình bàn cách ly dao động tần số thấp	CN	107.04-2016.35 Nafosted	07/2017-07/2019	15/05/2020 Đạt
4	Thiết kế chế tạo mô hình vật lý trị liệu hỗ trợ cho khuỷu tay	CN	20/1.1CK02 ĐH CN TP. HCM	3-2020 3/2021	20/3/2021 Đạt
5	Nghiên cứu thiết kế bộ truyền động vô cấp cơ thủy tĩnh	TG	181.CK04 ĐH CN TP. HCM	10/2018-09/2019	29/6/2020 Đạt
6	Đề án nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển ngành cơ khí-tự động hóa TP. HCM đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	TG	Cấp Thành phố TP. HCM	2022-2024	24/5/2024 Đạt
7	Thiết kế mô hình ghế cách ly dao động sử dụng lò xo khí cao su	CN	6/10/2024 ĐH KTTTP. HCM		Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TG: Tham gia.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	The Static characteristic of a vibration isolating system with a low dynamic stiffness characteristic	2	x	10th Con. On Control, Automotive and Systems (ICCAS), 27-30/10, 2010 Kintex, S-Korea ISBN:978-89-93215-02-1 https://ieeexplore.ieee.org/document/5669774	Scopus	2		01/2010
2	The dynamic and stable analysis of a vibration isolating system with a low dynamic stiffness characteristic	2	x	Proc. 14th Con. On Mechatronics Technology (ICMT), 24-26/11, 2010, Osaka, Japan	Hội nghị quốc tế	-		11/2010
3	Experimental investigation of a vibration isolation system using negative stiffness structure	2	x	11th Con. On Control, Automotive and Systems (ICCAS), 26-29/10, 2011, Kintex, S-Korea ISBN:978-89-93215-03-8 https://ieeexplore.ieee.org/document/6106246	Hội nghị quốc tế	255		10/2011
4	A vibration Isolation system in low frequency excitation region using negative	2	x	Journal of Sound and Vibration ISSN: 1095-8568 https://doi.org/10.1016/j.jsv.2011.07	ISI IF=4.7, Q1	468	330, 26, 6311 - 6335	12/2011

	stiffness structure for vehicle seat, Journal of Sound and Vibration			.039				
5	Fuzzy sliding mode controller for vibration Isolation system using negative stiffness structure	2	x	Journal of Mechanical Science and Technology ISSN: 1976-3824 https://doi.org/10.1007/s12206-012-0890-9	ISI IF=1.5, Q2	27	26, 3873 - 3884	01/2013
6	Experimental investigation of a vibration isolation system using negative stiffness structure	2	x	International Journal of Mechanical Sciences ISSN: 0020-7403 https://doi.org/10.1016/j.ijmecsci.2013.02.009	ISI IF=6.772, Q1	255	70, 99-112	05/2013
7	Active pneumatic vibration isolation system using negative stiffness structure for a vehicle seat	2	x	Journal of Sound and Vibration ISSN: 1095-8568 https://doi.org/10.1016/j.jsv.2013.10.027	ISI IF=4.7, Q1	143	333, 5, 1245 - 1268	02/2014
8	Simulation and control of wind energy conversion system using Hydrostatic transmission	1	x	Proceedings The 4th International Conference on Sustainable Energy, 28/10, HCMC.	Hội nghị quốc tế	-	205-213	10/2015
9	Modeling and simulation of wind energy conversion system using hydrostatic transmission	2	x	Vietnamese mechanical engineering journal ISSN: 0866-7056.	Tạp chí trong nước		7, 116-121	2015

10	Modeling and simulation of wave energy conversion system using hydrostatic transmission	2	x	Vietnamese mechanical engineering journal ISSN: 0866-7056	Tạp chí trong nước		5, 200-206	2016
11	Improvement of Vibration Isolation performance system using negative stiffness structure	3	x	IEEE/ASME Transactions on Mechatronics ISSN: 1083-4435. Doi: 10.1109/TM ECH.2015.2506701	ISI IF=6.1, Q1	34	21,3, 1561 - 1571	06/2016
12	Dynamic simulation of seat suspension system with virtual prototyping technology	2	x	Journal of Advanced Mechanical Design, Systems, and Manufacturing ISSN: 1881-3054. https://doi.org/10.1299/jamdsm.2017jamdsm0056	ISI IF=0.66, Q3	9	11,5, JAM DSM 0056	10/2017
13	Low frequency isolator with adjustable configurative parameter	2	x	International Journal of Mechanical Sciences ISSN: 0020-7403. https://doi.org/10.1016/j.ijmecsci.2017.09.050	ISI IF=6.77, Q1	44	134, 224-233	12/2017
14	Vibration transmissibility of low frequency isolator	2	x	Journal of Technical Education Science, Ho Chi Minh City University of Technology and	Tạp chí trong nước		42, 47-53	2017

				Education ISSN: 1859-1272. https://www.jte.edu.vn/index.php/jte/article/view/386				
15	Design and evaluation of seat suspension system using wedge-cam mechanism	1	x	Vietnamese mechanical engineering journal ISSN: 0866-7056.	Tạp chí trong nước		10, 67-71	2017
16	Modeling and simulation of low frequency vibration isolation table	2	x	MMMS2018, Proceeding the first international conference on material, machines and methods for sustainable development, Danang, 18-19/5,2018,	Hội nghị quốc tế		570-575	05/2018
17	Effects of configurative parameters on the dynamic stiffness and stability of pneumatic vibration isolation model	2	x	Proceeding the first international conference on fluid machinery and automation systems, Hanoi, 27-28/10,2018.	Hội nghị quốc tế		552-558	10/2018
18	Hysteresis Identification of Bidirectional Magneto-Rheological Actuators Employing Preisach Model	2	x	Applied Mechanics and Materials ISSN: 1660-9336 Doi:10.4028/www.scientific.net/AMM.889.355	Scopus Q4	6	889, 355-360	2018
19	Modeling and controlling of an electro-hydraulic actuator	1	x	Vietnamese mechanical engineering journal	Tạp chí trong nước		5, 121-126	2019

				ISSN: 0866-7056				
20	Study on Vibration Transimibility Characteristic of a Novel Asymmetric Nonlinear Model Using Pneumatic Spring	3	x	2019 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE), 20-21/7,2019, Donghoi. ISBN:978-1-7281-0525-3 Doi: 10.1109/ICSSE.2019.8823567	Scopus		630-634	07/2019
21	Experimental and numerical investigation of transport phenomena and kinetics for convective shrimp drying	3		Case Studies in Thermal Engineering/ ISSN: 2214-157X https://doi.org/10.1016/j.csite.2019.100465	ISI IF=6. 8, Q1		14, 100465	07/2019
II Sau khi được công nhận PGS/TS								
22	A proposal of a piezo rotary positioning device: modeling and experiments	3		Smart Materials and Structures ISSN: 1361-665X DOI 10.1088/1361-665X/ab4736	ISI IF=4,1, Q1		28, 11, 115032	10/2019
23	Experimental investigation of mechanical hydrostatic continuously variable transmission	3	x	International Journal of Mechanical Engineering and Technology ISSN: 0976-6359 https://iaeme.com/MasterAdmin/Journal_uploads/IJMET/VOLUME_10_I	Scopus		10,10, 145-157	10/2019

				SSUE_10/IJMET_10_10_013.pdf				
24	Adaptive pneumatic vibration isolation platfor	2	x	Mechanical Systems and Signal Processing ISSN: 1096-1216 https://doi.org/10.1016/j.ymssp.2019.106258	ISI IF=8.4, Q1	19	133, 106258	11/2019
25	Variable stiffness nonlinear isolator design analysis and simulation	1	x	International Journal of Mechanical Engineering and Technology ISSN: 0976-6359 https://iaeme.com/Home/article_id/IJMET_10_11_005	Scopus		10,11, 36-51	11/2019
26	Dynamic stiffness analysis and isolation effectiveness of vibration platform using pneumatic spring with auxiliary chamber	3	x	Journal of Technical Education Science, Ho Chi Minh City University of Technology and Education ISSN: 1859-1272 https://jte.edu.vn/index.php/jte/article/view/238	Tạp chí trong nước		55, 80-86	12/2019
27	Static Analysis of Low Frequency Isolation Model Using Pneumatic Cylinder with Auxiliary Chamber	2	x	International Journal of Precision Engineering and Manufacturing ISSN: 1229-8557 https://doi.org/10.	ISI IF=2.041, Q2	8	21, 681-697	01/2020

				1007/s12541-019-00301-y				
28	Performance, Emissions, Combustion and Vibration Analysis of a CI Engine Fueled with Coconut and Used Palm Cooking Oil Methyl Ester	5		Processes ISSN: 2227-9717 https://doi.org/10.3390/pr8080990	ISI IF=2.8, Q2	3	8,8, 990	08/2020
29	Alexandrian Laurel for Biodiesel Production and its Biodiesel Blends on Performance, Emission and Combustion Characteristics in Common-Rail Diesel Engine	4		Processes ISSN: 2227-9717 https://doi.org/10.3390/pr8091141	ISI IF=2.8, Q2	2	8,9, 1141	09/2020
30	Implementation of Common Rail Direct Injection System and Optimization of Fuel Injector Parameters in an Experimental Single-Cylinder Diesel Engine	5		Processes ISSN: 2227-9717 https://doi.org/10.3390/pr8091122	ISI IF=2.8, Q2	3	8,9, 1122	09/2020
31	An Adaptive Fast Terminal Sliding Mode Controller of Exercise-Assisted Robotic Arm for Elbow Joint Rehabilitation Featuring Pneumatic Artificial Muscle Actuator	3	x	Actuators ISSN: 2076-0825 https://doi.org/10.3390/act9040118	ISI IF=2.2, Q2		9,4, 118	11/2020

32	Design and experimental evaluation of an electrohydraulic vibration shaker	2	x	Journal of Mechanical Engineering Research and Developments ISSN: 1024-1752	Scopus IF=0.918 Q4		43,4, 60-67	2020
33	Study of Performance, Emissions, and Combustion of a Common-Rail Injection Engine Fuelled with Blends of Cocos nucifera Biodiesel with Diesel Oil	4		Processes ISSN: 2227-9717 https://doi.org/10.3390/pr8101287	ISI IF=2.8, Q2	4	8,10, 1287	10/2020
34	A hysteresis balck-box model of a soft robotic arm featuring pneumatic artificial muscle	1	x	International Journal of Advanced Research in Engineering and Technology ISSN: 0976-6499 https://iaeme.com/Home/article_id/IJARET_12_01_075	Scopus		12,1, 827-836	2021
35	Analytical study of a pneumatic vibration isolation platform featuring adjustable stiffness	3	x	Communications in Nonlinear Science and Numerical Simulation ISSN: 1007-5704 https://doi.org/10.1016/j.cnsns.2021.105775 00	ISI IF=3.9, Q1	15	98, 105775	02/2021
36	Dynamic stiffness analysis of a	3	x	Journal Polimesin	Tạp chí		19	2021

	nonlinear vibration isolation model with asymmetrical and quasi-zero stiffness characteristics			ISSN: 1693-5462	quốc tế khác IF=0.65			
37	Fuel Injection Responses and Particulate Emissions of a CRDI Engine Fueled with Cocos nucifera Biodiesel	6		Sustainability ISSN: 2071-1050 https://doi.org/10.3390/su13094930	ISI IF=3.3, Q1	10	13,9, 4930	04/2021
38	Prediction of optimum Palm Oil Methyl Ester fuel blend for compression ignition engine using Response Surface Methodology	6		Energy ISSN: 0360-5442 https://doi.org/10.1016/j.energy.2021.121238	ISI IF=9, Q1	7	234, 1212 38	04/2021
39	The Potential of Sustainable Biomass Producer Gas as a Waste-to-Energy Alternative in Malaysia	7		Sustainability ISSN: 2071-1050 https://doi.org/10.3390/su13073877	ISI IF=3.3, Q1	9	13,7, 3877	04/2021
40	Optimization of Fuel Injection Parameters of Moringa oleifera Biodiesel-Diesel Blend for Engine-Out-Responses Improvements	7		Symmetry ISSN: 2073-8994 https://doi.org/10.3390/sym13060982	ISI IF=2.2, Q2	9	13,6, 982	06/2021
41	Analysis model of restoring force of a rubber air spring	2	x	Journal of Vibroengineering ISSN: 1392-8716 https://doi.org/10.	ISI IF=1, Q3		23,5, 1138 - 1147	08/2021

				21595/jve.2021.21889				
42	Effect of Intake Air Temperature and Premixed Ratio on Combustion and Exhaust Emissions in a Partial HCCI-DI Diesel Engine	7		Sustainability ISSN: 2071-1050 https://doi.org/10.3390/su13158593	ISI IF=3.3, Q1	2	13,5,8593	08/2021
43	Restoring Force Model of a Pneumatic Artificial Muscle Actuator	3	x	2021 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE) ISBN:978-1-6654-4848-2 https://ieeexplore.ieee.org/document/9538408	Hội nghị quốc tế		304-308	08/2021
44	Identification of Friction Force Model of a Pneumatic Cylinder	3	x	2021 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE), 26-28/8,2021, HCM City ISBN:978-1-6654-4848-2 https://ieeexplore.ieee.org/document/9538482	Hội nghị quốc tế		300-303	08/2021
45	Development and Evaluation of Energy-Saving Electro-Hydraulic Actuator	2	x	Actuators ISSN: 2076-0825 https://doi.org/10.3390/act10110302	ISI IF=2.53, Q2		10,11,302	11/2021
46	Modeling of a point absorber buoy for sea wave energy	6		AIP Conference Proceedings	Scopus		02007-10200	11/2021

	conversion in Phan Thiet sea area			ISSN: 1551-7616 https://doi.org/10.1063/5.0068398			7-6	
47	Design and control of 2-DoF joystick using MR-fluid rotary actuator	3	x	Journal of Intelligent Material Systems and Structures ISSN: 1530-8138 https://doi.org/10.1177/1045389X2110639	ISI IF=2.774, Q2	1	33,12	12/2021
48	Dynamic Analysis of Quasi-Zero Stiffness Pneumatic Vibration Isolator	2	x	Applied Sciences ISSN: 2076-3417 https://doi.org/10.3390/app12052378	ISI IF=2.5, Q2	2	12,52378	02/2022
49	Comparative assessment of performance, emissions and combustion characteristics of tire pyrolysis oil-diesel and biodiesel-diesel blends in a common-rail direct injection engine	5		Fuel ISSN: 1873-7153 https://doi.org/10.1016/j.fuel.2021.123058	ISI IF=7.4, Q1	26	313,123058	04/2022
50	Optimization of engine out responses with different biodiesel fuel blends for energy transition	7		Fuel ISSN: 1873-7153 https://doi.org/10.1016/j.fuel.2022.123706	ISI IF=7.4, Q1	7	318,123706	06/2022
51	Experimental Studies of Combustion and Emission Characteristics of	6		Energies ISSN: 1996-1073 https://doi.org/10.3390/ener13074784	ISI IF=3.0, Q1		15,21,7847	10/2022

	Biomass Producer Gas (BPG) in a Constant Volume Combustion Chamber (CVCC) System			3390/en15217847				
52	Dynamic Analysis and Isolation Effectiveness of a Low Stiffness Nonlinear Isolator	3	x	Journal of Technical Education Science, Ho Chi Minh City University of Technology and Education ISSN: 1859-1272 https://jte.edu.vn/index.php/jte/article/view/1243	Tạp chí trong nước		72A, 19-27	10/2022
53	A Review of the Emulsification Method for Alternative Fuels Used in Diesel Engines	10		Energies ISSN: 1996-1073 https://doi.org/10.3390/en15249429	ISI IF=3.0, Q1	1	15,24, 9429	12/2022
54	Static bending analysis of FGP L=shape nanoplates resting on elastic foundation using FEM based on nonlocal theory	5		Tạp chí Đại học Công nghiệp TP. HCM ISSN: 2525-2267 https://jst.iuh.edu.vn/index.php/jst-iuh/article/view/4628	Tạp chí trong nước		60, 50-58	2022
55	An Experimental Investigation on the Characteristics of a Compression Ignition Engine Fuelled by Diesel-Palm Biodiesel-Ethanol/Propanol	5		Energies ISSN: 1996-1073 https://doi.org/10.3390/en16021003	ISI IF=3.0, Q1	1	16,2, 1003	01/2023

	Based Ternary Blends							
56	A review on production and implementation of hydrogen as a green fuel in internal combustion engines	7		Fuel ISSN: 1873-7153 https://doi.org/10.1016/j.fuel.2022.126525	ISI IF=7.4, Q1	4	333, 2, 1265 25	02/2023
57	Effect of nanoparticles additives on tribological behaviour of advanced biofuels	8		Fuel ISSN: 1873-7153 https://doi.org/10.1016/j.fuel.2022.126798	ISI IF=7.4, Q1		334, 2, 1267 98	02/2023
58	Optimization and performance characteristics of diesel engine using green fuel blends with nanoparticles additives	8		Fuel ISSN: 1873-7153 https://doi.org/10.1016/j.fuel.2023.128462	ISI IF=7.4, Q1		347, 1284 62	04/2023
59	Development of an adaptive fuzzy sliding Mode controller of an electrohydraulic actuator based on a virtual prototyping	3	x	Actuators ISSN: 2076-0825 https://doi.org/10.3390/act12060258	ISI IF=2.2, Q2		12,6, 258	06/2023
60	Performance and emission characteristics of double split injection biodiesel engine with intake air throttling	10		Journal of Cleaner Production ISSN: 0959-6526 https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2023.139597	ISI IF=11.1, Q1		429, 1395 97	12/2023
61	Development of an innovative quasi-zero stiffness oscillation model	4	x	Communications in Nonlinear Science and Numerical	ISI IF=3.9, Q1		128, 1076 10	01/2024

	using pneumatic artificial muscle			Simulation ISSN: 1007-5704 https://doi.org/10.1016/j.cnsns.2023.107610				
62	Dynamic modeling of nonlinear oscillation system	4	x	EAI/Springer Innovations in Communication and Computing ISSN: 25228595 https://doi.org/10.1007/978-3-031-60154-5_26	Scopus Q4		405-416	2024
63	An experimental investigation of an energy regeneration suspension	2	x	Journal of Mechatronics, Electrical Power, and Vehicular Technology ISSN: 2087-3379 10.55981/j.mev.2024.811	Scopus Q4		15,1-11	2024
64	The influence of wind speed on the power of wind turbines installed on sloped-roof buildings	3		Proceedings of the 2nd International Conference - Resilience by Technology and Design (RTD 2024), at UEH, Viet Nam, July, 15-16, 2024. ISSN: 1951-6851 https://doi.org/10.2991/978-94-6463-583-6_5	Hội nghị quốc tế		47-56	2024
65	Isolation effectiveness of a nonlinear	4	x	Proceedings of the 4th International	Hội nghị Quốc tế			2024

	vibration isolator using constant-force mechanism			Conference on Material, Machines, and Methods for Sustainable Development, September-22,2024, Da Nang City ISSN: 2195-4356				
66	Restoring Model of a Pneumatic Artificial Muscle with Structure Parameters: Analysis and Identification	4	x	Actuators ISSN: 20760825 https://doi.org/10.3390/act13090355	ISI IF=2.2 Q2		13	2024
67	Investigating sono-electrolysis for hydrogen generation and energy optimization	10		International Communications in Heat and Mass Transfer ISSN: 07351933 https://doi.org/10.1016/j.icheatmasstransfer.2025.108980	ISI IF=6.4 Q1		164	2025
68	Dynamic model of air spring based McKibben pneumatic artificial muscle	4	x	Communications in Nonlinear Science and Numerical Simulation ISSN: 1007-5704 https://doi.org/10.1016/j.cnsns.2025.108829	ISI IF=3.9 Q1		147	2025
69	Vibration isolator using pneumatic artificial muscle:	2	x	European Journal of Mechanics / A	ISI IF=4.4		112	2025

theoretical modeling and experimental verification			Solids ISSN: 09977538 https://doi.org/10.1016/j.euromech.sol.2025.105684	Q1			
---	--	--	---	----	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 18 [23, 24, 25, 27, 31, 32, 34, 35, 41, 45, 47, 48, 59, 61, 63, 66, 68, 69]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo điều khiển thông minh và tự động hóa thuộc ngành trí tuệ nhân tạo mã số 7480107 trình độ đại học	Tham gia	Quyết định số 706/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT ngày 26/01/2024 của Giám đốc ĐHKT TP. HCM v/v Thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo ĐHKT TP.HCM trình độ đại học	Đại học Kinh tế TP. HCM	Quyết định số 1678/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT ngày 06/05/2024 của Giám đốc ĐHKT TP. HCM v/v Ban hành chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình điều khiển thông minh thuộc ngành trí tuệ nhân tạo, trình độ đại học	
2	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành kỹ thuật cơ khí	Tham gia	Quyết định số 2355/QĐ-ĐHCN ngày 03/10/2022 của Hiệu trưởng trường ĐHCN TP. HCM v/v Thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ	Đại học Công nghiệp TP. HCM	Quyết định số 2812/QĐ-ĐHCN ngày 19/12/2022 của Hiệu trưởng trường ĐHCN TP. HCM v/v Ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ	
3	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành kỹ thuật cơ khí	Tham gia	Quyết định số 933/QĐ-ĐHCN ngày 07/07/2021 của Hiệu trưởng trường ĐHCN TP. HCM v/v Thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ	Đại học Công nghiệp TP. HCM	Quyết định số 683/QĐ-ĐHCN ngày 15/03/2022 của Hiệu trưởng trường ĐHCN TP. HCM v/v Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: [53, 57, 58].....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: [60]

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large circle followed by the letters 'Thanh' and a long horizontal stroke.

Lê Thanh Danh

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế;

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Quốc Trung

2. Ngày tháng năm sinh: 26/03/1986; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Thị trấn Nam Phước, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 18/2 Tăng Bạt Hổ, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Buu điện): Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương - Số 15, Đường D5, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Điện thoại di động: 0909 574 029; E-mail: tranquoc trung.cs2@ftu.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 08/2008 đến tháng 04/2012: Giảng viên - Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP.HCM.

- Từ tháng 05/2012 đến tháng 02/2018: Phó Trưởng Bộ môn Nghiệp vụ - Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP.HCM.

- Từ tháng 03/2018 đến tháng 03/2019: Phó Trưởng Bộ môn Phụ trách Bộ môn Nghiệp vụ - Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP.HCM.

- Từ tháng 04/2019 đến tháng 03/2020: Trưởng Bộ môn Bộ môn Nghiệp vụ - Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP.HCM.

- Từ tháng 04/2020 đến nay: Phó Giám đốc Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP.HCM.

- Chức vụ: Hiện nay: Phó Giám đốc Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP.HCM; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Bộ môn Nghiệp vụ - Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP.HCM.

- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở II tại TP.HCM.

Địa chỉ cơ quan: Số 15, Đường D5, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Điện thoại cơ quan: 028 3512 7254

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 08 năm 2008; số văn bằng: A0225180; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS thứ nhất ngày 15 tháng 09 năm 2011; số văn bằng: A014524 ; ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS thứ hai ngày 20 tháng 12 năm 2012; số văn bằng: LILLII 9725729; ngành: Luật, Kinh tế và Quản lý, chuyên ngành: Tài chính-Ngân hàng.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Lille 2, thuộc Đại học Lille, Cộng hòa Pháp.

- Được cấp bằng TS ngày 07 tháng 07 năm 2017; số văn bằng: LILLII 12710339; chuyên ngành: Khoa học quản lý.

Ngày quyết định cấp bằng TS và cấp chứng nhận tạm thời về văn bằng: 01 tháng 02 năm 2016.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Lille 2, thuộc Đại học Lille, Cộng hòa Pháp.

Công nhận văn bằng Tiến sĩ ngày 30/10/2017 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo, vào sổ đăng ký số 001523/CNVB-TS.

10. Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS ngày 23 tháng 12 năm 2020 và được bổ nhiệm chức danh PGS ngày 09 tháng 02 năm 2021, ngành: Kinh tế.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Quản trị tài chính, quản trị công ty và quản trị rủi ro doanh nghiệp dưới tác động của môi trường kinh doanh

- *Hướng dẫn chính NCS đã được cấp bằng:*

+ Số lượng: 1/2 NCS với đề tài luận án “The impact of institutional distance between host and home countries on the performance of multinational company subsidiaries”

+ Số thứ tự [1] trong Mục 4

- *Sách đã xuất bản:*

+ Số lượng: 5/8 sách, gồm 1 giáo trình và 4 sách chuyên khảo

+ Số thứ tự [3], [4], [5], [6], [8] trong Mục 5

- *Đề tài khoa học đã nghiệm thu:*

+ Số lượng: 6/8 đề tài

+ Số thứ tự [2], [3], [4], [5], [7], [8] trong Mục 6

- *Bài báo khoa học:*

+ Số lượng: 51/76 bài báo và 02 bài viết đăng kỷ yếu hội thảo

+ Số thứ tự [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [14], [23], [26], [30], [31], [34], [35], [36], [37], [38], [39], [40], [41], [42], [43], [44], [45], [46], [47], [48], [49], [50], [51], [52], [53], [54], [55], [56], [57], [58], [59], [60], [61], [62], [64], [65], [68], [72], [73], [77], [78] trong Mục 7

Trong đó, ứng viên có 14 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín là tác giả chính sau PGS ở các số thứ tự: [37], [38], [39], [40], [41], [42], [43], [45], [46], [47], [50], [51], [53], [56]

Hướng nghiên cứu 2: Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi số

- *Hướng dẫn chính NCS đã được cấp bằng:*

+ Số lượng: 1/2 NCS với đề tài luận án “Chuyển đổi số chuỗi cung ứng cà phê nhằm đẩy mạnh xuất khẩu tại các tỉnh Tây Nguyên”

+ Số thứ tự [2] trong Mục 4

- Sách đã xuất bản:

- + Số lượng: 3/8 sách
- + Số thứ tự [1], [2], [7] trong Mục 5

- Đề tài khoa học đã nghiệm thu:

- + Số lượng: 2/8 đề tài
- + Số thứ tự [1], [6] trong Mục 6

- Bài báo khoa học:

- + Số lượng: 25/76 bài báo
- + Số thứ tự [1], [15], [16], [17], [18], [19], [20], [21], [22], [24], [25], [27], [28], [29], [32], [33], [63], [66], [67], [69], [70], [71], [74], [75], [76] trong Mục 7

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **2 NCS** bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 08 đề tài, trong đó:
 - + Chủ nhiệm **1 đề tài cấp quốc gia**
 - + Chủ nhiệm **1 đề tài Quỹ Nafosted**
 - + Thành viên chính **2 đề tài cấp tỉnh**
 - + Chủ nhiệm **4 đề tài cấp cơ sở**
- Đã công bố **76 bài báo khoa học**, trong đó:
 - + **35 bài báo khoa học** trên tạp chí quốc tế có uy tín
 - **27 bài báo** là tác giả duy nhất/tác giả chính và **8 bài báo** là đồng tác giả
 - **24 bài báo** được đăng trên tạp chí thuộc danh mục SSCI, **11 bài báo** được đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus/ESCI
 - **14 bài báo** được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín là tác giả duy nhất/tác giả chính sau khi được công nhận PGS
 - + **40 bài báo khoa học** được đăng trên các tạp chí trong nước và **1 bài báo khoa học** được đăng trên tạp chí quốc tế xuất bản trực tuyến.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **8 sách**, trong đó:
 - + **2 sách chuyên khảo** được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới (1 sách viết 4 chương và 1 sách viết một mình toàn bộ 8 chương)

- + **1 giáo trình và 5 sách chuyên khảo** được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín;
- Google Scholar và ORCID của ứng viên:

<https://scholar.google.com.vn/citations?user=AFRFV7oAAAAJ&hl=en>

<https://orcid.org/0000-0003-1953-0434>

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi đã được Trường Đại học Ngoại thương tuyển dụng làm giảng viên ngay sau khi tốt nghiệp cử nhân vào năm 2008. Trong hơn 16 năm qua, tôi đã dành toàn bộ thời gian và nỗ lực cho công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tham gia công tác quản lý tại Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi được công nhận chức danh Phó Giáo sư năm 2020, tôi đã tiếp tục đầu tư thời gian đào sâu kiến thức chuyên môn, tích cực hỗ trợ đồng nghiệp, người học trong nghiên cứu khoa học và góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Về phẩm chất đạo đức, tác phong nhà giáo, tôi luôn có ý thức giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng và hợp tác tốt với đồng nghiệp; đối xử công bằng với người học và bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học. Trong quá trình thực hiện chức trách tôi, luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, quy định của ngành giáo dục, quy chế đào tạo và quy định của Nhà trường.

Về hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo, tôi đã giảng dạy các chương trình đào tạo ở bậc đại học, sau đại học của Trường Đại học Ngoại thương và các trường đại học khác. Bên cạnh đó, tôi cũng đã được Đại học New Brunswick (Canada) và Đại học Bedfordshire (Vương Quốc Anh) công nhận đạt tiêu chuẩn giảng dạy đối với các chương trình hợp tác quốc tế do các trường này cấp bằng. Tôi luôn nỗ lực lựa chọn phương pháp giảng dạy thích hợp nhất với từng đối tượng người học để khuyến khích tính chủ động, tinh thần đổi mới sáng tạo và tư duy phản biện của người học. Sau khi được công nhận chức danh Phó Giáo sư, tôi tập trung nhiều hơn vào hướng dẫn nghiên cứu sinh làm luận án, hỗ trợ giảng viên trẻ và sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Năm 2023, tôi đã hướng dẫn nhóm sinh viên đạt Giải Nhì cấp Bộ “Giải thưởng Khoa học và Công nghệ dành cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học” và Giải Nhất cấp Trường cuộc thi sinh viên nghiên cứu

khoa học. Năm 2024, tôi tiếp tục hướng dẫn nhóm sinh viên đạt Giải Nhất cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường. Tôi cũng đã cùng với các giảng viên trẻ và sinh viên công bố nhiều bài báo trên các tạp chí quốc tế có uy tín và các tạp chí trong nước. Ngoài ra, tôi cũng đã giảng dạy ở các chương trình bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn do doanh nghiệp đặt hàng; tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo tại Trường Đại học Ngoại thương và các trường đại học khác.

Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tôi ý thức rất rõ về tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đối với giảng viên đại học. Vì vậy, tôi và các cộng sự luôn chủ động tìm hiểu và đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, tích cực biên soạn sách chuyên khảo để phục vụ đào tạo và tăng cường công bố trên các tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín. Sau khi được công nhận chức danh Phó Giáo sư, tôi đã hoàn thành 1 đề tài cấp quốc gia, 1 đề tài Quỹ Nafosted và 1 đề tài cấp cơ sở được giao làm chủ nhiệm; xuất bản 5 sách phục vụ đào tạo (2 sách chuyên khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín trên thế giới, 1 giáo trình và 2 sách chuyên khảo được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín trong nước); công bố 14 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín là tác giả duy nhất/tác giả chính. Tôi cũng đã làm trưởng 1 chương trình nghiên cứu do Trường Đại học Ngoại thương thành lập và thực hiện 1 đề tài chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp.

Ngoài các nhiệm vụ của một giảng viên, tôi cũng được Nhà trường giao cho nhiệm vụ quản lý là Phó Giám đốc Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương. Các lĩnh vực tôi được phân công phụ trách là quản lý đào tạo và quản lý khoa học cũng là cơ hội để tôi tiếp cận đầy đủ hơn về thực trạng đào tạo, khoa học và công nghệ của Nhà trường. Từ đó, tôi có những góp ý, tham gia vào quá trình xây dựng và điều chỉnh các chính sách của Nhà trường để nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển hoạt động khoa học và công nghệ.

Tôi nhận thấy bản thân đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo. Tôi sẽ tiếp tục nỗ lực, phấn đấu để rèn luyện đạo đức và tác phong, tích cực học hỏi, hoàn thiện về phương pháp sư phạm, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và trau dồi kỹ năng quản lý để hoàn thiện bản thân, đáp lại niềm tin quý báu của người học, đồng nghiệp và đáp ứng được kỳ vọng ngày càng cao của xã hội đối với giáo dục đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 7 tháng.
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS /CK2 /BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1								
2								
3								
03 năm học cuối								
4	2022-2023	1				90	45	135/272/81
5	2023-2024	2				45	45	90/231,5/81
6	2024-2025	3				90		90/354/81

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2016.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Các chương trình chất lượng cao tại Trường Đại học Ngoại thương và các chương trình liên kết giữa Trường Đại học Ngoại thương và Đại học Bedfordshire (Vương Quốc Anh), Đại học New Brunswick (Canada).

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 7.0.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2 /BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Sơn Đại	x		x		2023-2025	Trường Đại học Ngoại thương	25/6/2025
2	Trần Lục Thành	x		x		2022-2024	Trường Đại học Ngoại thương	20/3/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận PGS							
1	AEC và những vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp dịch vụ phân phối của Việt Nam	CK	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2018	6	x	C1 (1-19)	Xác nhận của Trường ĐH Ngoại thương
2	Nâng cao chất lượng dịch vụ trong bối cảnh hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN	CK	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2018	3	x	C1 (1-22)	Xác nhận của Trường ĐH Ngoại thương

3	Quản trị công ty: Lý thuyết và thực tiễn	CK	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2020	1	x	Viết một mình (4 chương)	Xác nhận của Trường ĐH Ngoại thương
II Sau khi được công nhận PGS							
4	Political corruption and corporate finance https://doi.org/10.1142/q0420	CK	NXB có uy tín trên thế giới World Scientific, 2023	2	x (đồng chủ biên)	Đầu sách và C1 (1-48) C2 (49-78) C5 (135-160) C6 và cuối sách (161-295)	Xác nhận của Trường ĐH Ngoại thương
5	Quản trị rủi ro doanh nghiệp: Lý thuyết và thực tiễn	CK	NXB Kinh tế TP.HCM, 2023	1	x	Viết một mình (6 chương)	Xác nhận của Trường ĐH Ngoại thương
6	Dividend policy: A business perspective https://doi.org/10.1108/978-1-83797-987-520241012	CK	NXB có uy tín trên thế giới Emerald, 2024	1	x	Viết một mình (8 chương)	Xác nhận của Trường ĐH Ngoại thương
7	Thương mại quốc tế và doanh nghiệp xuất khẩu trong bối cảnh chuyển đổi số	CK	NXB Kinh tế TP.HCM, 2024	1	x	Viết một mình (4 chương)	Xác nhận của Trường ĐH Ngoại thương
8	Tiêu chuẩn đạo đức hành nghề và quản trị doanh nghiệp	GT	NXB Thông tin và Truyền thông, 2025	2	x	Đầu sách và C1 (1-38) C2 (39-68) C5 (117-148) C6 (149-180) C7 (181-208) C8 (209-244) C9 (245-265)	Xác nhận của Trường ĐH Ngoại thương

Trong đó:

- Số lượng sách do nhà xuất bản có uy tín trong nước xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau PGS là 3 sách, bao gồm: [5] - viết một mình, [7] - viết một mình, [8] - viết 7/9 chương.

- Số lượng chương sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau PGS là 12 chương trong 2 sách, bao gồm: [4] - viết 4 chương, [6] - viết một mình toàn bộ 8 chương.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN /PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận PGS/TS					
1	Đề tài “Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu thủy sản của tỉnh Bến Tre - Tiếp cận từ chuỗi giá trị xuất khẩu”	TK	Cấp tỉnh	09/2010 - 09/2011	05/09/2011 Xếp loại Xuất sắc
2	Đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thay đổi nhân sự quản lý cấp cao của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”	CN	Mã số NT2016-38 Cấp cơ sở	04/2016 - 08/2017	06/09/2017 Xếp loại Tốt
3	Đề tài “Ảnh hưởng của thành viên hội đồng quản trị độc lập đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam”	CN	Mã số NTCS2018-26 Cấp cơ sở	04/2018 - 09/2019	18/09/2019 Xếp loại Tốt
4	Đề tài “Tác động của văn hóa doanh nghiệp đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp”	CN	Mã số NTDN2019-01 Cấp cơ sở	04/2019 - 09/2020	14/09/2020 Xếp loại Tốt

II Sau khi được công nhận PGS/TS					
5	Đề tài “Chính sách tiền tệ mở rộng và quyết định tài chính của doanh nghiệp tại một thị trường mới nổi”	CN	Mã số 502.02-2019.10 Quỹ Nafosted	05/2019 - 05/2021	10/11/2021 Xếp loại Đạt
6	Đề tài “Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2020 - 2030, định hướng đến 2035”	TV	Cấp tỉnh	03/2020 - 11/2020	23/12/2020 Xếp loại Đạt
7	Đề tài “Nhân rộng áp dụng hệ thống quản lý rủi ro ISO 31000 vào doanh nghiệp của Việt Nam”	CN	Mã số 03.6/NSCL- 2022 Cấp quốc gia	02/2022 - 01/2024	31/05/2024 Xếp loại Đạt
8	Đề tài “Tác động của các đặc điểm nhân sự quản lý cấp cao đến hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”	CN	Mã số NTCS2021-25 Cấp cơ sở	06/2021 - 05/2024	24/05/2024 Xếp loại Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký, TV: Thành viên chính.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS: 35 bài báo								
I.1 Các bài báo công bố trên tạp chí quốc tế: 14 bài báo								
1	Sustainability of households' seafood processing activities in Mekong delta https://ejournal.unib.ac.id/ajps/article/view/976/817	2		Asian Journal for Poverty Studies (ISSN 2477-0531)			Vol. 1, Iss. 2 (93-101)	2015

2	Dividend policy: Shareholder rights and creditor rights under the impact of the global financial crisis https://doi.org/10.1016/j.econmod.2017.03.010	3	x	Economic Modelling (ISSN: 0264-9993)	SSCI IF=4.7	34	Vol.64 (502-512)	2017
3	Dividend capture on the ex-dividend day: Evidence from Vietnamese stock market https://doi.org/10.21315/aa/mjaf2017.13.2.4	1	x	Asian Academy of Management Journal of Accounting and Finance (ISSN: 2180-4192)	ESCI và Scopus Q4	10	Vol. 13, No. 2 (69-94)	2018
4	Creditors and dividend policy: Reputation building versus debt covenant https://doi.org/10.1016/j.jiedeen.2019.06.001	1	x	European Research on Management and Business Economics (ISSN: 2444-8834)	SSCI IF=6.4	23	Vol. 25, Iss. 3 (114-121)	2019
5	Monetary loosening and dividend policy: Evidence from Vietnamese stock market https://doi.org/10.21315/aa/mj2019.24.2.5	5	x	Asian Academy of Management Journal (ISSN: 2180-4184)	ESCI và Scopus Q3	1	Vol. 24, No. 2 (95-112)	2019
6	Economic policy uncertainty and corporate risk-taking: International evidence https://doi.org/10.1016/j.mulfin.2019.100605	1	x	Journal of Multinational Financial Management (ISSN: 1042-444X)	SSCI IF=4.0	133	Vol. 52 (1-11)	2019
7	Corruption and corporate cash holdings: International evidence https://doi.org/10.1016/j.mulfin.2019.100611	1	x	Journal of Multinational Financial Management (ISSN: 1042-444X)	SSCI IF=4.0	65	Vol. 54 (1-15)	2020

8	Financial crisis, shareholder protection and cash holdings https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2019.101131	1	x	Research in International Business and Finance (ISSN: 0275-5319)	SSCI IF=6.9	37	Vol. 52 (1-14)	2020
9	Creditor protection, shareholder protection and investment efficiency: New evidence https://doi.org/10.1016/j.najef.2020.101170	1	x	The North American Journal of Economics and Finance (ISSN: 1062-9408)	SSCI IF=3.9	11	Vol. 52 (1-14)	2020
10	Monetary loosening and cash holdings: Evidence from an emerging market https://doi.org/10.1016/j.frl.2019.101312	1	x	Finance Research Letters (ISSN: 1544-6123)	SSCI IF=6.9	14	Vol. 36 (1-8)	2020
11	Corruption, agency costs and dividend policy: International evidence https://doi.org/10.1016/j.qref.2019.09.010	1	x	The Quarterly Review of Economics and Finance (ISSN: 1062-9769)	SSCI IF=3.1	80	Vol. 76 (325-334)	2020
12	Corporate cash holdings and financial crisis: New evidence from an emerging market https://doi.org/10.1007/s40821-019-00134-9	1	x	Eurasian Business Review (ISSN: 2147-4281)	SSCI IF=3.5	40	Vol. 10, Iss. 2 (271-285)	2020
13	Foreign ownership and investment efficiency: New evidence from an emerging market https://doi.org/10.1108/IJOEM-07-2019-0573	1	x	International Journal of Emerging Markets (ISSN: 1746-8809)	SSCI IF=3.0	62	Vol. 15, No. 6 (1185-1199)	2020
14	Uncertainty avoidance culture, cash holdings and financial crisis	1	x	Multinational Business Review (ISSN: 1525-383X)	SSCI IF=2.7	23	Vol. 28, No. 4	2020

	https://doi.org/10.1108/MBR-09-2019-0117						(549-566)	
I.2	<i>Các bài báo công bố trên tạp chí trong nước: 21 bài báo</i>							
15	Xuất khẩu gạo Việt Nam vào thị trường Trung Đông	1	x	Tạp chí Thương mại (ISSN: 0866-7500)			Số 43 (11-12)	2008
16	Israel - Thị trường xuất khẩu tiềm năng cho thủy sản Việt Nam	1	x	Tạp chí Thương mại (ISSN: 0866-7500)			Số 7 (29-30, 33)	2010
17	Đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất	1	x	Tạp chí Thương mại (ISSN: 0866-7500)			Số 14 (25-27)	2010
18	Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Đông	1	x	Tạp chí Thương mại (ISSN: 0866-7500)			Số 7 (26-28) và Số 8 (25-26)	2011
19	Nuôi trồng thủy sản đáp ứng quy định thị trường xuất khẩu của các hộ gia đình tại Đồng bằng Sông Cửu Long	2		Tạp chí Thương mại (ISSN: 0866-7500)			Số 26 (34-36)	2011
20	Giải pháp ứng phó với các rào cản kỹ thuật mới trong xuất khẩu thủy sản	1	x	Tạp chí Thương mại (ISSN: 0866-7500)			Số 27 (3-5) và Số 28 (11-12, 15)	2011
21	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại Việt Nam và một số giải pháp	2	x	Tạp chí Kinh tế đối ngoại (ISSN: 1859-4050)			Số 53 (78-83)	2012
22	Tăng cường vai trò hỗ trợ của Nhà nước trong xuất khẩu thủy sản	1	x	Tạp chí Thương mại (ISSN: 0866-7500)			Số 9 (8-11)	2012
23	Hoạt động của quỹ đầu tư chỉ số tại Hoa Kỳ và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	2		Tạp chí Công nghệ ngân hàng (ISSN: 1859-3682)			Số 90 (20-27)	2013

24	Mua sắm chính phủ của các quốc gia đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế đối ngoại (ISSN: 1859-4050)			Số 61 (22-30)	2014
25	Tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế đối ngoại (ISSN: 1859-4050)			Số 82 (79-86)	2016
26	Accessing to capital through securitization: Regulatory landscape in China and policy implications for Vietnam	2	x	Banking Science & Training Review (ISSN: 1859-011X)			No. 194 (59-64)	2018
27	Firm characteristics, perceived obstacles of institutional environment and export performance: Evidence from Vietnamese firms https://jiem.ftu.edu.vn/index.php/jiem/article/view/188	2	x	External Economics Review (ISSN: 1859-4050)		5	No. 108 (20-28)	2018
28	Ngành Logistics Việt Nam trong bối cảnh hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN	2	x	Tạp chí Kinh tế đối ngoại (ISSN: 1859-4050)			Số 114 (3-13)	2019
29	Triển khai áp dụng KPI hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh trong hội nhập quốc tế	3		Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)			Số 24 (84-88)	2019
30	Independent directors and firm performance: Evidence from Vietnamese stock market	2	x	Banking Science & Training Review (ISSN 1859-011X)		1	No. 207 (13-23)	2019

31	Independent directors and corporate investment: Evidence from an emerging market https://doi.org/10.1108/JED-06-2019-0008	1	x	Journal of Economics and Development (ISSN: 1859-0020)		27	Vol. 21, Iss. 1 (30-41)	2019
32	Chính sách phát triển ngành du lịch của Hàn Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng (ISSN: 1859-1531)			Vol. 17, No. 2 (5-9)	2019
33	Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu một số sản phẩm chính tại Tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2020-2030	3		Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)			Số 739 (93-95)	2020
34	Oil price and firm profitability: Evidence from Vietnamese stock market https://doi.org/10.38203/jiem.020.1.0004	2	x	Journal of International Economics and Management (ISSN: 2615-9856)		1	Vol. 20, No 1 (53-64)	2020
35	Ownership structure and demand for independent directors: Evidence from an emerging market https://doi.org/10.1108/JED-03-2020-0022	1	x	Journal of Economics and Development (ISSN: 1859-0020)		20	Vol. 22, Iss. 2 (335-342)	2020
II Sau khi được công nhận PGS: 41 bài báo và 2 bài viết đăng kỷ yếu hội thảo								
II.1 Các bài báo công bố trên tạp chí quốc tế: 22 bài báo								
36	Are Foreign investors afraid of state ownership? https://doi.org/10.21002/icmr.v13i1.13237	2		Indonesian Capital Market Review (ISSN: 1979-8997)	ESCI		Vol. 13, No. 1 (1-11)	01/2021
37	Expansionary monetary policy and corporate investment in an emerging market	1	x	Journal of Financial Economic Policy (ISSN: 1757-6385)	Scopus Q3	3	Vol. 13, No. 2 (239-255)	3/2021

	https://doi.org/10.1108/JFE-P-03-2020-0055							
38	Local corruption and dividend policy: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1016/j.eap.2021.02.011	1	x	Economic Analysis and Policy (ISSN: 0313-5926)	SSCI IF=8.7	27	Vol. 70 (195-205)	6/2021
39	Economic policy uncertainty and cost of debt financing: International evidence https://doi.org/10.1016/j.najef.2021.101419	1	x	The North American Journal of Economics and Finance (ISSN: 1062-9408)	SSCI IF=3.9	95	Vol. 57 (1-13)	7/2021
40	Monetary policy and corporate risk-taking: Evidence from an emerging market https://doi.org/10.21002/icmr.v13i2.13352	2	x	Indonesian Capital Market Review (ISSN: 1979-8997)	ESCI		Vol. 13, No. 2 (85-93)	7/2021
41	Corruption and corporate risk-taking: Evidence from emerging markets https://doi.org/10.1108/IJOEM-08-2019-0602	1	x	International Journal of Emerging Markets (ISSN: 1746-8809)	SSCI IF=3.0	35	Vol. 17 No. 5 (1238-1255)	2022
42	Corruption and corporate investment efficiency around the world https://doi.org/10.1108/EJMBE-11-2020-0321	2	x	European Journal of Management and Business Economics (ISSN: 2444-8494)	Scopus Q2	6	Vol. 31, No. 4 (425-438)	2022
43	Democracy and corporate R&D investment https://doi.org/10.1016/j.bir.2021.06.013	1	x	Borsa Istanbul Review (ISSN: 2214-8450)	SSCI IF=7.1	8	Vol. 22, Iss. 3 (465-476)	2022
44	Democracy and dividend policy around the world	2		The North American Journal of Economics and	SSCI IF=3.9	4	Vol. 62 (1-19)	2022

	https://doi.org/10.1016/j.najef.2022.101713			Finance (ISSN: 1062-9408)				
45	Foreign ownership and cost of debt financing: Evidence from an emerging market https://doi.org/10.1108/IJOEM-09-2019-0750	1	x	International Journal of Emerging Markets (ISSN: 1746-8809)	SSCI IF=3.0	26	Vol. 17 No. 9 (2278-2289)	2022
46	Employment protection legislation and R&D investment https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2022.101811	1	x	Research in International Business and Finance (ISSN: 0275-5319)	SSCI IF=6.9	8	Vol. 64 (1-9)	2023
47	Employment protection and corporate risk-taking https://doi.org/10.1016/j.frl.2022.103475	1	x	Finance Research Letters (ISSN: 1544-6123)	SSCI IF=6.9	3	Vol. 51 (1-8)	2023
48	Creditor protection, shareholder protection, and cost of debt financing around the world https://doi.org/10.1177/03128962221083375	4		Australian Journal of Management (ISSN: 0972-1509)	SSCI IF=2.1	5	Vol. 48, Iss. 1 (1-18)	2023
49	Foreign ownership, state ownership and cash holdings under the global financial crisis: Evidence from the emerging market of Vietnam https://doi.org/10.1108/IJOEM-03-2020-0303	3		International Journal of Emerging Markets (ISSN: 1746-8809)	SSCI IF=3.0	13	Vol. 18, No. 9 (3354-3369)	2023
50	Economic policy uncertainty, value of cash and financial crisis https://doi.org/10.1108/EJMBE-10-2020-0292	1	x	European Journal of Management and Business Economics (ISSN: 2444-8494)	Scopus Q2	6	Vol. 32, Iss. 1 (24-46)	2023

51	Local corruption and capital structure https://doi.org/10.1016/j.frl.2023.103937	5	x	Finance Research Letters (ISSN: 1544-6123)	SSCI IF=6.9	5	Vol. 55, Part B (1-8)	2023
52	Female directors and investment efficiency: New evidence from an emerging market https://doi.org/10.1177/09746862231205649	4		Indian Journal of Corporate Governance (ISSN: 0974-6862)	Scopus Q3		Vol. 16, Iss. 2 (200-217)	2023
53	State ownership and value of cash: New evidence from an emerging market https://doi.org/10.1108/IJOEM-02-2020-0196	1	x	International Journal of Emerging Markets (ISSN: 1746-8809)	SSCI IF=3.0	2	Vol. 18, No. 9 (2326-2342)	2023
54	Local corruption and SME investment https://doi.org/10.1016/j.frl.2024.105639	4		Finance Research Letters (ISSN: 1544-6123)	SSCI IF=6.9	2	Vol. 65 (1-8)	2024
55	Local corruption and corporate investment in an emerging market https://doi.org/10.1016/j.aglobe.2024.100087	3		Asia and the Global Economy (ISSN: 2667-1115)	Scopus Q2		Vol. 4, Iss. 2 (1-5)	2024
56	Local corruption and value of cash in an emerging market https://doi.org/10.1080/13504851.2024.2337319	1	x	Applied Economics Letters (ISSN: 1466-4291)	SSCI IF=1.3	1	Vol. 32, Iss. 10 (1512-1517)	6/2025
57	Local corruption and corporate risk-taking: new evidence from an emerging market https://doi.org/10.1007/s13520-025-00238-8	4		Asian Journal of Business Ethics (ISSN: 2210-6731)	Scopus Q1		Vol. 14, Iss. 1 (285-302)	6/2025

II.2	Các bài báo công bố trên tạp chí trong nước: 19 bài báo							
58	Chuyển giao công nghệ áp dụng công cụ chỉ số hoạt động chính (KPI) cho các doanh nghiệp Việt Nam	2		Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế (ISSN: 2615-9848)			Số 134 (106-120)	2021
59	Financial crisis and dividend policy: Evidence from an emerging market https://doi.org/10.38203/jiem.022.2.0046	3	x	Journal of International Economics and Management (ISSN: 2615-9856)		1	Vol. 22, Iss. 2 (25-41)	2022
60	Ảnh hưởng của giới tính nhân sự quản lý cấp cao đến tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn của doanh nghiệp https://jables.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=e2670bd8-fc59-4501-a2bd-64aace6207bc	5	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (ISSN: 2615-9104)			Tập 33, Số 12 (4-21)	2022
61	Quản lý rủi ro doanh nghiệp bằng tiêu chuẩn ISO 31000	2	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)			Số 35 (35-37)	2022
62	State ownership and corporate investment: evidence from Vietnamese stock market https://doi.org/10.38203/jiem.023.1.0060	6	x	Journal of International Economics and Management (ISSN: 2615-9856)			Vol. 23, No. 1 (39-51)	2023
63	Các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam sang thị trường Liên minh châu Âu	2		Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán (ISSN: 1859-4903)			253 (72-75)	2023
64	The effect of state ownership on corporate investment efficiency: Evidence from listed firms in Vietnam	5	x	Journal of International Economics and Management (ISSN: 2615-9856)		1	Vol. 23, No. 3 (56-67)	2023

	https://doi.org/10.38203/jiem.023.3.0074							
65	Áp dụng tiêu chuẩn quản lý rủi ro doanh nghiệp ISO 31000:2018 tại các doanh nghiệp sản xuất	3	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)			Số 1 (195-198)	2024
66	Corporate social responsibility and export performance in Vietnam: Evidence and policy recommendations	2	x	Journal of Finance and Accounting Research (ISSN: 2588-1493)			No.3 (122-125)	2024
67	Các hiệp định thương mại tự do điều chỉnh thương mại số quốc tế và hàm ý chính sách đối với Việt Nam	1	x	Tạp chí Khoa học chính trị (ISSN: 1859-0187)			Số 4 (34-39)	2024
68	State ownership and SMEs' performance in Vietnam https://doi.org/10.38203/jiem.024.2.0085	5		Journal of International Economics and Management (ISSN: 2615-9856)			Vol. 24, No. 2 (41-53)	2024
69	Tác động của các đối thủ cạnh tranh trong khu vực phi chính thức đến xuất khẩu của doanh nghiệp tại Việt Nam https://jabes.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=8e61e27b-e41e-45aa-8d72-5266cc8e5163	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (ISSN: 2615-9104)			Tập 35, Số 11 (4-16)	2024
70	Tác động của logistics xanh đối với xuất khẩu cà phê Việt Nam	2	x	Tạp chí Khoa học chính trị (ISSN: 1859-0187)			Số 2 (33-39)	3/2025
71	Các yếu tố tác động đến quyết định thay đổi công ty giao nhận hàng hóa đường	2	x	Tạp chí Khoa học kinh tế (ISSN: 0866-7969)			Tập 12, Số 1 (1-17)	3/2025

	biển của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam https://tapchikhkt.due.udn.vn/home/issue/59#							
72	Tác động của đổi mới xanh đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp https://doi.org/10.63065/ajeb.vn.2025.228.111632	6	x	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á (ISSN: 2615-9813)			Số 228 (106-116)	3/2025
73	Ảnh hưởng của đặc điểm hội đồng quản trị đến mức độ làm tròn cổ tức của doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam https://js.ktpt.edu.vn/index.php/jed/article/view/2059	2	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số 344 (14-22)	4/2025
74	Ảnh hưởng của lao động trình độ cao đến xuất khẩu của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i288.09	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán (ISSN: 1859-4903)			Số 288 (41-45)	5/2025
75	Nghiên cứu vai trò của giới tính và kinh nghiệm của giám đốc đối với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam https://jabes.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=c3746026-fe0e-4678-a770-b4d8d069f65f	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (ISSN: 2615-9104)			Tập 36, Số 3 (96-107)	3/2025
76	Tác động của các quy định về môi trường của liên minh Châu Âu đến dòng chảy thương mại giữa Việt Nam và liên minh Châu Âu	2	x	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ: Chuyên mục Kinh tế - Luật -			Tập 9, Số 2 (6113-6122)	6/2025

	https://stdjelm.scienceandtechnology.com.vn/index.php/stdjelm/article/view/1544			Khoa học Quản lý (ISSN: 2588-1051)				
II.3	Các bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học: 2 bài							
77	ESG và ổn định tài chính: Trường hợp các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	2		Kỷ yếu HTKH quốc gia “Kinh doanh có trách nhiệm hướng tới phát triển bền vững khu vực doanh nghiệp và các định chế tài chính” (ISBN: 978-632- 611-996-1)			338- 347	5/2025
78	The effect of foreign ownership on corporate maturity mismatch in Vietnam	2		Kỷ yếu HTKH quốc tế “Socio-economic and environmental issues in development” (ISBN: 978-604-79- 5010-2)			469- 477	6/2025

Ghi chú: Impact factor (IF) được tham chiếu từ Journal Citation Reports 2024 của Clarivate Analytics tại thời điểm ngày 20/6/2025.

Trong đó: **14 bài báo khoa học** đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS: [37], [38], [39], [40], [41], [42], [43], [45], [46], [47], [50], [51], [53], [56].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Quản lý kinh tế	Tham gia	Quyết định 3379/QĐ-ĐHNT ngày 24/9/2024	Trường Đại học Ngoại thương	Quyết định số 08/QĐ-ĐHNT ngày 03/01/2025	

2	Chương trình đào tạo trình độ đại học Truyền thông marketing tích hợp	Tham gia	Quyết định 2669/QĐ-ĐHNT ngày 25/10/2021	Trường Đại học Ngoại thương	Quyết định số 438/QĐ-ĐHNT ngày 28/02/2022	
3	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Tham gia	Quyết định 298/2021/QĐ-ĐHPT ngày 20/3/2021	Trường Đại học Phan Thiết	Quyết định số 428/QĐ-ĐHPT ngày 08/12/2021	
4	Chương trình nghiên cứu “Nghiên cứu thực chứng về môi trường kinh doanh, quản trị và quyết định tài chính của doanh nghiệp” mã số FTURP01-2020-07	Chủ trì	Quyết định số 163/QĐ-ĐHNT ngày 22/01/2021	Trường Đại học Ngoại thương	Quyết định số 512/QĐ-CSII ngày 27/02/2024	
5	Đề tài “Áp dụng ISO 31000:2018 để quản lý rủi ro tại Công ty TNHH L Trans Cargo Logistics”	Chủ trì	Hợp đồng số HĐ/NTDN2023-06 ngày 10/01/2024	Công ty TNHH L Trans Cargo Logistics và Trường Đại học Ngoại thương	Quyết định số 05/QLRR ngày 19/06/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:.....

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Trần Quốc Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Triết học; Chuyên ngành: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Bùi Xuân Dũng**

2. Ngày tháng năm sinh: 5/2/1985 ☒ Nam ☐ Nữ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 14B Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ: 14B Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0985793385; E-mail: dungbx@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác:

- Từ 2/2009 đến 10/2019: Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Phó giám đốc Trung tâm tin học, Trường Cán bộ quản lý giáo dục Tp. Hồ Chí Minh.

- Từ 11/2019 – 1/2023: Giảng viên, Trưởng ngành các môn học Lý luận chính trị, Phó trưởng Khoa Đào tạo chất lượng cao, Trường Đại học Sư Phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

- Từ 2/2023 – nay: Giảng viên, giảng viên chính, Khoa Lý luận chính trị (nay là Viện Khoa học chính trị - xã hội), Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Hướng dẫn luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 30 tháng 12 năm 2007; số văn bằng: XB04761/039KH2/2006; ngành: Triết học, chuyên ngành: Chính trị học; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 14 tháng 9 năm 2012; số văn bằng: XM01701/71KH2; ngành: Triết học; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 24 tháng 11 năm 2016; số văn bằng: QS:09311/72KH2/2014; ngành: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Triết học - Chính trị học - Xã hội học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

*** Triết học xã hội:**

- Bài báo khoa học:

+ Số lượng 23 bài báo, số thứ tự: [5], [6], [7], [8], [9], [12], [15], [18], [20], [22], [25], [26], [31], [32], [33], [34], [35], [36], [37], [39], [40], [41], [42] mục B.7.1.a.

+ Trong đó có 5 bài báo trong danh mục tạp chí uy tín Scopus/Wos mà ứng viên là tác giả chính: số thứ tự [15], [20], [26], [41], [42] mục B.7.1.a.

- Sách: số lượng 2: số thứ tự [1], [2], mục B.5.

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: số lượng 1: số thứ tự [2], mục B.6

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở: số lượng 1: số thứ tự [3], mục B.6.

- Hướng dẫn thạc sĩ: số lượng 1: số thứ tự [1], mục B.4.

*** Triết học văn hóa**

- Bài báo khoa học:

+ Số lượng 19 bài báo, số thứ tự: [1], [2], [3], [4], [10], [11], [13], **[14], [16], [17], [19], [21], [23], [24], [27], [28], [29], [30], [38]**, mục B.7.1.a.

+ Trong đó có 5 bài báo trong danh mục tạp chí uy tín Scopus/Wos mà ứng viên là tác giả chính: số thứ tự **[14], [16], [19], [28], [29]**, mục B.7.1.a.

- Sách: số lượng 1: số thứ tự [3], mục B.5.

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở: số lượng 1: số thứ tự [1], mục B.6.

- Hướng dẫn thực sĩ: số lượng 1: số thứ tự [2], mục B.4.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **2 Học viên cao học** chuyên ngành Triết học bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **2 đề tài NCKH** cấp Cơ sở; **1 đề tài** cấp Bộ.

- Đã công bố **42 bài báo khoa học**, trong đó ứng viên là tác giả chính **10 bài báo khoa học** trên tạp chí quốc tế có uy tín (Scopus, Wos).

- Số lượng sách đã xuất bản: **3 cuốn** (Chủ biên, đồng chủ biên), trong đó 3 cuốn thuộc Nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng:

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2020-2021 theo quyết định số 1999/QĐ-ĐHSPKT ngày 5/11/2021 của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2023-2024 theo quyết định số 1427/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 19/4/2024 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giảng viên xuất sắc năm 2024 theo quyết định số 1427/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 19/4/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2024-2025 theo quyết định số 220/QĐ-ĐHKT-PTTCNL ngày 15/01/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Bản thân ứng viên nhận thấy:

a) Về tiêu chuẩn nhà giáo: Ứng viên tự đánh giá đạt các tiêu chuẩn nhà giáo theo quy định: Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; Ứng viên đã được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ đạt trình độ chuẩn; Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; Lý lịch rõ ràng, là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Về nhiệm vụ: Tự đánh giá bản thân, trong nhiều năm qua, ứng viên đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của nhà giáo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Ứng viên có lập trường tư tưởng vững vàng, bản lĩnh chính trị ổn định; phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng đúng đắn, đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Không vi phạm các quy định về những điều giảng viên không được làm. Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và các nhiệm vụ khác theo phân công. Có thái độ hòa nhã, tinh thần đoàn kết, hợp tác và sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chung của đơn vị.

- Ứng viên được đào tạo chính quy về chuyên môn ở các bậc đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; đã được bồi dưỡng và có đầy đủ các chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm và quản lý trong đào tạo đại học. Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy ở trình độ đại học và sau đại học; tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, chấm luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ; biên soạn sách chuyên khảo phục vụ công tác đào tạo. Đồng thời, hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo kế hoạch.

- Tôn trọng nhân cách, công bằng và bảo vệ quyền lợi của người học. Gương mẫu trong thực hiện nghĩa vụ công dân và trong việc thực hiện các quy định pháp luật của nhà nước và các quy định của Nhà trường. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp dạy cũng như trình độ ngoại ngữ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 5 năm 8 tháng. Số năm học liên tục đủ giờ chuẩn dạy Đại học, Sau Đại học và hoàn thành nhiệm vụ giảng viên: 6 năm liên tục (2019-2020), (2020-2021), (2021-2022), (2022-2023), (2023-2024), (2024-2025).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp HS

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020					150	105	255/297,08/216*
2	2020-2021					375		375/484,33/216*
3	2021-2022			2 Thạc sĩ		345		345/415,13/216*
03 năm học cuối								
4	2022-2023					450	60	510/597,86/270
5	2023-2024					540		540/540/270
6	2024-2025					495		495/495/270

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

* Căn cứ theo Quyết định số 2461/QĐ-ĐHSPKT ngày 11/11/2019 và Quyết định số 612/QĐ-ĐHSPKT ngày 21/2/2020 của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Tp Hồ Chí Minh.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

Được cấp bằng Đại học ngày 8 tháng 5 năm 2021; số văn bằng: 590/NA2/VB2-2021; ngành: Ngôn ngữ Anh, hệ Chính quy, chuyên ngành: Tiếng Anh thương mại; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Cửu Long.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Cử nhân tiếng Anh thương mại.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ...đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		HVCH	Chính	Phụ			
1	Nhữ Thành Trung	HVCH	x		1/2022 – 10/2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	5/12/2022
2	Trần Nhật Minh	HVCH	x		1/2022 – 10/2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	5/12/2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDĐH
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Nhân cách con người Việt Nam và sự phát triển	CK	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự Thật, 2021 Số đăng ký xuất bản: 2136-2021/CXBIPH/3-21/CTQG. Quyết định xuất	2	Bùi Xuân Dũng (Chủ biên)	Chương 1, chương 2	Quyết định về việc phê duyệt sách phục vụ đào tạo số 4405/QĐ-ĐHKT-QLKHHTQT.

	nguồn nhân lực trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.		bản số: 403-QĐ/NXBCTQG ngày 22/6/2021. Mã số ISBN: 978-604-57-6861-7 Nộp lưu chiều 6/2021				Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo số 51/ĐHKT-NCPTGKTC
2	Chủ nghĩa thực dụng và việc giáo dục con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.	CK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh , Số đăng ký xuất bản: 160-2022/CXBIPH/14-01/ĐHQGTPHCM. Quyết định xuất bản số: 43/QĐ-NXB ngày 13/3/2022 Mã số ISBN: 978-604-73-8825-7 Nộp lưu chiều năm 2022	2	Bùi Xuân Dũng (Đồng chủ biên)	Chương 1, chương 2	Quyết định phê duyệt sách phục vụ đào tạo số 1491/QĐ-ĐHKT-QLKHHTQT. Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo số 51/ĐHKT-NCPTGKTC
3	Giá trị văn hóa truyền thống dân tộc với nguồn nhân lực Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay.	CK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh , Số đăng ký xuất bản: 160-2022/CXBIPH/15-01/ĐHQGTPHCM. Quyết định xuất bản số: 37/QĐ-NXB ngày 18/3/2022 Mã số ISBN: 978-604-73-8826-4 Nộp lưu chiều năm 2022	1	Bùi Xuân Dũng	Toàn bộ	Quyết định Về việc phê duyệt sách phục vụ đào tạo số 768/QĐ-ĐHKT-QLKHHTQT. Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo số 51/ĐHKT-NCPTGKTC

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau Tiến sĩ: **3 sách chuyên khảo [1], [2], [3]**

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Thực trạng mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa của Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay (ĐT).	CN	T2022-165 Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	2022	6/12/2022 Tốt
2	Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo khởi doanh nghiệp tư nhân ngành công nghiệp ở Việt Nam (ĐT).	TV	B2022-KSA-06 Bộ giáo dục và đào tạo	2022-2024	11/10/2024 Đạt
3	Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong việc xây dựng nông thôn mới ở TP.HCM hiện nay (ĐT).	CN	CS-2024-04 Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2024 - 2025	22/5/2025 Tốt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: WOS, Scopus	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Vai trò của giá trị văn hóa truyền thống dân tộc	1	X	Khoa học chính trị			Số 6, 44-47	6/2015

	trong phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam hiện nay.			ISSN: 1859-0187				
2	Những vấn đề đặt ra đối với việc giảng dạy chủ nghĩa Mác Lênin cho sinh viên trong các Trường Đại học, Cao đẳng ở Việt Nam hiện nay.	2	X	Hội thảo khoa học quốc gia: Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn Lý luận chính trị trong các trường Đại học, Cao đẳng ISBN 978-604-36-5417-9			376-383	9/2015
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
3	Một số vấn đề đặt ra đối với việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam và Lào trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.	2	X	Hội thảo khoa học quốc tế: Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống Việt – Lào trong quá trình hội nhập quốc tế ISBN 978-604-57-3684-5			593-605	9/2017
4	Chủ nghĩa Mác trước xu thế toàn cầu hóa của thời đại ngày nay.	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Các Mác – giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại” do Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành			36-39	9/2018

				phố Hồ Chí Minh tổ chức. ISBN: 978-604- 73-6279-0				
5	Liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, một bước để giải quyết tình trạng thất nghiệp của sinh viên sau khi ra trường.	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong việc giải quyết việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp” do Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. ISBN: 978-604-922-689-2			291-297	3/2019
6	Một số vấn đề đặt ra đối với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam tại Đại hội Đảng lần thứ 13 sắp tới.	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Nghiên cứu chủ trương, đường lối, cơ chế và chính sách phát triển kinh tế trong dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII” do Trường Đại học Kinh tế Thành				6/2020

				phố Hồ Chí Minh tổ chức. ISBN: 978-604- 922-689-2				
7	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất trong sự nghiệp đổi mới của Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí Triết học ISSN: 0866- 7632			Số 7/2020 47-56	7/2020
8	Các đô thị thông minh trên thế giới và quá trình xây dựng đô thị thông minh tại Thành phố Hồ Chí Minh.	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Đô thị thông minh: Mô hình Thành phố Hồ Chí Minh” do Tạp chí Cộng sản và Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. ISBN: 978-604- 68-6603-9			143-151	10/2020
9	Tác động của Cách mạng Công nghiệp 4.0 đến lực lượng lao động của Việt Nam trong bối cảnh phát triển nền kinh tế số.	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Quá trình chuyển đổi số của nền kinh tế Việt Nam: Công nghệ, thị trường và chính sách” do Trường Đại			322-329	12/2020

				học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. ISBN: 978-604- 922-910-7				
10	Giá trị văn hóa truyền thống dân tộc với việc phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí Triết học ISSN: 0866- 7632			Số 1/2021 36-42	1/2021
11	Vai trò của việc kế thừa, phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc để phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông ISSN: 1859- 1485			Số chuyên đề 03 41-44	4/2021
12	Quan điểm của học thuyết Mác về dân chủ Xã hội chủ nghĩa và việc xây dựng, hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí Triết học ISSN: 0866- 7632			Số 6/2021 34-42	6/2021
13	Vai trò của phát triển văn hóa với việc xây dựng con người Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông. ISSN: 1859- 1485			Số chuyên đề 04 5-8	10/2021
14	The Philosophy of Nguyen Trai for the advancement of the Concept in Humanity. https://doi.org/10.47836/pjssh.29.4.20	2	X (Tác giả liên hệ)	Pertanika Journal of Social Science and Humanities. ISSN: 0128- 7702, 2231-8534	Scopus Q3 H-index = 14 WOS (ESCI) JCI = 0.14		Vol 29, No4 2453- 2468	12/2021

15	Pragmatist Idea of Democracy in Education and Its Meaning for Educational Innovation in Vietnam Today. https://doi.org/10.47836/1.26385/SG.100441	2	X (Tác giả liên hệ)	Studia Gilsoniana ISSN: 2300-0066, 2577-0314	Scopus Q2 H-index = 3		Vol 10, No 4 975-995	12/2021
16	Rousseau's Philosophical and Educational Innovation in Vietnam Today. https://jsser.org/index.php/jsser/article/view/3541	2	X (Tác giả 1)	Journal of Social Studies Education Research ISSN: 1309-9108	Scopus Q2 H-index = 16		Vol 12, No 4 197-208	12/2021
17	Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí Triết học ISSN: 0866-7632			Số 3/2022 38-46	3/2022
18	Phát triển giáo dục, đào tạo nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí Nghiên cứu dân tộc ISSN: 0866-773X			Vol 11 Issue 1 20-25	3/2022
19	Nguyen Trai of benevolence and righteousness are necessary for Vietnamese today. https://doi.org/10.1590/0101-3173.2022.v45esp2.p125	2	X (Tác giả liên hệ)	Trans / Form / Ação: Revista de Filosofia ISSN: 0101-3173, 1980-539X	Scopus Q3 H-index = 5 WOS (AHCI)		Vol. 45 (2022) 125-148	4/2022

20	Human resource development experience of some developed countries and lessons drawn for Vietnam today. https://doi.org/10.33975/riuq.vol34n1.858	2	X (Tác giả liên hệ)	Revista de Investigaciones de la Universidad del Quindío ISSN: 1794-631x e-ISSN: 2500-5782	WOS (ESCI) JCI = 0.04		Vol 34, No1 118-127	5/2022
21	Mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa của TP. Hồ Chí Minh hiện nay.	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông ISSN: 1859-1485			Chuyên đề số 1/2022 132-135	5/2022
22	Phát huy nguồn lực thanh niên ở Việt Nam hiện nay thông qua giáo dục – đào tạo.	1	X	Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội ISSN: 0866-756X			Số 4 (107) 98-105	5/2022
23	Vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công tác giáo dục thanh niên hiện nay.	1	X	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN: 0866-8655			Số 497 5/2022 7-10	5/2022
24	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn Việt Nam: thực trạng và giải pháp.	1	X	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam ISSN: 1013-4328			Số 6/2022 25-33	6/2022
25	Thu hút, trọng dụng nhân tài – động lực để phát triển nhanh và bền vững đất nước theo tinh thần nghị quyết Đại hội	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị điện tử ISSN: 2525-2567			Tháng 7/2022	7/2022

	XIII của Đảng.							
26	Education Philosophy of Pragmatism and its Impact in the Global Context Present. https://doi.org/10.1163/18758185-bja10042	2	X (Tác giả 1)	Contemporary Pragmatism ISSN: 1572-3429, 1875-8185	Scopus Q2 H-index = 9 WOS (AHCI) JCI = 0.37		Vol 19, Issue 3 310-329	8/2022
27	Tác động của toàn cầu hóa đến giá trị truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí Nghiên cứu dân tộc ISSN: 0866-773X			Vol 11, No 3 92-96	9/2022
28	The role of absolute spirit in Hegel's philosophy. https://seer.ucp.br/seer/index.php/synesis/article/view/2268	1	X	Synesis ISSN 1984-6754	WOS (ESCI) JCI = 0.66		Vol. 14, No. 2, 195-210	10/2022
29	Aristotle's philosophy on happiness and its meaning to educate Vietnamese today. https://doi.org/10.32744/pse.2022.6.28	2	X (Tác giả 1)	Perspektivy Nauki i Obrazovania ISSN: 2307-2334	Scopus Q2 H index = 6 (Category: Philosophy)		Vol 60 No 6 475-490	12/2022
30	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.	1	X	Tạp chí Tổ chức Nhà nước online ISSN: 2588-237X				1/2023
31	Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị điện tử ISSN 2525-2607				2/2023

	Trung ương 5 khóa XIII của Đảng.							
32	Học thuyết hình thái - kinh tế xã hội và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí Nghiên cứu dân tộc ISSN: 0866-773X			Vol 12, No 1 51-55	3/2023
33	Xây dựng triết lý giáo dục của Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí Triết học ISSN: 0866-7632			12(391) 45-53	12/2023
34	Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong việc xây dựng Xã hội chủ nghĩa của Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí Nghiên cứu dân tộc ISSN: 0866-773X			Vol 13 Issue 1 1-4	12/2023
35	Khôi phục tổng cầu để thúc đẩy tăng trưởng trong năm 2024: Nhìn từ góc độ xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	2	X	Kỷ yếu hội thảo Quốc gia Kinh tế Việt Nam năm 2023 và triển vọng 2024. Thúc đẩy tổng cầu để tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới. Đại học Kinh tế quốc dân. ISBN: 978-604-79-4364-7			470-479	5/2024
36	Ảnh hưởng của Chat GPT đối với việc giáo dục tư tưởng chính trị cho sinh viên đại học ở Việt Nam hiện nay.	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Ảnh hưởng của Chat GPT và các công			43-54	10/2024

				cụ tương tự đối với chất lượng dạy, học các môn Lý luận chính trị. ISBN: 978-604-489-457-7				
37	Một số đóng góp vào định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tổng kết 40 năm đổi mới trong dự thảo văn kiện đại hội Đảng XIV.	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Đóng góp đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2025-2030 ISBN: 978-604-346-397-2			180-196	12/2024
38	Vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Thành phố Hồ Chí Minh.	1	X	Tạp chí Nghiên cứu dân tộc ISSN: 0866-773X			Vol 14, Issue 1 140-144	1/2025
39	So sánh tư tưởng giáo dục đạo đức của John Dewey và Khổng Tử: bài học cho giáo dục đạo đức của Việt Nam hiện nay.	1	X	Tạp chí nghiên cứu Triết học ISSN: 2734-990X			Vol 20 65-71	3/2025
40	Hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng giao thông đồng bằng Sông Cửu Long: kinh nghiệm từ Đông Nam Á và giải pháp địa phương.	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Cơ sở lý luận và kinh nghiệm một số quốc gia trên thế			120-129	5/2025

				giới về phương thức huy động và sử dụng các nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu”. ISBN:978-604-346-443-6				
41	William James’s Pragmatism Unleashed: Igniting Modern Education with Dynamic, Student-Driven Innovation. https://doi.org/10.1163/18758185-bja10109	1	X	Contemporary Pragmatism ISSN: 1572-3429, 1875-8185	Scopus Q3 H-index = 9 WOS (AHCI) JCI = 0.37		Vol 22 Issue 1 1-19	6/2025
42	Confucius’s Pragmatic Educational Philosophy: Insights for Holistic Innovation in Vietnamese Education in the Digital Era. https://doi.org/10.31977/grirfi.v25i2.5293	1	X	Griot : Revista de Filosofia ISSN: 2178-1036	WOS (ESCI) JCI = 0.23		Vol. 25 No. 2 58-67	6/2025

Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (Scopus/WOS) mà Ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ là 10 bài: số thứ tự **[14], [15], [16], [19], [20], [26], [28], [29], [41], [42]** mục B.7.1.a

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (KH An ninh và KH quân sự)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Tên chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của CSGD đại học	Trách nhiệm	Văn bản thẩm định để đưa vào sử dụng
1	Chương trình tiên tiến quốc tế UEH trình độ đại học, hệ chính quy tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên	Quyết định số 4487/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS: Không

b) Hoạt động đào tạo:

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu: 4 tháng

- Ứng viên xin đề xuất Hội đồng tính gấp hai lần điểm công trình khoa học quy đổi tối thiểu đóng góp từ các bài báo khoa học, vận dụng từ Mục 3, Điều 6, Quyết định 37 do ứng viên chưa đủ thâm niên 6 năm đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ Đại học trở lên.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

- Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Bùi Xuân Dũng

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Kinh tế**

Chuyên ngành: **Tài chính – Ngân hàng**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: **ĐINH THỊ THU HỒNG**
- Ngày tháng năm sinh: 08/12/1981; Nam ☐ ; Nữ ☒ Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
- Quê quán: xã Yên Phương, huyện Ý Yên, Nam Định
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 107, Lô A, chung cư 43 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ liên hệ: 182/9B Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại di động: 0903361870; E-mail: hongtcdn@ueh.edu.vn
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 6/2003 đến 3/2006: Nhân viên Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
 - Từ tháng 4/2006 đến nay: Giảng viên cơ hữu tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (nay là Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh).

Chức vụ:

Hiện nay: Phó Trưởng ban thường trực Ban Đào tạo – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu trưởng Trường Kinh doanh – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 028. 38.295.299

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 9 năm 2023;

Số văn bằng : 484154;

Ngành : Tài chính – Tiền tệ - Tín dụng, chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp;

Nơi cấp bằng ĐH: Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 1 năm 2008;

Số văn bằng : 0034936;

Ngành : Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành: Tài chính;

Nơi cấp bằng ThS: Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 9 năm 2015;

Số văn bằng : 000006;

Ngành : Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành: Tài chính;

Nơi cấp bằng ĐH: Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong quá trình công tác với vai trò là một giảng viên đại học, tôi ý thức được nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở lĩnh vực chuyên môn được đào tạo từ bậc Đại học đến Tiến sĩ, kết hợp với kiến thức và kinh nghiệm giảng dạy các môn học được phân công tại Khoa Tài chính, tôi đã từng bước tìm tòi, phát hiện các vấn đề thực tiễn, các khoảng trống nghiên cứu, và thực hiện các nghiên cứu khoa học liên quan. Theo đó, các nghiên cứu của tôi trong thời gian qua tập trung theo ba hướng chính: Tài chính quốc tế; Thị trường tài chính và các định chế; và Quản trị rủi ro tài chính. Với mỗi hướng nghiên cứu, tôi đều quan tâm cập nhật những xu hướng vận động, phát triển của thị trường, của nền kinh tế, ảnh hưởng của tiến bộ công nghệ, đặc biệt chú trọng những vấn đề nổi bật mà các quốc gia đang quan tâm hiện nay như phát triển bền vững, biến đổi khí hậu,... Kết quả nghiên cứu gắn với mỗi hướng được thể hiện qua đề tài nghiên cứu các cấp được hoàn thành, bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế uy tín, hay các bài tham gia hội thảo khoa học. Cụ thể:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Tài chính quốc tế

Hướng nghiên cứu này được thể hiện rõ nét và xuyên suốt quá trình nghiên cứu và giảng dạy của ứng viên, đặc biệt qua nghiên cứu trong Luận án tiến sĩ về “Bộ ba bất khả thi và lựa chọn chính sách cho Việt Nam”. Đóng góp quan trọng của luận án là đo lường mức độ đạt được các mục tiêu chính sách của Việt Nam và một số quốc gia châu Á trên thực tế, chứng minh sự ràng buộc của lý thuyết Bộ ba bất khả thi, và đánh giá tác động của các kết hợp chính sách đến tăng trưởng, lạm phát và sự ổn định của nền kinh tế. Theo hướng nghiên cứu về Tài chính quốc tế, các nghiên cứu mà ứng viên thực hiện tập trung vào chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái, nợ công, giá dầu, tăng trưởng kinh tế, phát triển tài chính. Và với xu hướng phát triển của công nghệ trong lĩnh vực tài chính, một số nghiên cứu liên quan đến tiền kỹ thuật số, những thay đổi trong hệ thống thanh toán và hệ thống tiền tệ quốc tế cũng được ứng viên chú trọng thực hiện.

Các kết quả nghiên cứu và đào tạo theo hướng nghiên cứu thứ nhất được thể hiện trong các công trình sau đây:

+ **16 bài báo khoa học** được công bố trên các tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế uy tín theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 7): [2], [3], [4], [5], [8], [9], [24], [25], [26], [27], [30], [40], [41], [42], [43], [48].

+ **04 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 6): [4], [5], [6], [10].

+ **01 sách tham khảo** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 5): [4].

+ **04 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng thạc sĩ theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 4): [1], [2], [3], [15].

- Hướng nghiên cứu thứ hai: Thị trường tài chính và các định chế

Chức năng quan trọng nhất của thị trường tài chính là giúp luân chuyển vốn trong nền kinh tế, giữa các quốc gia, và trên toàn thế giới. Để thị trường được vận hành hiệu quả phải kể đến vai trò trung gian quan trọng của các định chế tài chính, cũng như vai trò điều tiết và giám sát của các cơ quan quản lý. Nhận thức được tầm quan trọng của những vấn đề liên quan đến thị trường tài chính, các định chế tài chính, đặc biệt là những chuyển biến mới trên thị trường nhờ công nghệ, những cú sốc trên thị trường như sự kiện khủng hoảng, phá sản ngân hàng,... cùng với tầm ảnh hưởng quy mô toàn cầu, đe dọa đến ổn định kinh tế và tài chính của tất cả các quốc gia, ứng viên đã nghiên cứu các chủ đề theo hướng này. Các nghiên cứu về thị trường tài chính và các định chế tập trung vào vai trò của chính sách tiền tệ, tăng trưởng tín dụng, sự tương tác giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, hiệu quả và rủi ro trong hoạt động của ngân hàng thương mại, vai trò của công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, hoạt động ngân hàng ngầm, và nguồn nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng trong bối cảnh hiện nay.

Các kết quả nghiên cứu và đào tạo theo hướng nghiên cứu thứ hai được thể hiện trong các công trình sau đây:

+ **16 bài báo khoa học** được công bố trên các tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế uy tín theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 7): [14], [15], [16], [18], [22], [23], [28], [31], [33], [34], [35], [36], [37], [39], [46], [49].

+ **06 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 6): [1], [7], [8], [11], [12], [14].

+ **01 sách chuyên khảo** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 5): [1].

+ **07 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng thạc sĩ theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 4): [4], [5], [6], [7], [8], [9], [13].

- Hướng nghiên cứu thứ ba: Quản trị rủi ro tài chính

Nghiên cứu về chủ đề quản trị rủi ro tài chính mà ứng viên tham gia và chủ trì thực hiện gắn liền với các vấn đề của thị trường tài chính, như những rủi ro của quá trình tự do hóa tài chính ở Việt Nam, nợ xấu và rủi ro đạo đức trong hệ thống ngân hàng, tăng trưởng tín dụng và vai trò của chính sách vĩ mô thận trọng, hay rủi ro biến động giá hàng hóa, tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán. Bên cạnh đó, trước những vấn đề đặt ra liên quan đến rủi ro biến đổi khí hậu, thách thức của quá trình chuyển đổi xanh và tăng trưởng bền vững hiện nay, nghiên cứu về các tác động này đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp, đến rủi ro liên quan của các định chế tài chính cũng được ứng viên chú trọng triển khai nghiên cứu.

Các kết quả nghiên cứu và đào tạo theo hướng nghiên cứu thứ ba được thể hiện trong các công trình sau đây:

+ **17 bài báo khoa học** được công bố trên các tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế uy tín theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 7): [1], [6], [7], [10], [11], [12], [13], [17], [19], [20], [21], [29], [32], [38], [44], [45], [47].

+ **05 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 6): [2], [3], [9], [13], [15].

+ **02 sách chuyên khảo** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 5): [2], [3].

+ **04 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng thạc sĩ theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 4): [10], [11], [12], [14].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **15 Học viên cao học** bảo vệ thành công luận văn, đề án và đã nhận bằng Thạc sĩ;

- Đã hoàn thành **15 nhiệm vụ KHCN** từ cấp cơ sở trở lên, đang là chủ nhiệm của 01 nhiệm vụ KHCN cấp Cơ sở, trong đó:

- + Thành viên của 04 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu;
- + Thành viên của 02 đề tài cấp Cơ sở đã nghiệm thu;
- + Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Tỉnh (tương đương cấp Bộ) đã nghiệm thu;
- + Chủ nhiệm 08 đề tài cấp Cơ sở đã nghiệm thu;
- + Chủ nhiệm 01 đề tài KHCN cấp Cơ sở đang thực hiện đúng tiến độ.

- Đã công bố **49 bài báo khoa học** trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế uy tín, các kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và quốc tế có phản biện; trong đó có **04 bài báo khoa học** mà ứng viên là tác giả chính được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus, và **01 chương sách** NXB có uy tín trên thế giới mà ứng viên là tác giả chính.

- Số lượng sách đã xuất bản: **04 sách (03 chủ biên và 01 thành viên)**, tất cả 04 sách đều thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025 (QĐ số 1057/QĐ-BGDĐT ngày 18/04/2025);

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2020 (QĐ số 4085/QĐ-BGDĐT ngày 03/12/2020);

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018 (QĐ số 4753/QĐ-BGDĐT ngày 02/11/2018);

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2017 (QĐ số 753/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2017);

+ Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm 2019 (QĐ số 4343/QĐ-BGDĐT ngày 13/11/2019);

+ Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021 (QĐ số 3792/QĐ-UBND ngày 8/11/2021);

+ Cá nhân điển hình tiên tiến, có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển của UEH, giai đoạn 2015-2020 (QĐ số 156/QĐ-ĐHKT-NS ngày 15/01/2020);

+ Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở trong nhiều năm;

+ Danh hiệu Lao động tiên tiến từ năm 2016 – 2024;

+ Danh hiệu Cán bộ quản lý xuất sắc năm 2023-2024;

+ Danh hiệu Giảng viên xuất sắc từ năm 2018 – 2023;

+ Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. HCM về đóng góp tích cực trong chương trình đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA tại UEH năm 2019 (QĐ số 3300/QĐ-ĐHKT-NS);

+ Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. HCM về giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt thành tích cao năm 2020 (QĐ số 1262/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 24/4/2021);

+ Các Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. HCM về đạt giải thưởng "Giảng viên – Cán bộ trẻ xuất sắc", "Giảng viên – Cán bộ trẻ tiêu biểu", về thành tích trong nghiên cứu khoa học; và Giấy khen, Giấy chứng nhận về thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Là một giảng viên đại học, tôi luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm của mình trong rèn luyện và giữ gìn phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí công việc được giao, không ngừng nỗ lực cập nhật, học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời rèn luyện sức khỏe để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Cụ thể:

Về tư tưởng, phẩm chất đạo đức: tôi luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tuân thủ các quy định của Trường, Khoa, Bộ môn, đơn vị công tác. Tôi luôn giữ vững lập trường tư tưởng vững vàng, trung thành với lý tưởng của Đảng, giữ vững phẩm chất đạo đức của người Đảng viên, giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo. Trong tập thể, tôi luôn hòa đồng, đoàn kết, quan tâm, giúp đỡ và học hỏi đồng nghiệp. Với người học, tôi luôn tôn trọng, đối xử công bằng, không ngừng rèn luyện nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, và nêu gương cho người học.

Về nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học: trong suốt quá trình giảng dạy tại Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tôi luôn nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ về giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cũng như các nhiệm vụ khác được Trường, Khoa và Bộ môn giao phó. Bên cạnh đó, tôi sẵn sàng và tích cực tham gia các hoạt động xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm định và đảm bảo chất lượng

chương trình đào tạo tại đơn vị. Hàng năm, tôi cũng tham gia hướng dẫn sinh viên thực hiện học kỳ doanh nghiệp, làm khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, đặc biệt là hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt nhiều thành tích qua các năm; tham gia các hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học, góp ý cho các đề cương nghiên cứu của nghiên cứu sinh; tham gia tổ chức, làm chủ tọa phiên thảo luận tại các hội thảo quốc gia, hội thảo quốc tế; và tham gia phản biện bài báo khoa học tạp chí trong nước và quốc tế.

Qua hơn 19 năm công tác tại Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tôi luôn nỗ lực không ngừng để đáp ứng tốt nhất các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo, phấn đấu xứng đáng với vị trí và vai trò mà tập thể và lãnh đạo đơn vị giao phó. Đồng thời, việc tiếp tục tìm tòi nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn cũng luôn là yêu cầu nghề nghiệp mà tôi luôn đề cao và phấn đấu.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **19 năm 02 tháng**

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			03	08	90	90	180/355,5/202,5
2	2020-2021			03	06	90	90	180/343,5/189
3	2021-2022			03	06	0	146	146/320,5/162
03 năm học cuối								
4	2022-2023			02	05	90	90	180/340/162
5	2023-2024			03	03	45	60	105/243/67,5
6	2024-2025			01	05	45	53	98/191/67,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS ☐ hoặc luận ☐ án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Triệu Quang Hòa		HVCH	X		2019-2020	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 1328/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 04/5/2021
2	Lưu Thiên Ngọc		HVCH	X		2019-2020	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 837/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 16/4/2020
3	Nguyễn Xuân Minh Đức		HVCH	X		2019-2020	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 3174/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 28/11/2019
4	Huỳnh Nguyễn Yến Nhi		HVCH	X		2020-2021	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 3121/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 26/10/2022
5	Huỳnh Thị Ái Trúc		HVCH	X		2020-2021	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 324/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 14/1/2022
6	Võ Kiều Trân		HVCH	X		2020-2021	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 3121/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 26/10/2022

7	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		HVCH	X		2021-2022	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 14/01/2022
8	Phùng Văn Tuấn		HVCH	X		2021-2022	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 26/10/2022
9	Trương Thanh Văn		HVCH	X		2021-2022	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 14/01/2022
10	Phạm Nguyễn Trang Anh		HVCH	X		2022-2023	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 11/4/2023
11	Trịnh Thị Oanh		HVCH	X		2022-2023	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 11/4/2023
12	Nguyễn Thanh Nhật		HVCH	X		2023-2024	ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 10/4/2024
13	Cao Thị Hoàng Oanh		HVCH	X		2023-2024	ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 10/4/2024
14	Trần Thị Oanh		HVCH	X		2023-2024	ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 10/4/2024
15	Phạm Kim Phụng		HVCH	X		2024-2025	ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 10/01/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh trở dậy của Công nghệ tài chính	CK	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024 (ISBN: 978-604-346-301-9)	1	Chủ biên	Toàn bộ	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách số 29/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 17/6/2024

2	Chính sách vĩ mô thận trọng hướng tới ổn định tài chính và chuyển đổi xanh	CK	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024 (ISBN: 978-604-346-302-6)	2	Chủ biên	Chương 1 (từ trang 7-29), Chương 3,4,5 (từ trang 39-128)	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách số 29/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 17/6/2024
3	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hiệu quả tài chính các doanh nghiệp Việt Nam	CK	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024 (ISBN: 978-604-346-305-7)	2	Chủ biên	Chương 1 (từ trang 8-14), Chương 3 (từ trang 27-74), Chương 5 (từ trang 92-126)	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách số 29/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 17/6/2024
4	Tài chính Công ty Đa quốc gia	TK	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2016 (ISBN: 978-604-922-372-3)	5	Thành viên	Chương 1,2 (từ trang 1-42), Chương 6 (từ trang 119-136), Chương 9 (từ trang 193-214)	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách số 28/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 17/6/2024

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau TS là 03 sách, số thứ tự [1], [2], [3].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

Biên soạn sách theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** 01 sách theo số thứ tự [4]
- **Hướng nghiên cứu 2:** 01 sách theo số thứ tự [1]
- **Hướng nghiên cứu 3:** 02 sách theo số thứ tự [2], [3].

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
1	Nâng cao hiệu quả thực thi chính sách tài chính tiền tệ	CN	CS-2008-14, Đề tài cấp cơ sở	2008-2009	23/7/2009, Xếp loại: Xuất sắc
2	Những rủi ro của quá trình tự do hóa tài chính ở Việt Nam và các biện pháp phòng ngừa	Thành viên	B.2008-09-55, Đề tài cấp Bộ	2008-2011	20/12/2011 Xếp loại: Xuất sắc
3	Xây dựng thị trường giao sau hàng hóa phòng ngừa rủi ro biến động giá	Thành viên	B.2009-09-82, Đề tài cấp Bộ	2009-2011	14/4/2011 Xếp loại: Tốt
4	Nghiên cứu tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	Thành viên	CS-2011-67, Đề tài cấp Cơ sở	2011-2012	26/4/2013 Xếp loại: Khá
5	Các nhân tố tác động đến tỷ giá thực và một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam	Thành viên	CS-2014-49- CĐ05, Đề tài cấp Cơ sở	2013-2014	28/2/2014 Xếp loại: Tốt
II Sau khi được công nhận TS					
6	Nghiên cứu phản ứng kinh tế vĩ mô của Việt Nam trước cú sốc giá dầu	CN	CS-2015-27, Đề tài cấp Cơ sở	2015-2016	15/3/2016 Xếp loại: Tốt
7	Nghiên cứu sự tương tác giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế mở nhỏ Việt Nam: Ước lượng bằng mô hình Bayesian DSGE	Thành viên	B2016-KSA-04 Đề tài cấp Bộ	2016-2018	19/6/2018 Xếp loại: Xuất sắc
8	Quy tắc Taylor trong điều hành chính sách tiền tệ ở Việt Nam và các nước trong khu vực	Thành viên	B2016-KSA-02, Đề tài cấp Bộ	2016-2018	20/6/2018 Xếp loại: Xuất sắc
9	Ngưỡng nợ xấu và vấn đề rủi ro đạo đức trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	CN	CS-2017-28, Đề tài cấp Cơ sở	2017-2018	15/6/2018 Xếp loại: Xuất sắc

10	Chuỗi tình huống về tài chính công ty đa quốc gia	CN	CS-2017-93, Đề tài cấp Cơ sở	2017-2018	29/11/2018 Xếp loại: Xuất sắc
11	Nghiên cứu ảnh hưởng của các công ty fintech lên hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam	CN	CS-2020-37, Đề tài cấp Cơ sở	2020-2021	25/11/2020 Xếp loại: Tốt
12	Tác động của ngân hàng ngầm đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng thương mại: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	CN	CS-2021-78, Đề tài cấp cơ sở	2021-2022	25/8/2022 Xếp loại: xuất sắc
13	Tăng trưởng tín dụng và chính sách vĩ mô thận trọng: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	CN	CS-COB-2023-08, Đề tài cấp Cơ sở	2023-2024	27/10/2023 Xếp loại: Tốt
14	Đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính - Ngân hàng	CN	Quyết định Số 450/QĐ-SKHCHN; Hợp đồng Số 19/2022/HĐ-QKHCHN, Đề tài cấp Tỉnh	2022-2023	Quyết định Số 482/QĐ-SKHCHN ngày 18/7/2023, Ngày nghiệm thu 31/7/2023, Xếp loại: Đạt
15	Biến đổi khí hậu và hiệu quả tài chính công ty: Bằng chứng thực nghiệm tại các công ty nông nghiệp Việt Nam	CN	CS-COB-2024-04, Đề tài cấp Cơ sở	2024-2025	02/8/2024 Xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Đề tài nghiên cứu khoa học theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** 04 đề tài theo số thứ tự [4], [5], [6], [10]
- **Hướng nghiên cứu 2:** 06 đề tài theo số thứ tự [1], [7], [8], [11], [12], [14]
- **Hướng nghiên cứu 3:** 05 đề tài theo số thứ tự [2], [3], [9], [13], [15].

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

Ghi chú:

- Trong phần này ứng viên sắp xếp các bài báo, báo cáo khoa học đã công bố thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi được công nhận học vị Tiến sĩ;

- Trong mỗi giai đoạn, ứng viên chia các bài báo thành 4 mục sắp xếp theo thứ tự: bài báo khoa học công bố trên Tạp chí trong nước; bài báo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế; bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước; và bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế. Trong mỗi mục này, các bài báo được sắp xếp theo thứ tự thời gian.

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
I.1 Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí trong nước								
1	Độ nhạy cảm tỷ giá và tỷ suất sinh lợi chứng khoán	03		Tạp chí Khoa học ISSN: 0866-8086			Số 6(2), Trang 25-29	Tháng 6/2015
2	Tác động của phát triển tài chính đến ổn định kinh tế ở các nước châu Á	01	X	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng ISSN: 1859-3682			Số 97, Trang 47-54	Tháng 4/2014
3	Hiệu quả của chính sách tiền tệ thông qua kênh truyền dẫn lãi suất	02	X	Tạp chí Phát triển & Hội nhập ISSN: 1859-428 X			Số 12(22), Trang 39-47	Tháng 9-10/2013
4	Bộ ba bất khả thi và một số phương pháp đo lường	01	X	Tạp chí Phát triển & Hội nhập ISSN: 1859-428 X			Số 6(16), Trang 37-40	Tháng 9-10/2012
5	A Direction for Vietnam's monetary policy during the recession	01	X	Economic Development Review (Tạp chí Phát triển kinh tế bản tiếng Anh)			Số 184, Trang 2-8	Tháng 12/2009

				ISSN: 1859-1116				
6	Tỷ giá – Nguồn gốc rủi ro tài chính cho các doanh nghiệp	01	X	Tạp chí Phát triển kinh tế ISSN: 1859-1116			Số 212, Trang 27-31	Tháng 6/2008
I.2 Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế								
7	On the Effect of Interest Rates Dynamics on Vietnamese Companies (DOI:10.5539/ijef.v7n5p147)	02		International Journal of Economics and Finance Online-ISSN: 1916-9728 Print ISSN: 1916-971X		1	Vol 7(5), Trang 147-152,	Tháng 5/2015
I.3 Bài báo khoa học đăng trên Hội thảo khoa học trong nước								
8	Mối quan hệ giữa xuất khẩu, nhập khẩu và GDP tại các quốc gia ASEAN	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Việt Nam trong Cộng đồng Kinh tế Asean từ năm 2015” ISBN: 978-604-922-101-9			Trang 79-101	Tháng 10/2014
9	Những yếu tố nào làm cho đồng Việt Nam định giá cao	5		Báo cáo “Triển vọng kinh tế Việt Nam 2014 – Thê chế và Minh bạch” ISBN: 978-604-922-069-2			Trang 50-78	Tháng 4/2014
II Sau khi được công nhận TS								
II.1 Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí trong nước								
10	Rủi ro khí hậu và chính sách cổ tức: Bằng chứng từ các quốc gia châu Á (DOI: 10.24311/jabes/2025.36.2.01)	03		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES)			Số 36(2) , trang 91-110	Tháng 3/2025

				ISSN: 2615-9104				
11	Vai trò của chính sách vĩ mô thận trọng trong chuyển đổi xanh và hàm ý chính sách cho Việt Nam (DOI: 10.24311/jabes/2024.35.12.01)	04	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 35(12), trang 38-50	Tháng 12/2024
12	Biến đổi thủy văn và hiệu quả tài chính công ty nông nghiệp và thực phẩm: Bằng chứng thực nghiệm ở Việt Nam (DOI: 10.24311/jabes/2024.35.4)	01	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 35(4) , trang 130-147	Tháng 4/2024
13	Kiểm soát và điều tiết tăng trưởng tín dụng bằng chính sách vĩ mô thận trọng: Bằng chứng thực nghiệm ở Việt Nam (DOI: 10.24311/jabes/2024.34.12)	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 34(12), trang 118-134	Tháng 12/2023
14	Kinh doanh ngân hàng ngầm, hiệu quả và rủi ro: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	03	X	Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 33(11), Trang 123-140	Tháng 11/2022
15	Responses of commercial banks' loan supply to monetaty policy shocks in Vietnam: The role of state ownership	03		Review of Finance ISSN: 2615-8981			Vol 5, Issue 2, Trang 35-43	Tháng 6/2022

16	Dịch vụ ngân hàng điện tử và hiệu quả hoạt động của THPT Việt Nam (DOI: 10.24311/jabes/2022.33.06.01)	03	X	Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 33(6), Trang 06-22	Tháng 3/2022
17	Effects of fundamental and behavioral factors on stock price volatility: The case of Vietnam and East Asian countries	02		Review of Finance ISSN: 2615-8981			Vol 5, Issue 1, Trang 12-17	Tháng 3/2022
18	Tác động của Fintech tới hiệu quả hoạt động của NHTM	02	X	Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền Tệ ISSN: 1859-2805		4	Số 1+2 (562+563), Trang 51-58	Tháng 1/2021
19	Nợ xấu và vấn đề rủi ro đạo đức trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 29(7), Trang 21-36	Tháng 9/2018
II.2 Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế								
20	Climate-related risks, firm performance and role of risk reserve funds: empirical evidence in Vietnam (DOI: 10.1080/20430795.2024.2390953)	03	X (Tác giả đứng đầu)	Journal of Sustainable Finance & Investment ISSN: 20430795, 20430809	Scopus Q1, IF=3.8, H-index 43	2		Published online: 16/8/2024
21	The effectiveness of macroprudential policies on credit growth in Vietnam (DOI: 10.1111/1467-8454.12393)	02	X (Tác giả đứng đầu và tác giả	Australian Economic Papers ISSN: 0004900X, 14678454	Scopus Q2, IF=1.2, H-index 23		Vol 64, Issue 1, Trang 139-151	Tháng 3/2025

			liên hệ)					
22	The prospect theory and the idiosyncratic risk-return linkage: a quantile regression approach for Vietnam's stock market (DOI: 10.1108/MF-10-2023-0630)	03	X (Tác giả liên hệ)	Managerial Finance ISSN: 03074358	Scopus Q2, IF=1.9, H-index 52		Vol 50, Issue 8, Trang 1533-1553	Tháng 7/2024
23	Impacts of financial development on Vietnamese commercial banks' lending mechanisms of monetary policy pass-through: Bayesian analysis (Book Chapter) (DOI: 10.1007/978-3-031-35763-3_42)	03	X (Tác giả đứng đầu)	Studies in Systems, Decision and Control / Optimal Transport Statistics for Economics and Related Topics ISSN: 21984190, 2198-4182	Scopus Q3, H-index 46	1	Vol 483, Trang 588-611	Tháng 10/2023
24	The Impact of Oil Price on the Growth, Inflation, Unemployment and Budget Deficit of Vietnam (https://ideas.repec.org/a/eco/journ2/2017-03-06.html)	02	X (Tác giả liên hệ)	International Journal of Energy Economics and Policy ISSN: 21464553	Scopus Q2, H-index 58	83	Vol 7, Issue 3, Trang 42-49	Tháng 9/2017
25	Exploring the Role of Institutional Quality, Trade Openness, and Financial Development in Driving the Real Exchange Rate: Evidence in Southeast Asia Countries (DOI: 10.14254/1800-5845/2024.20-2.15)	04		Montenegrin Journal of Economics, ISSN: 18005845, 18006698	Scopus Q1, IF=1.2, H-index 24	1	Vol 20, Issue 2, Trang 183-194	Tháng 4/2024
26	A Nonlinear Industry-Level Analysis of China's Trade Balances with the EU-28: Does the Utilization of the Vehicle Currency USD Matter? (DOI: 10.1080/10971475.2023.2173398)	03		The Chinese Economy ISSN: 15580954, 10971475	Scopus Q1, IF=1.4, H-index 24	1	Vol 56, Issue 5, Trang 384-398	Tháng 1/2023

27	U-shaped impacts of institutional quality and ICT penetration on economic growth: Evidence from selected emerging countries (DOI: 10.1080/23322039.2022.2139887)	04		Cogent Economics & Finance ISSN: 23322039	Scopus Q2, IF=2, H-index 45	5	Vol 10, Issue 1, Trang 1-33	Tháng 11/2022
28	Financial development and monetary policy transmission in a multiple-tool regime: The case of Vietnamese commercial banks (DOI: 10.1080/23311975.2022.2135218)	03		Cogent Business & Management ISSN: 23311975	Scopus Q2, IF=3.0, H-index 56	10	Vol 9, Issue 1, Trang 1-41	Tháng 10/2022
29	Drivers of climate change in selected emerging countries: the ecological effects of monetary restrictions and expansions (DOI: 10.1080/23322039.2022.2114658)	05		Cogent Economics & Finance ISSN: 23322039	Scopus Q2, IF=2, H-index 45	4	Vol 10, Issue 1, Trang 1-29	Tháng 9/2022
30	Impact of ICT diffusion on the interaction of growth and its volatility: Evidence from cross-country analysis (DOI: 10.1080/23311975.2022.2054530)	04		Cogent Business & Management ISSN: 23311975	Scopus Q2, IF=3.0, H-index 56	15	Vol 9, Issue 1, Trang 1-27	Tháng 3/2022
31	The role of bank capital on the bank lending channel of monetary policy transmission: An application of marginal analysis approach (DOI: 10.1080/23322039.2022.2035044)	02		Cogent Economics & Finance ISSN: 23322039	Scopus Q2, IF=2, H-index 45	12	Vol 10, Issue 1, Trang 1-40	Tháng 2/2022
32	Asymmetric Exchange Rate Exposure – Research in Southeast Asian Countries (DOI: 10.31273/eirj.v4i2.164)	03	X (Tác giả liên hệ)	Exchanges: The warwick research Journal ISSN: 20539665		3	Vol 4, Issue 2, Trang 262-279	Tháng 4/2017
II.3 Bài báo khoa học đăng trên Hội thảo khoa học trong nước								
33	Những quan điểm chỉ đạo và đặc trưng cơ bản của nhân lực trình độ	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những đặc			Trang 32-36	Tháng 9/2023

	quốc tế ngành Tài chính - Ngân hàng			trung và yêu cầu đối với nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng & Giải pháp thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng” ISBN: 978-604-346-223-4				
34	Những yêu cầu trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Tài chính - Ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.	5	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những đặc trưng và yêu cầu đối với nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng & Giải pháp thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng” ISBN: 978-604-346-223-4			Trang 26-31	Tháng 9/2023
35	Những nguyên tắc trong thiết kế mô hình đào tạo bậc đại học ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ quốc tế	4		Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những đặc trưng và yêu cầu đối với nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng & Giải pháp thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành			Trang 125-134	Tháng 9/2023

				Tài chính – Ngân hàng” ISBN: 978-604-346-223-4				
36	Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính - Ngân hàng tại thành phố Hồ Chí Minh và Việt Nam đến năm 2035	3		Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những đặc trưng và yêu cầu đối với nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng & Giải pháp thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng” ISBN: 978-604-346-223-4			Trang 185-197	Tháng 9/2023
37	Sự hình thành trung tâm tài chính quốc tế và yêu cầu nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng.	03		Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những đặc trưng và yêu cầu đối với nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng & Giải pháp thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng” ISBN: 978-604-346-223-4			Trang 54-63	Tháng 9/2023
38	Tác động của chính sách vĩ mô thận trọng đến hoạt động của ngân hàng: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	02	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược			Trang 121-141	Tháng 6/2022

				của Việt Nam – Lần 2 ISBN: 978-604-80-6816-5				
39	Online banking services and bank risk: The case of Vietnam	04	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – Lần 2 ISBN: 978-604-80-6816-5			Trang 538-559	Tháng 6/2022
40	Toàn cầu hóa và hệ thống tiền tệ thế giới	02		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – Lần 2 ISBN: 978-604-80-6816-5			Trang 17-24	Tháng 6/2022
41	Lợi nhuận và rủi ro của Bitcoin, Vàng, Dollar: Bằng chứng thực nghiệm từ mô hình EGARCH	03	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – Lần 1 ISBN: 978-604-80-5415-1			Trang 814-840	Tháng 4/2021
42	Cấu trúc của hệ thống tiền tệ toàn cầu	03		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – Lần 1			Trang 33-56	Tháng 4/2021

				ISBN: 978-604-80-5415-1				
43	Định hình hệ thống thanh toán toàn cầu và vai trò của Stablecoin	02		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – Lần 1 ISBN: 978-604-80-5415-1			Trang 86-107	Tháng 4/2021
44	Tỷ suất sinh lợi chứng khoán ngành bảo hiểm trong giai đoạn dịch Covid-19	02	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Tác động của Covid-19, Insurtech, Thị trường & Chính sách CVII 2021” ISBN: 978-604-922-947-3			Trang 11-27	Tháng 3/2021
45	Từ Fintech đến Regtech: Vai trò của chính phủ, cơ quan điều tiết và cơ quan giám sát	03	X	Kỷ yếu hội thảo qua học quốc gia “Nền kinh tế số trước bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4” ISSN: 978-604-80-3565-5			Trang 27-34	Tháng 12/2018
46	Chỉ số điều kiện tài chính FCI: Đo lường và ứng dụng tại Việt Nam	05		Báo cáo đối thoại chính sách 2017 (Policy Dialogue 2017) ISBN: 978-604-922-607-6			Trang 1-63	Tháng 12/2017
II.4 Bài báo khoa học đăng trên Hội thảo khoa học quốc tế								
47		02		Kỷ yếu hội thảo quốc tế “International			Trang 19-20	Tháng 5/2023

	The importance of risk, volatility, and green finance in encouraging investments in renewable energy in the wake of The Covid-19 epidemic: evidence from G7 countries			Conference in Management Sciences and Decision Making” ISBN: 978-626-96101-1-2				
48	Ứng dụng mô hình dữ liệu hỗn hợp và các biến tài chính trong dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	02	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Econometrics and statistical methos - Applications in economics and finance - ESM-AEF 2019” ISBN: 978-604-80-3675-1			Trang 193-213	Tháng 1/2019
49	The entry of foreign banks into emerging markets and the impact on intangible assets and capital of domestic banks: evidence from Vietnam	03	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “The mystique of luxury brands conference” ISBN: 978-604-80-8933-7			Trang 19	Tháng 12/2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS là **04** bài thuộc danh mục scopus, số thứ tự [20], [21], [22], [24]; và **01 chương sách** NXB có uy tín trên thế giới mà ứng viên là tác giả chính, số thứ tự [23].

Bài báo khoa học theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Bao gồm 16 bài báo theo số thứ tự [2], [3], [4], [5], [8], [9], [24], [25], [26], [27], [30], [40], [41], [42], [43], [48].
- **Hướng nghiên cứu 2:** Bao gồm 16 bài báo theo số thứ tự [14], [15], [16], [18], [22], [23], [28], [31], [33], [34], [35], [36], [37], [39], [46], [49].
- **Hướng nghiên cứu 3:** Bao gồm 17 bài báo theo số thứ tự [1], [6], [7], [10], [11], [12], [13], [17], [19], [20], [21], [29], [32], [38], [44], [45], [47].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo ngành “Tài chính quốc tế” (mã số 52340203) trình độ Đại học	Tham gia	Quyết định số 1171/QĐ-ĐHKT-ĐBCL của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 27/2/2017	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 1429/QĐ-ĐHKT-ĐBCL của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 30/5/2017	
2	Xây dựng chương trình đào tạo ngành “Bảo hiểm” (mã số 7340204) trình độ Đại học	Tham gia	Quyết định số 02/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 02/01/2020	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 742/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 03/8/2020	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đinh Thị Thu Hồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ;

Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Khoa học Giáo dục; Chuyên ngành: Lý luận và Giảng dạy bộ môn tiếng Anh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Võ Thị Hồng Lê**

2. Ngày tháng năm sinh: 05/04/1978 ; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Toà S1.06 Vinhomes Grand Park, 512 Nguyễn Xiển, P. Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Toà S1.06 Vinhomes Grand Park, 512 Nguyễn Xiển, P. Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0918413027 ; E-mail: levth@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ 01/2007 đến 11/2009: Giảng viên tiếng Anh, Trường Đại học Công Nghệ Thông Tin,
Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

Từ 1/2007-10/2007: Giảng viên Bộ môn Anh văn thuộc Trường Đại học Công Nghệ
Thông Tin, Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

Từ 11/2007- 11/2009 Phó trưởng Bộ môn Anh văn thuộc Trường Đại học Công Nghệ
Thông Tin, Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

Từ 11/2009 đến 8/2011: Phụ trách Bộ môn Anh văn thuộc Trường Đại học Công Nghệ
Thông Tin, Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

Từ 8/2011 đến 12/2014: Học và hoàn tất chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Giảng dạy
tiếng Anh tại Đại học Portsmouth, Vương quốc Anh.

Từ 4/2015 đến 1/2018: Giảng viên tiếng Anh, Bộ môn Anh văn thuộc Trường Đại học
Công Nghệ Thông Tin, Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

Từ 2/2018 đến 4/2019: Giảng viên tiếng Anh, Khoa Ngoại ngữ Kinh tế, Trường Đại học
Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Từ 5/2019 đến 11/2020: Phó trưởng Khoa Ngoại ngữ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP.
Hồ Chí Minh.

Từ 12/2020 đến nay: Giảng viên tiếng Anh, Khoa Ngoại ngữ, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí
Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (028) 38295299

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường ĐH Kinh tế Tài chính TP.HCM

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 10 năm 2000; số văn bằng: C226419; ngành: Ngữ văn
Anh, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Khoa học Xã
hội và Nhân văn, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 01 năm 2007; số văn bằng: 11-07. 00434/71KH2;
ngành:; chuyên ngành: Giảng dạy tiếng Anh; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):
Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng TS ngày ... tháng 12 năm 2014; số văn bằng: 178075; ngành:; chuyên ngành: Giảng dạy tiếng Anh; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Portsmouth, Vương quốc Anh.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh tế TP. HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Giáo dục

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: *Ứng dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại*. Hướng nghiên cứu này tập trung vào các phương pháp giảng dạy hiện đại nhằm tăng cường các kỹ năng ngôn ngữ Anh cho người học. Các phương pháp này bao gồm phương pháp học tiếng Anh giao tiếp, người học là trung tâm, phương pháp học theo nhiệm vụ, bài tập tình huống, thiết kế tài liệu giảng dạy-học có tính mô phỏng thực tế và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh. Các nghiên cứu này được tiến hành cho cả người học tiếng Anh không chuyên và người học chuyên ngành tiếng Anh thương mại.

- Hướng nghiên cứu thứ hai: *Năng lực tiếng Anh cần cho sinh viên tốt nghiệp* bước vào nơi làm việc (graduate competence). Các nghiên cứu hướng này không chỉ tập trung kỹ năng ngôn ngữ mà còn năng lực sử dụng ngôn ngữ của người học bao gồm kỹ năng giao tiếp liên văn hoá (communicative competence, intercultural communication skills). Các nghiên cứu được tiến hành tại môi trường làm việc trong sự tương quan so sánh với việc dạy-học tiếng Anh tại trường đại học.

- Hướng nghiên cứu thứ ba: *Các yếu tố ảnh hưởng đến việc dạy học Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ mục tiêu giáo dục bền vững*. Các nghiên cứu này xem xét những phương cách gì, những yếu tố nào tạo động lực học tiếng Anh chuyên ngành kinh tế và tiếng Anh cho môi trường để người học đạt được những kỹ năng, năng lực (phân tích, đánh giá để dẫn tới hành động cho các vấn đề có tính toàn cầu như kinh tế, môi trường) góp phần cho việc trở thành công dân toàn cầu.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng)4..... HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 2 đề tài NCKH cấp Trường;

- Đã công bố (số lượng) 15 bài báo khoa học, trong đó 3 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Số lượng chương sách đã xuất bản: 5, trong đó 4 chương sách thuộc nhà xuất bản quốc tế có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

-Năm học 2019-2020: Chiến sĩ thi đua cơ sở, Quyết định số 667/QĐ-ĐHKT-NS ngày 02/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

-Năm học 2020-2021: Giảng viên xuất sắc, Quyết định số 1680/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 11/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

-Năm học 2021-2022: Giảng viên xuất sắc, Quyết định số 1504/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 09/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

-Năm học 2022-2023: Giảng viên xuất sắc, Quyết định số 713/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 17/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

-Năm học 2023-2024: Chiến sĩ thi đua cơ sở, Quyết định số 1427/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 19/4/2024 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Đạt giải Top 5 Prize, UEH Slogan Competition: For the Multi-disciplinary and Sustainable UEH university, 2021: chứng nhận giải thưởng.

<https://future.ueh.edu.vn/tin-hang-ngay/cong-bo-ket-qua-cuoc-thi-sang-tac-slogan-cung-viet-nen-cau-chuyen-dai-hoc-ueh-da-nganh-va-ben-vung/>

Chứng nhận là thành viên và hoàn thành dự án Intercultural Video Project 2024. UEH-Vietnam, Sunway University-Malaysia.

<https://sunwayeducationgroup.padlet.org/neerad/intercultural-video-project-2024-vietnam-and-malaysia-che4ugtohzshud80>

Đạt quỹ nghiên cứu tài trợ bởi Hội đồng Anh cho dự án ‘Tiếng Anh về nhận thức và hành động vì môi trường’ (English for Environmental Awareness and Action), 2023-2024, với vai trò là trưởng nhóm dự án giữa UEH và IH Belfast (Anh) ở Việt Nam, đã hoàn thành dự án và có sản phẩm tại website của Hội đồng Anh. <https://www.britishcouncil.vn/en/programmes/uk-vietnam-season-2023/projects/climate/english-environmental-action>.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về nhiệm vụ của người giảng viên theo quy định: Tôi luôn tuân thủ các quy định cho giảng viên của Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM, các quy định của Nhà nước về giáo dục và đào tạo cũng như các quy định của Luật giáo dục đại học cho quy chế làm việc của giảng viên.

Về công tác giảng dạy, đào tạo: Tôi luôn hoàn thành tốt công tác giảng dạy theo đúng trách nhiệm của người giảng viên theo quy định về khối lượng giảng dạy, thực hiện hướng dẫn luận văn bậc đại học, thạc sĩ. Để phục vụ tốt công tác giảng dạy, tôi luôn cố gắng tự học hỏi nâng cao năng lực giảng dạy ứng dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả cũng như biên soạn tài liệu, giáo trình, sách phục vụ đào tạo. Ngoài công tác chuyên môn, trong thời gian tham gia vào công tác quản lý tại khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tôi thực hiện các công tác xây dựng chuẩn đầu ra và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo.

Về công tác nghiên cứu khoa học: Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được xem là một nhiệm vụ trọng tâm của người giảng viên song song với công tác giảng dạy, đào tạo. Vì vậy, tôi

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

luôn có ý thức cao với nhiệm vụ này ngay từ khi xác định trở thành giảng viên. Tôi luôn cố gắng hoàn thiện mình trong việc nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học. Tôi có các bài báo cáo ở hội thảo khoa học chuyên ngành để chia sẻ các nghiên cứu, kinh nghiệm thực tế và cập nhật các hướng nghiên cứu mới. Tôi tham gia nghiên cứu khoa học để có những công trình công bố có ý nghĩa khoa học trong nghiên cứu hàn lâm. Từ các kết quả nghiên cứu tôi có những điều chỉnh cũng như ứng dụng để nâng cao chất lượng công tác đào tạo và tiếp tục công tác nghiên cứu.

Về đạo đức, tác phong khoa học và bồi dưỡng chuyên môn: Tôi luôn giữ vững đạo đức, tác phong khoa học của người giảng viên và luôn có ý thức trong việc phát triển trình độ chuyên môn theo tiêu chuẩn quy định của giảng viên. Tôi đã hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Portsmouth, Anh và đóng góp vào công tác xây dựng chương trình đào tạo tiếng Anh của nhà trường. Bên cạnh đó, tôi cũng đã nỗ lực trau dồi nghiệp vụ để góp phần vào mục tiêu, chiến lược của nhà trường thông qua việc học và nhận chứng chỉ Nâng cao năng lực bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo và xây dựng chuẩn đầu ra và Chứng chỉ Phát triển bền vững.

Về hợp tác phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ: Tôi luôn tìm hiểu về khoa học công nghệ, các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn của mình để cùng với các đồng nghiệp nỗ lực ứng dụng khoa học công nghệ trong nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo và tham gia các nhiệm vụ khoa học của nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 6 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020					315		315/315/216
2	2020-2021				6	330		330/330/216
3	2021-2022			1	3	300		300/300/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1	3	225	60	285/315/270
5	2023-2024			2	7	300		300/300/270
6	2024-2025				3	330		330/300/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học
ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định
mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Anh năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Xuân Trang		HVCH	X		7/2021- 9/2022	Trường Đại học Mở TP.HCM	28/12/2022
2	Phan Thị Kim Ngọc		HVCH	X		2/2023- 12/2023	Trường ĐH Kinh tế-Tài chính TP. HCM	26/6/2024
3	Hà Lê Tường Vi		HVCH	X		12/2023- 6/2024	Trường ĐH Kinh tế-Tài chính TP. HCM	02/08/2024
4	Nguyễn Thị Hoa		HVCH	X		8/2024- 1/1/2025	Trường ĐH Kinh tế-Tài chính TP. HCM	13/3/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT,	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở
----	----------	-----------------------------	------------------------------	------------------	----------	--	-----------------------------

		TK, HD)					GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Authenticity in Materials Development for Language Learning (ISBN (10): 1- 4438-7950-9; ISBN(13): 978- 1-4438-7950-7)	CK	Cambridge Scholars (2017) https://www.researchgate.net/publication/392979386 (Số lần trích dẫn:48)	1	Alan Maley and Brian Tomlinson	Biên soạn chính và duy nhất Chương 11: Authentic Materials to Fulfil Workplace Requirements for Vietnamese Graduates (tr. 192-211)	Giấy xác nhận
2	Value and Meaning Guidelines of a Teacher's Activity in the Conditions of a Digital Society (ISBN: 978-5- 8286-2326-2)	HD	OmGPU Publishing House (2022)	1		Biên soạn chính và duy nhất Chương Teaching English in Higher Educational Institutions: Experience of Teachers in Vietnam (tr. 178-189)	Giấy xác nhận
3	Multidisciplinary Applications of Computer- Mediated Communication DOI: 10.4018/978-1- 6684-7034- 3.ch013	CK	IGI Global https://www.igi-global.com/gateway/chapter/full-text-pdf/321367 (2023) (Scopus)	3	Bui H. P. and Kumar R.	Biên soạn chính Chapter 13. Customer Satisfaction With A Named Entity Recognition (NER) Store- Based Management System Using Computer- Mediated	Giấy xác nhận

						Communication (tr. 256-276)	
4	Addressing issues of learner diversity in English language education DOI: 10.4018/979- 8-3693-2623- 7.ch004	CK	IGI Global https://www.igi-global.com/gateway/chapter/full-text-pdf/345031 (2024) (Scopus)	3	Tran Q. T. and Duong M.T.	Biên soạn chính Chapter 4. Factors affecting the motivation of learners studying English for Specific Purposes (tr.61-77)	Giấy xác nhận
5	Differentiated Instruction, Equity, and Inclusion in Language Education DOI: 10.4018/979- 8-3693- 6497- 0.ch012	CK	IGI Global https://www.igi-global.com/gateway/chapter/full-text-pdf/364639 (2025)	2	Tran Q. T. and Duong M.T.	Biên soạn chính Chapter 12. Inclusion of Young English Learners: Adopting the Total Physical Response Method (tr. 361-386)	Giấy xác nhận

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 4 [STT: 1,3,4,5]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Online simulated workplace tasks to enhance business English learning	CN	CS-2019-52	2020-2021	18/11/2021 Xếp loại: Đạt
2	Cải thiện kỹ năng viết cho sinh viên không chuyên ngữ Anh với phương pháp dựa theo nhiệm vụ.	CN	CS-2023-20	2024-2025	27/02/2025 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Computer-assisted language learning: Impediments to success https://www.researchgate.net/publication/392232037_Le_VoCon_Paper_Call2014#fullTextFileContent	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Proceedings of the 16th International CALL (Computer-Assisted Language Learning) conference. <i>Research Challenge in CALL</i> ISBN 9789057284533			Số 16, tr.327-334	7/2014
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
2	Exploring the gap between Vietnamese workplace communication in English and English language teaching at a university https://www.researchgate.net/publication/392979361_The_Asian_ESP_Journal	3	X	<i>Asian ESP Journal</i>	Scopus Q2	17	Tập12, số 1, trang 8-38.	2016

3	CALL to meet a need for communicative competence https://www.researchgate.net/publication/392240768_LeVo_Call2017_Proceedings	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Proceedings of the XVIIIth International CALL (Computer Assisted Language Learning). <i>CALL research conference in context</i> . ISBN: 9789057285509			Số 18, trang 417-424	7/2017
4	Scientific ethics and comparison on qualitative methodology approaches for doctoral research in Social Sciences. Examples of France and the United Kingdom. DOI: https://www.upo.es/revistas/index.php/lex_social/article/view/4003	2		Lex Social ISSN: 2174-6419			Số 9, tập 1, trang 665-680	2019
5	Learning to write email by email exchange with smartphones. https://www.researchgate.net/publication/392231944_Social_CALL_Proceedings	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Proceedings of the XXth International CALL (Computer Assisted Language Learning) Conference, <i>Social CALL</i> ISBN: 9789057286230			Số 20, Trang 284-290	7/2019
6	Sử dụng Youtube nhằm tăng kỹ năng giao tiếp của người học trong phương pháp giảng dạy tiếng Anh giao tiếp.	1	X	Kỷ yếu HT khoa học Tăng cường đổi mới dạy và học trong bối cảnh công nghệ số tại trường Đại học Kinh tế TP. HCM. NXB Kinh tế TP. HCM. ISBN: 978-604-922-769-1			Trang 124-129	2019

7	Xây dựng bộ bài tập tương tác online hỗ trợ chương trình tiếng Anh thương mại đạt chuẩn đầu ra. DOI: https://doi.org/10.56844/tckhnn.63	1	X	<i>Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ</i> <i>Journal of Foreign Language Studies</i> ISSN:1968-2503 https://journals.hanu.edu.vn/index.php/tckhnn/issue/archive			Số 63, trang 100-111	2020
8	New competencies and pedagogies: intercultural and linguistic skills towards phenomenon-based learning.	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Proceedings of the 1st International Scientific-practical Conference. <i>Education Horizons</i> ISBN 978-5-8268-2284-5.			Số 1, trang 318-321	2020
9	Online simulated workplace tasks to enhance business English DOI: https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/jabes-06-2020-0058/full/html	1	X	Journal of Asian Business and Economic Studies (JABES)	Scopus (Q1 2023)	17	Tập 29, số 3	2021
10	Intercultural business communication: from classroom to workplace.	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Proceedings of The third International Scientific and Practical conference “Current Issues in Social Sciences, Humanities and Intercultural Communication: Language, Culture, Education and Economics” ISBN: 978-5-907354-15-9			Số 3, trang 6-17	4/2022

11	Involving company representatives in helping university learners to develop sociopragmatic competence in English for job interviews https://www.englishscholarsbeyondborders.org/esbb-journal-publications/esbb-volume-9-issue-1-2023/	2	X	English Scholar Beyond Border https://www.englishscholarsbeyondborders.org	Scopus Q2	2	Tập 9, số 1 (Vol.9, Issue 1) trang 35-54	2023
12	Giảng dạy tiếng Anh kết hợp với giáo dục môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững.	1	X	Kỷ yếu HT khoa học Phát triển Đại học UEH bền vững xu hướng tất yếu hiện nay. NXB Kinh tế TP. HCM. ISBN: 978-604-346-341-5			Trang 334-339	2024
13	Improving students' engagement in writing lessons for non-English major students using Task-based language teaching. DOI: https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/index.php/fs/article/view/5343	3	X	VNU Journal of Foreign Studies			Tập 41, số 1, trang 82-101	2025
14	Structural engineering recent graduate competences- Part I: Perception of employers	2		Proceedings of the 18 th East Asia-Pacific Conference on Structural Engineering & Construction: "Construction Engineering for a Responsible Growth and Sustainable Future" 13-15 Nov.2014 ISBN: 978-981-96-8463-2	Springer https://link.springer.com/book/9789819684632		Số 18	2025

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

15	AI Tools As A Catalyst For Learning Business English: Learners' Perspectives	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Proceedings of the International conference 'AI as a Catalyst for English Language Education' 4/2025. Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội (VNU-ULIS). (Xác nhận đăng bài của HT)				2025
----	--	---	---	--	--	--	--	------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 3 (STT 2,9,11)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Võ Thị Hồng Lê

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh Tế;

Chuyên ngành: Marketing

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đỗ Thị Hải Ninh

2. Ngày tháng năm sinh: 18/10/1987; Nam ☐ ; ☒ Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã An Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): B3.12.05 Khu Diamond Brilliant, Celadon City, Số 3, Đường Tân Thạnh, Phường Sơn Kỳ, Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): B3.12.05 Khu Diamond Brilliant, Celadon City, Số 3, Đường Tân Thạnh, Phường Sơn Kỳ, Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0985.773.750; E-mail: ninhhdth@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 2 năm 2018 đến tháng 2 năm 2019: Giảng viên tập sự, giảng viên ngành Marketing tại khoa Kinh doanh quốc tế - Marketing, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh
- Từ tháng 2 năm 2019 đến tháng 10 năm 2021: Giảng viên, giảng viên ngành Marketing tại khoa Kinh doanh quốc tế - Marketing, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh
- Từ tháng 10 năm 2021 đến nay: Giám đốc Chương trình đào tạo ngành Marketing bậc Đại học, Giảng viên, giảng viên ngành Marketing tại khoa Kinh doanh quốc tế - Marketing, Trường Kinh doanh, Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện nay: Giám đốc chương trình đào tạo ngành Marketing bậc Đại học;

Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: Số 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 028.38.295.299

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 30 tháng 09 năm 2009; số văn bằng: 340782; ngành: Du lịch, Nơi cấp bằng Đại học: Trường đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, Việt Nam. Giấy công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo số 3480/2025/DT/ThS-QLCL ngày 20 tháng 6 năm 2025.
- Được cấp bằng Thạc sĩ tháng 6 năm 2013; số văn bằng: 62248; ngành: Quản trị kinh doanh quốc tế; Nơi cấp bằng Thạc Sĩ: Đại học quốc gia Thành Công, Đài Loan.
- Được cấp bằng Tiến sĩ tháng 1 năm 2018; số văn bằng: 00001 (2018); ngành: Kinh doanh và Quản lý; Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Đại học Khoa học và công nghệ miền nam

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đài Loan, Đài Loan. Giấy công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục
và Đào tạo số 015762/CNVB-TS ngày 18 tháng 8 năm 2020.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh Tế TP Hồ
Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Với vai trò là một giảng viên, bên cạnh công tác giảng dạy, thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng nhằm lan toả tri thức thì hoạt động nghiên cứu khoa học cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh đang trong giai đoạn phát triển lớn mạnh và định hướng trở thành một đại học đa ngành và có vị thế cao trong khu vực, hơn thế nữa là trở thành một đại học định hướng nghiên cứu. Chính vì vậy, là một giảng viên, một người thực hiện nghiên cứu, bản thân ứng viên luôn nỗ lực để đưa ra các nghiên cứu gắn với các hoạt động giảng dạy của mình để trau dồi kiến thức từ thực tiễn và lồng ghép vào trong các nội dung giảng dạy nhằm thích ứng với xu hướng phát triển của thị trường.

Với kiến thức chuyên ngành mà bản thân ứng viên được đào tạo, đang giảng dạy, cũng như quan tâm thì ứng viên đang có 3 hướng nghiên cứu đã và tiếp tục thực hiện bao gồm: (1) Nghiên cứu về hành vi người tiêu dùng; (2) Nghiên cứu về quản trị đổi mới sáng tạo, đặc biệt tìm hiểu về các yếu tố liên quan tới ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động của các doanh nghiệp; (3) Nghiên cứu về đổi mới sáng tạo trong môi trường giáo dục. Có thể thấy, có mối liên hệ giữa ba hướng nghiên cứu này với nhau, và có sự hỗ trợ trực tiếp giữa cả ba hướng nghiên cứu gắn liền với bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam. Trong kỷ nguyên số, nơi các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, doanh nghiệp cần đầu tư vào đổi mới sáng tạo để phục vụ nhu cầu thị trường, thông qua việc thấu hiểu hành vi của khách hàng trên thị trường. Đồng thời, vai trò của các tổ chức giáo dục cũng trở lên quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo cho toàn xã hội. Bên cạnh đó, với xu hướng phát triển liên ngành và xuyên ngành và

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy thì bản thân ứng viên cũng tìm hiểu các yếu tố đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là trong hoạt động giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng và phong phú phương pháp truyền tải nội dung tới người học, nên các nghiên cứu xoay quanh phương pháp dạy học tích cực, đổi mới sáng tạo cũng được ứng viên tiến hành nghiên cứu.

Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về hành vi người tiêu dùng

Hướng nghiên cứu về hành vi người tiêu dùng là hướng nghiên cứu chủ đạo xuyên suốt trong quá trình công tác của ứng viên, gắn trực tiếp với chuyên môn giảng dạy và công việc hướng dẫn sinh viên cũng như học viên cao học. Trong bối cảnh hiện nay, công nghệ 4.0 đang phát triển nhanh chóng và tác động trực tiếp tới cuộc sống cũng như làm thay đổi hành vi tiêu dùng của con người, các loại hình kỹ thuật số khác nhau như Big data, IoT, AI, AR, VR, Website, các trang thương mại điện tử, các ứng dụng mua sắm (Apps) đều đã và đang trở thành một xu thế phát triển mạnh mẽ, và có tác động lớn tới hành vi của khách hàng. Bản thân ứng viên đang giảng dạy về ngành Marketing, một ngành học mà cần phải làm rõ nhu cầu và hành vi của người tiêu dùng. Hành vi người tiêu dùng là cơ sở nền tảng cho các hoạt động Marketing và các quyết sách chiến lược của nhà quản trị, do vậy các nghiên cứu này giúp cho các hoạt động giảng dạy về Marketing gắn với thực tiễn nhiều hơn. Kết quả của hướng nghiên cứu số 1 bao gồm:

Bài báo khoa học và báo cáo khoa học

- Số lượng bài viết: 28
- Số thứ tự trong mẫu 1. (Mục 7.1.a): [1], [2], [3], [6], [9], [14], [20], [21], [22], [23], [24], [25], [26], [27], [29], [30], [31], [32], [33], [34], [35], [37], [40], [41], [42], [43], [44], [46]
- Trong đó, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ:
- Số lượng: 05
Số thứ tự trong mẫu 1: [1], [2], [3], [6], [9]

Sách phục vụ đào tạo:

- Số lượng: 02 chương sách và 01 quyển sách
- Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 5): [1], [3], [5]

Trong đó, sách chuyên khảo, chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Số lượng: 01
- Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 5): [1]

Đề tài khoa học:

- Số lượng: 02 công trình cấp cơ sở
- Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 6): [2], [4],

Hướng dẫn Học viên cao học

- Số lượng: 02
- Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 4): [1], [3]

Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về quản trị đổi mới sáng tạo đặc biệt tìm hiểu về các yếu tố liên quan tới hoạt động ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động của các doanh nghiệp

Toàn cầu hoá đã giúp đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lên một vị thế mới, đóng vai trò then chốt trong các tổ chức, nhất là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVN). Những yếu tố này không đơn thuần là ảnh hưởng tới một doanh nghiệp, một lĩnh vực mà là ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt trong cuộc sống và mọi lĩnh vực kinh doanh. Theo chương trình chuyển đổi số quốc gia của Chính phủ (Quyết định số 749/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), Việt Nam sẽ trở thành quốc gia số vào năm 2030 với mục tiêu ổn định, phát triển trên nền tảng khoa học, công nghệ và tiên phong thử nghiệm các mô hình cũng như công nghệ mới trong nhiều lĩnh vực. Theo đó, Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh cũng đang ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tái cấu trúc mô hình hoạt động, tăng cường tính hiệu quả, khả năng đáp ứng linh hoạt trong môi trường bất định và từ đó đóng góp quan trọng và tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, hướng nghiên cứu thứ hai của ứng viên là phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới, của đất nước và gắn với chiến lược phát triển của Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

Không chỉ vậy, việc giảng dạy về quản trị đổi mới sáng tạo, tư duy sáng tạo, tư duy thiết kế cũng đã giúp ứng viên có một góc nhìn toàn diện về hoạt động quản trị và hoạt động sáng tạo của các doanh nghiệp ảnh hưởng tới hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp đó. Với một đất nước mà các doanh nghiệp hiện nay có mặt trên thị trường đa phần là các DNNVN thì việc tìm hiểu những vấn đề xoay quanh doanh nghiệp nhằm giúp nâng cao hiệu suất của doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng. Thế giới hiện nay, sau đại dịch Covid-19, môi trường kinh doanh toàn cầu đang phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt, các

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước DNNVN cũng phải đối mặt với khó khăn về việc duy trì hoạt động như cắt giảm chi phí, ứng dụng công nghệ mới, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả tương tác và phát triển doanh nghiệp. Với tổng số 98% số lượng doanh nghiệp tại Việt Nam là DNNVV, nên các doanh nghiệp này đang nhận được nhiều sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, cũng như cộng đồng khoa học trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp này đối mặt với thách thức và phát triển. Từ những động lực trên, ứng viên đã tập trung nghiên cứu các nội dung xuất phát từ nhu cầu và các vấn đề thực tiễn gắn với việc giúp cho các doanh nghiệp nâng cao hiệu suất hoạt động như: các mô hình đổi mới sáng tạo, lãnh đạo số, công nghệ 4.0, Các nghiên cứu của ứng viên đã góp phần đưa ra định hướng cho các nhà quản trị và các làm chính sách đưa ra chiến lược giúp các doanh nghiệp, các tổ chức giáo dục duy trì và phát triển trong giai đoạn kinh tế bất ổn định.

Bài báo khoa học và báo cáo khoa học

- Số lượng bài viết: 10
- Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 7.1.a): [4], [7], [8] [10], [11], [12], [13] [19], [28], [39]

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ:

- Số lượng: 05
- Số thứ tự trong mẫu 1: [7], [10], [11], [12], [13]

Sách phục vụ đào tạo:

- Số lượng: 01 sách
- Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 5): [4]

Đề tài khoa học:

- Số lượng: 01 công trình, đề tài số [3] là đề tài Khoa học và công nghệ cấp bộ Giáo dục & Đào Tạo do ứng viên là chủ nhiệm.
- Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 6): [3]

Hướng dẫn Học viên cao học

- Số lượng: 02
- Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 4): [2], [4]

Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu về đổi mới sáng tạo trong môi trường giáo dục

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Với nhiệm vụ giảng dạy là quan trọng nhất đối với một người giảng viên, trong đó, mục tiêu không chỉ là truyền tải đúng và đủ nội dung tới người học, mà còn phải là hay và truyền được cảm hứng tới các thế hệ sinh viên. Ứng viên liên tục nghiên cứu, tìm hiểu về các mô hình giảng dạy khác nhau trên thế giới, cũng thử áp dụng với các lớp giảng dạy của mình như phương pháp giảng dạy kiến tạo, lấy người học làm trung tâm, với cách tiếp cận này, giảng viên chỉ đứng vai trò là người đồng hành, cùng trao đổi và phát triển kiến thức. Theo đó, trao quyền quyết định học những nội dung gì, xác định bản thân thiếu gì, cần gì cho người học là thuộc quyền tự chủ của người học. Kết quả nghiên cứu của ứng viên cho thấy, khi thúc đẩy tính tự chủ trong các hoạt động học tập thì người học không chỉ nắm rõ nội dung kiến thức lý thuyết hơn mà còn vận dụng vào trong các dự án giải quyết một cách chặt chẽ vấn đề được đưa ra. Ứng viên nhận thấy rằng, việc nghiên cứu về các phương pháp giảng dạy đổi mới sáng tạo cũng là một trong những hướng nghiên cứu có thể giúp không chỉ củng cố thêm kiến thức mà còn là nền tảng để xây dựng phương pháp giảng dạy phù hợp với các lớp sinh viên của mình. Chính vì lẽ đó, hướng nghiên cứu thứ ba được triển khai nhằm nâng cao và đổi mới phương pháp giảng dạy. Kết quả hướng nghiên cứu 3 bao gồm:

Bài báo khoa học và báo cáo khoa học

- Số lượng bài viết: 08
- Số thứ tự trong mẫu 1. (Mục 7.1.a): [5], [15] [16], [17] [18], [36], [38], [45]

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ:

- Số lượng: 02
- Số thứ tự trong mẫu 1: [5], [15]

Sách phục vụ đào tạo:

- Số lượng: 01 chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản
- Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 5): [2]

Đề tài khoa học:

- Số lượng: 01 công trình cấp cơ sở
- Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 6): [1]

Kết quả các hoạt động nghiên cứu, đào tạo theo các hướng nghiên cứu được trình bày trong bảng sau:

Hoạt động	Trước tiến sĩ			Sau tiến sĩ				Tổng hợp		
	HNC	HNC	HNC	HNC	HNC	HNC	HNC	HNC	HNC	Tổng
	1*	2	3	1	2	3	1	2	3	cộng
Bài báo/báo cáo khoa học				28	10	8	28	10	8	46
Tạp chí ISI/Scopus				6	7	2	6	7	2	15
Tạp chí quốc tế khác										
Tạp chí trong nước				11	2	3	11	2	3	16
Hội thảo quốc tế				10	1	2	10	1	2	13
Hội thảo trong nước				1		1	1		1	2
Đề tài khoa học				2	1	1	2	1	1	4
Cấp Nhà nước										
Cấp Bộ/Tỉnh					1			1		1
Cấp cơ sở				2		1	2		1	3
Đào tạo										
Sách phục vụ đào tạo				3	2	1	3	2	1	6
Phát triển chương trình đào tạo				3	1		3	1		4
Hướng dẫn HVCH				2	2		2	2		4

* HNCI: Hướng nghiên cứu 1

Nguồn: Ứng viên tự tổng hợp

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 Học viên cao học bảo vệ thành công luận văn;
- Đã hoàn thành đề tài Nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 đề tài. Trong đó: Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Cơ sở
- Đã công bố (số lượng) 46 bài báo khoa học, trong đó 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 06, trong đó 02 chương sách thuộc nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản; 01 chương sách thuộc nhà xuất bản trong nước và 3 cuốn sách chuyên khảo

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

STT	Năm học	Loại khen thưởng đạt được	Văn bản tham chiếu
1.		Lao động tiên tiến	Quyết định số 571/QĐ-ĐHKT-NHSU ngày 01/4/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
2.	2018-2019	Giảng viên xuất sắc	Quyết định số 573/QĐ-ĐHKT-NHSU ngày 01/4/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
3.		Giải thưởng Viên chức, người lao động trẻ xuất sắc năm 2019	Quyết định số 3072/QĐ-ĐHKT-NS ngày 14/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
4.		Giảng viên xuất sắc	Quyết định số 675/QĐ-ĐHKT-NS ngày 02/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
5.		Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ	Quyết định số 942/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 06 tháng 04 năm 2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

		năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021	
6.	2020-2021	Giấy khen giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt thành tích cao năm 2020	Quyết định số 1262/QĐ-ĐHKT-QTNNL của hiệu trưởng UEH ngày 26/04/2021
7.		Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 1675/QĐ-ĐHKT-QTNNL ngày 11/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
8.		Lao động tiên tiến	Quyết định số 1677/QĐ-ĐHKT-QTNNL ngày 11/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
9.		Giảng viên xuất sắc	Quyết định số 1680/QĐ-ĐHKT-QTNNL ngày 11/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
10.		Giấy chứng nhận Giảng viên đã hướng dẫn sinh viên có đề tài đạt giải ba, giải thưởng “sinh viên nghiên cứu khoa học” năm 2020	Quyết định số 3346/QĐ-BGDĐT của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 02/11/2020
11.	2021-2022	Top 3 - Giảng viên của năm 2021	Quyết định số 784/ QĐ-ĐHKT-QTNNL ngày 09/06/2022 của Hiệu trưởng UEH
12.		Giấy khen giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu	Quyết định số 970/QĐ-ĐHKT-QTNNL của hiệu trưởng UEH ngày 14/04/2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

		khoa học đạt thành tích cao năm 2021	
13.		Lao động tiên tiến	Quyết định số 1499/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 09/06/2022 của Hiệu trưởng UEH
14.		Giảng viên xuất sắc	Quyết định số 1504/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 09/06/2022 của Hiệu trưởng UEH
15.		Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 1505/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 06/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
16.		Lao động tiên tiến	Quyết định số 711/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 17/03/2023 của Hiệu trưởng UEH
17.		Giảng viên xuất sắc	Quyết định số 713/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 17/03/2023 của Hiệu trưởng UEH
18.	2022-2023	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2022	Quyết định số 714/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 17/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
19.		Giấy khen giảng viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên giai đoạn 2020-2022	Quyết định số 367/QĐ-ĐHKT-QTNL của hiệu trưởng UEH ngày 23/02/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

20.		Bằng khen của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo	Quyết định số 4282/QĐ-BGDĐT của bộ trưởng bộ GDĐT ngày 13/12/2023
21.	2023-2024	Giấy khen giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt thành tích cao năm 2023	Quyết định số 542/QĐ-ĐHKT-QTNNL của hiệu trưởng UEH ngày 21/02/2024
22.		Lao động tiên tiến	Quyết định số 1425/QĐ-ĐHKT-QTNNL ngày 19/04/2024 của Hiệu trưởng UEH
23.		Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 1427/QĐ-ĐHKT-QTNNL ngày 19/04/2024 của Hiệu trưởng UEH
24.		Giấy khen Best paper award	International Conference on Science, Education, and Viable Engineering 2023
25.	2024-2025	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 220/QĐ-ĐHKT-PTTCNL ngày 15/01/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
26.		Lao động tiên tiến	Quyết định số 221/QĐ-ĐHKT-PTTCNL ngày 15/01/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
27.		Top 1 – Nghiên cứu khoa học của năm 2024	Quyết định số 972/QĐ-ĐHKT-PTTCNL ngày 28/3/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

28.		Giấy chứng nhận giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt thành tích cao cuộc thi Eureka	Quyết định số BCH Đoàn thanh niên cộng sản TP HCM ngày 29/11/2024
29.		Giấy khen Best paper award cho bài báo: Unveiling KOC impact: Strengthening brand competitiveness through Gen Z's Purchase intentions	The International Conference of Business Theories & Practices (i-COB 2024)
30.		Giấy khen giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt thành tích cao năm 2024	Quyết định số 398/QĐ-ĐHKT-PTTCNL của hiệu trưởng UEH ngày 10/02/2025
31.		Bằng khen giảng viên có thành tích xuất sắc trong phong trào “Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ” năm 2024 của Công đoàn giáo dục Việt Nam	Quyết định số 619/QĐ-CĐN ngày 08 tháng 05 năm 2025

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt quãng thời gian hơn 7 năm qua, với vai trò là một giảng viên, ứng viên luôn cố gắng rèn luyện và tu dưỡng phẩm chất đạo đức. Đồng thời, ứng viên cũng không ngừng nỗ lực hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thành mọi nhiệm vụ do Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh, Khoa Kinh doanh quốc tế - Marketing và Bộ môn Marketing giao phó, như tham gia giảng dạy các bậc đào tạo đại học, cao học; tham gia các hoạt động nghiên

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
cứu khoa học với vai trò là chủ nhiệm hoặc thành viên trong các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Cơ sở. Bên cạnh đó, ứng viên đã tham gia viết sách tham khảo và giáo trình phục vụ đào tạo tới các môn học được giao giảng dạy và nghiên cứu với vai trò là chủ biên hoặc thành viên. Ngoài ra, ứng viên cũng thực hiện nghiên cứu khoa học và công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế theo định hướng từ Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

Về phẩm chất đạo đức: Là một giảng viên, ứng viên luôn nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chấp hành tốt nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường và địa phương cư trú, gương mẫu và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; gắn bó và chia sẻ với đồng nghiệp, bạn bè.

Về công tác giảng dạy: Ứng viên tham gia giảng dạy bậc đào tạo đại học, cao học ngành Marketing, ngành Kinh doanh Thương mại, Kinh doanh Quốc tế của Trường Kinh doanh, Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh; tham gia hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học và hướng dẫn luận văn cao học. Bên cạnh đó, ứng viên còn tham gia xây dựng, phát triển, điều chỉnh các chương trình đào tạo, đặc biệt là những chương trình tiên tiến theo xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong Marketing và Quản trị kinh doanh.

Về nghiên cứu khoa học: Ứng viên luôn đặt mình trong vai trò của một giảng viên gắn liền với công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ứng viên đã chủ trì và là thành viên của các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp Cơ sở. Các đề tài đều đã thực hiện đúng thời hạn yêu cầu và đạt kết quả nghiệm thu. Bên cạnh đó, ứng viên là chủ biên và thành viên của một số sách tham khảo nhằm phục vụ công tác đào tạo. Ngoài ra, ứng viên cũng thực hiện nghiên cứu khoa học và công bố các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Trong đó, có các bài báo được xuất bản trên những tạp chí khoa học quốc tế có uy tín trong danh mục ISI/Scopus/ABDC.

Về ứng dụng chuyên môn trong công tác quản lý: Khi được phân công vị trí giám đốc chương trình đào tạo ngành Marketing bậc đại học, ứng viên đã vận dụng chuyên môn của mình để cùng tập thể lãnh đạo, các thầy giáo, cô giáo, tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình ngành Marketing trình độ đại học nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong giảng dạy, gắn liền kiến thức lý thuyết, thực hành với thực tiễn thị trường. Ứng viên cũng là 1 thành viên tham gia xây dựng và đóng góp tích cực vào các hoạt động thúc đẩy hợp tác quốc tế trong khoa, cũng đang là người phụ trách một số chương trình trao đổi sinh viên quốc tế như dự án Khởi nghiệp bền vững để phát triển kinh tế (Sustainable Entrepreneurship for Economic Development -

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước SEED) thường niên, chương trình trao đổi sinh viên giữa Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh với các trường đối tác tại Đài Loan.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm 04 tháng (tính từ ngày xếp ngạch giảng viên chính thức (01/02/2019) theo quyết định số 257/QĐ-ĐHKT-NHSU ngày 01/02/2019 của Hiệu trưởng về việc công nhận hoàn thành tập sự cho tới ngày 30/06/2025).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020					315		315/270
2	2020-2021				6	315		315/351/270
3	2021-2022				6	225	30	255/306/229,5
03 năm học cuối								
4	2022-2023				6	225	60	285/351/229,5
5	2023-2024			2	6	225	45	315/413,5/229,5
6	2024-2025			2	5	270	90	315/430/229,5

(*) Giải thích tính số giờ chuẩn định mức: Bảng tính giờ chuẩn định mức trong 06 năm học từ năm 2019 đến năm 2025 (tính đến ngày 30/6/2025) được tính toán theo bảng chi tiết sau:

STT	Năm học	Chức vụ quản lý kiêm nhiệm	Định mức giờ chuẩn (%)	Ghi chú
1	2018 - 2019	Giảng viên tập sự	25% định mức giờ chuẩn (270 giờ x 25% = 67,5 giờ)	(*)
2	2019 - 2020	Giảng viên	100% Định mức giờ chuẩn (270 giờ)	(*)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	2020 - 2021	Giảng viên	100% định mức giờ chuẩn (270 giờ)	(*)
4	2021-2022	Giám đốc chương trình đào tạo ngành Marketing trình độ Đại học	85% định mức giờ chuẩn (270 giờ x 85%= 229,5 giờ)	(*) (**)
5	2022 - 2023	Giám đốc chương trình đào tạo ngành Marketing trình độ Đại học	85% định mức giờ chuẩn (270 giờ x 85%= 229,5 giờ)	(*) (**)
6	2023 - 2024	Giám đốc chương trình đào tạo ngành Marketing trình độ Đại học	85% định mức giờ chuẩn (270 giờ x 85%= 229,5 giờ)	(*) (**)
7	2024 - 2025	Giám đốc chương trình đào tạo ngành Marketing trình độ Đại học	85% định mức giờ chuẩn (270 giờ x 85%= 229,5 giờ)	(*) (**)

(**) Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định số 1224/QyĐ-ĐHKT-QTNN ngày 27/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên, trợ giảng của Trường ban hành theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(*) Quy định số 327/QyĐ-ĐHKT-QTNN ngày 26/2/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên, trợ giảng của Trường ban hành theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(Lưu ý: Toàn bộ thông tin về thời gian, kết quả tham gia đào tạo của Ứng viên đã được Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận theo Giấy xác nhận số 141/ĐHKT-TCKT-QTNL ban hành ngày 19/4/2023).

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Bảo vệ luận văn ☒ ThS ☐ hoặc luận ☒ án TS hoặc TSKH ; tại nước:
 Đài Loan năm 2013 và Đài Loan năm 2018.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam (môn học Marketing căn bản; Quản trị quan hệ khách hàng, Marketing trong kỷ nguyên số, Quản trị đổi mới sáng tạo, hệ Đại học chính quy, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh theo Giấy xác nhận số 12/ĐHKT-KDQTM của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh).

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

[1] TOEIC ngày 28/10/2012 mã số: 12461741 số điểm: 810

[2] Certificate in EMI Skills: Theo quyết định số 02/07/22/QĐ-ĐHKT-VNNQTH ngày 21 tháng 07 năm 2022

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/C K2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Nguyễn Huỳnh Trương Duân		HVCH	X		Từ tháng 11/2022 đến tháng 9/2023	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 3392/QĐ- ĐHKT-ĐTSDH ngày 15/11/2022 về việc phân công GVHD học viên thực hiện luận văn thạc sĩ đợt 1 khóa 31 năm 2021 và Bằng thạc sĩ Kinh doanh thương mại số hiệu 009322 số vào sổ gốc cấp văn bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/C K2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
								656/2023 ký ngày 12/09/2023
2.	Trần Đình Minh Trí		HVCH	X		Từ tháng 1/2022 đến tháng 2/2023	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 4163/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 06/12/2021 về việc phân công GVHD học viên thực hiện luận văn thạc sĩ đợt 1 khoá 30 năm 2020 và Bằng thạc sĩ Kinh doanh thương mại số hiệu 008771 số vào sổ gốc cấp văn bằng 105/2023 ký ngày 11/04/2023
3.	La Thị Hạnh Đào		HVCH	X		Từ tháng 4/2023 đến tháng 4/2024	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 1393/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 28/04/2023 về việc phân công GVHD học viên thực hiện luận văn thạc sĩ đợt 2 khoá 31 năm 2023 và Bằng thạc sĩ Kinh doanh quốc tế số hiệu 011824 số vào sổ gốc cấp văn bằng 488/2024 ký ngày 10/04/2024
4.	Trần Quế Nhung		HVCH	X		Từ tháng 3/2024 đến tháng 10/2024	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 809/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 14/03/2024 về việc phân công GVHD học viên thực hiện luận văn thạc sĩ đợt 1

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/C K2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
								khoá 32 năm 2022 và Bằng thạc sĩ Kinh doanh quốc tế số hiệu 012480 ký ngày 18/10/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Các luận văn hướng dẫn HVCH đã kê khai được thực hiện tương ứng với các hướng nghiên cứu sau:

- Hướng nghiên cứu 1: có 02 HVCH, cụ thể:
 - Số thứ tự [1], tên luận văn “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông Internet tại thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam): tác động trung gian của sự hài lòng của khách hàng”.
 - Số thứ tự [3], tên luận văn “Đề xuất chiến lược truyền thông kỹ thuật số cho các hoạt động CSR tại tập đoàn Tân Hiệp Phát trong giai đoạn nửa đầu năm 2024”.
- Hướng nghiên cứu 2: có 02 HVCH, cụ thể:
 - Số thứ tự [2], tên luận văn “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam (SMEs)”.
 - Số thứ tự [4], tên luận văn “Xây dựng môi trường làm việc nâng cao sự cam kết và gắn kết của nhân viên trong Pepsico Foods Việt Nam”.
- Hướng nghiên cứu 3: Không có

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1.	Chương sách - Chapter 21 có tên “Cruising through the Choices Unraveling Destination Decision-Making Dilemmas with Social Networks via MCDM” thuộc Book “Multi-Criteria Decision-Making and Optimum Design with Machine Learning: A Practical Guide” https://doi.org/10.1201/9781032635170	TK	Taylor and Francis, xuất bản ngày 11/12/2024 (ISBN: 978-103-263-517-0)	01	Hai-Ninh Do	Chương 21 (từ trang 274-298)	Giấy Xác nhận số 43/ĐHKT-NCPTGKTC của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo
2.	Chương sách - Chapter 05 có tên “Do Social Influence and Initial Experience of ChatGPT Matter for Students’ Retention at Higher Education Institutions? <i>The Direct and Indirect Relationships Investigation</i> ” thuộc	CK	Taylor and Francis, xuất bản ngày 12/11/2024 (ISBN: 978-103-271-635-0)	03	Hue Minh Nguyen, Ngoc Bich Do, Hai-Ninh Do*	Chương 5 (từ trang 70-82)	Giấy Xác nhận số 44/ĐHKT-NCPTGKTC của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	Book “Empowering Digital Education with ChatGPT From Theoretical to Practical Applications” https://doi.org/10.1201/9781032716350						
3.	Chương sách - có tên “Kinh doanh thương mại trên nền tảng số của doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam trước và trong dịch COVID-19” thuộc Book series của Đại học Kinh tế Tp HCM. https://digital.lib.ueh.edu.vn/handle/UEH/62483	CK	Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông ISBN: 978-604-805-744-2	05	Bùi Thanh Tráng, Hoàng Thu Hằng, Đỗ Thị Hải Ninh, Dương Ngọc Hồng, Hoàng Ngọc Như Ý	Từ trang 642 tới 682	Giấy Xác nhận số 45/ĐHKT-NCPTGKTC của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo
4.	Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Từ lý thuyết tới thực tiễn	CK	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024 (ISBN: 978-	06	Đỗ Thị Hải Ninh	Chương 3 (từ trang 83-99)	Quyết định phê duyệt số 1447/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 15/01/2024 của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Biên bản nghiệm thu

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
			604-346-332-3)				ngày 06/05/2024 theo Quyết định số 1461/QĐ-ĐHKT-NCPTGKTC ngày 23/04/2024 và Giấy Xác nhận số 46/ĐHKT-NCPTGKTC của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo (có xác nhận của Đồng chủ biên và Khoa đào tạo chuyên ngành nơi đơn vị sử dụng sách)
5.	Nghiên cứu hành vi khách hàng số trong ngành bán lẻ	CK	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2025 (ISBN: 978-604-346-440-5)	03	Đặng Văn Thạc, Đỗ Thị Hải Ninh	Chương 1, 4, 5 (từ trang 13-170)	Quyết định phê duyệt số 3543/ĐHKT-QLKHHTQT ngày 01/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Biên bản nghiệm thu ngày 19/12/2023 theo Quyết định số 4202/QĐ-ĐHKT-QLKHHTQT ngày 18/12/2023 và Giấy Xác nhận số 47/

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
							ĐHKT-NCPTGKTC của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo (có xác nhận của Đồng chủ biên và Khoa đào tạo chuyên ngành nơi đơn vị sử dụng sách)
6.	Công nghệ 4.0 trong đổi mới quản lý và vận hành chuỗi cung ứng tại Việt Nam: Từ lý thuyết tới thực tiễn	CK	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2025 (ISBN: 978-604-346-441-2)	06	Nguyễn Huệ Minh	Chương 5 (từ trang 234-253);	Quyết định phê duyệt số 4408/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 22/10/2024 của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Biên bản nghiệm thu ngày 12/02/2025 theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKT-NCPTGKTC ngày 03/02/2025 và Giấy Xác nhận số 48/ĐHKT-NCPTGKTC của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo (có xác nhận của Chủ biên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
							và Khoa đào tạo chuyên ngành nơi đơn vị sử dụng sách)

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên/đồng chủ biên sau TS: 02 chương sách có số thứ tự [1], [2].

Các sách phục vụ đào tạo được biên soạn tương ứng với các hướng nghiên cứu sau:

- Hướng nghiên cứu 1: gồm 02 chương sách và 1 quyển sách có số thứ tự [1], [3], [5]
Trong đó, có 01 là chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản có số thứ tự [1]
- Hướng nghiên cứu 2: gồm 02 quyển sách chuyên khảo có số thứ tự [4], [6]
Hướng nghiên cứu 3: gồm có 01 là chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản có số thứ tự [2]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	I. Trước khi được công nhận TS				
	II. Sau khi được công nhận TS				

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1.	Tên đề tài: “Tác động của mô hình học tập kiến tạo đến năng lực tư duy đổi mới sáng tạo của sinh viên ngành Kinh doanh” Mã số: CS-2019-18	Chủ nhiệm	- Mã số: CS-2019-18 - Cấp quản lý: đề tài cấp cơ sở Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 10 năm 2021	Thanh lý ngày 06/10/2021
2.	Tên đề tài: “Nghiên cứu ảnh hưởng của kiến thức tài chính và thái độ tài chính tới ý định khởi nghiệp của sinh viên kinh tế” Mã số: CS- COB-2022-13	Chủ nhiệm	- Mã số: CS-COB-2022-13 - Cấp quản lý: đề tài cấp cơ sở Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023	Nghiệm thu ngày 28/07/2023 và xếp loại kết quả: Tốt
3.	Tên đề tài: “Ảnh hưởng của các yếu tố đổi mới sáng tạo ảnh hưởng tới hiệu suất hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong giai đoạn Covid-19” Mã số: B2022-KSA-12	Chủ nhiệm	- Mã số: B2022-KSA-12 - Cấp quản lý: đề tài cấp Bộ GD&ĐT	Từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 10 năm 2024	Nghiệm thu ngày 14/10/2024 và xếp loại kết quả: Đạt
4.	Tên đề tài: “Nghiên cứu ảnh hưởng của "tẩy xanh" tới ý định mua hàng của giới trẻ” Mã số: CS-COB-2023-45	Chủ nhiệm	- Mã số: CS-COB-2023-45 - Cấp quản lý: đề tài cấp cơ sở Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 09 năm 2024	Nghiệm thu ngày 18/09/2024 và xếp loại kết quả: Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm;
 TK: Thư ký.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kê khai được thực hiện tương ứng với các hướng nghiên cứu sau:

- Hướng nghiên cứu 1: gồm 02 đề tài có số thứ tự [2], [4]
- Hướng nghiên cứu 2: gồm 01 đề tài cấp bộ số thứ tự [3]
- Hướng nghiên cứu 3: gồm 01 đề tài có số thứ tự [1]

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
II.1	Bài công bố trên Tạp chí khoa học quốc tế							
1.	Effects of mobile augmented reality apps on impulse buying behavior: An investigation in the tourism field Link: https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2020.e04667	3	Tác giả đứng đầu & Tác giả liên hệ	Heliyon (ISSN: 2405-8440)	ISI-SCIE Q1, IF=3.4; Scopus Q1 IF = 4.1	254	Tập 6, số 8; mã e04667	8/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
2.	An investigation of Generation Z's Intention to use Electronic Wallet in Vietnam Link: https://doi.org/10.15722/jds.18.10.202010.89	2	Tác giả liên hệ	Journal of Distribution Science (ISSN: 1738-3110; eISSN: 2093-7717)	ISI-ESCI IF =0.4; Scopus; Q3 IF=1.7	72	Tập 18, số 10, trang 89-99	10/2020
3.	The “e-Wallet Generation”: How Barriers and Promoting Factors Influence Intention to Use Link: https://doi.org/10.1007/s12626-021-00088-3	3	Tác giả liên hệ	The Review of Socionetwork Strategies (eISSN: 1867-3236)	ISI-ESCI; IF=1.0	19	Tập 15 (2021), trang 413-427	9/2021
4.	Firm's innovation activities across ASEAN countries: Examining the impacts of management experience, management practices and the moderating role of female CEOs Link: https://doi.org/10.1080/23311975.2023.2170519	5		Cogent Business & Management (eISSN: 2331-1975)	ISI-ESCI; IF=3.0 Scopus; Q1, IF=4.9	8	Tập 10, số 1, Mã số: 2170519	2/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
5.	How do constructivism learning environments generate better motivation and learning strategies? The Design Science Approach Link: https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e22862	3	Tác giả đứng đầu & Tác giả liên hệ	Heliyon (ISSN: 2405-8440)	ISI-SCIE Q1; IF=3.4; Scopus Q1 IF = 4.1	28	Tập 9, số 12, mã e22862	12/2023
6.	Sequential mediation analysis of workplace bullying, work-life conflict, and young employees' outcomes in Vietnam Link: https://doi.org/10.21315/aamj2023.28.2.3	2	Tác giả liên hệ	Asian Academy of Management Journal (ISSN: 1394-2603; eISSN: 2180-4184)	ISI-ESCI; IF=1.2 Scopus, Q3 IF=1.8		Tập 28, số 2, trang 61-86	12/2023
7.	Which factors help SMEs' performance recover post-pandemic? The role of learning capability, intellectual capital, and technological innovation Link: https://doi.org/10.2478/sbe-2024-0026	2	Tác giả đứng đầu & tác giả liên hệ	Studies in Business and Economics ISSN: 1842-4120	ISI-ESCI IF=0.7 Scopus, Q3, IF=1.6	3	Tập 19, số 2	2/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
8.	Digitalization strategy adoption: The roles of key stakeholders, big data organizational culture, and leader commitment Link: https://doi.org/10.1016/j.ijhm.2023.103643	5		International Journal of Hospitality Management 117 (2024) 103643 (ISSN: 0278-4319; eISSN: 1873-4693)	ISI-SSCI Q1 IF: 10.0; Scopus Q1 IF=20.7	42	Tập 117, mã: 103643	12/2023
9.	Anti-Brand Activism in the Collectivist Orientation: The Case of Online-Consumers-Run Communities Link: https://doi.org/10.1080/10496491.2024.2318665	4	Tác giả đứng đầu	Journal of Promotion Management ISSN: 1540-7594	Scopus Q2 IF=6.1	11	Tập 30, số 5, trang 811-841	2/2024
10.	Improving Business Performance for Smes: The Power of Co-Innovation and Business Networks Resilience in The Covid-19 Pandemic Link: https://doi.org/10.7903/ijecs.2290	3	Tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ	International Journal of Electronic Commerce Studies (ISSN: 2073-9729)	Scopus; Q3 IF=1.7	4	Tập 15, số 1	3/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
11.	Unveiling the impact of technological innovation and SMEs resilience: the moderating role of firms' social sustainability orientation Link: https://doi.org/10.1108/EJIM-04-2024-0358	4	Tác giả đứng đầu & tác giả liên hệ	European Journal of Innovation Management (ISSN: 1460-1060)	ISI-SSCI Q1, IF=5.0 Scopus Q1 IF=12.3	1		9/2024
12.	Unveiling the role of sustainability practices, co-innovation and entrepreneurial orientation on SMEs performance: An empirical study in developing country Link: https://doi.org/10.1002/bsd2.70022	3	Tác giả đứng đầu & tác giả liên hệ	Business strategy and development (eISSN: 2572-3170)	ISI-ESCI IF=4.8 Scopus Q1 IF=5.5	3	Tập 7, số 4, mã e70022	10/2024
13.	Using rational influence tactics to build long-term relationships and acquire knowledge in B2B marketing channels: evidence from Vietnam Link: https://doi.org/10.1108/JABS-04-2023-0146	2	Tác giả đứng đầu	Journal of Asia Business Studies (ISSN: 1558-7894)	ISI-ESCI IF=2.3 Scopus Q1 IF=6.2		Tập 19, số 1, trang 231 - 249	1/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
14.	Building platform trust for live stream commerce: the social-technical systems perspective Link: https://doi.org/10.1080/23311975.2025.2482852	3		Cogent Business & Management (eISSN: 2331-1975)	ISI-ESCI; IF=3.0 Scopus; Q1 IF=4.9		Tập 12, số 1, Mã số: 2482852	3/2025
15.	Transforming higher education: motivating academics for social innovation Link: https://doi.org/10.1080/2331186X.2025.2473242	2	Tác giả đứng đầu & tác giả liên hệ	Cogent Education (eISSN: 2331-186X)	ISI-ESCI; IF=1.5 Scopus; Q2 IF=2.9		Tập 12, số 1, Mã số: 2473242	3/2025
II.2 Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước								
16.	Nghiên cứu lý thuyết về mối quan hệ chuyển giao công nghệ giữa các trường đại học và doanh nghiệp ở Việt Nam trong cách mạng công nghiệp 4.0 Link: https://tapchicongthuong.vn/nghien-cuu-ly-thuyet-ve-moi-quan-he-chuyen-giao-cong-nghe-	2	Tác giả đứng đầu	Tạp chí Công Thương (ISSN: 0866-7756)			Số 16 - tháng 7/2020, trang 130-137	7/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	giua-cac-truong-dai-hoc-va-doanh-nghiep-o-viet-nam-trong-cach-mang-cong-nghiep-4-0-74381.htm							
17.	The role of perceived usefulness on student satisfaction of learning management system - Case study of business students Link: http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/bai_so_16.pdf	1	Tác giả đứng đầu & tác giả liên hệ	Vietnam Journal of Educational Sciences (ISSN: 2615-8956; e-ISSN: 3030-4490)			Số 1, eng, trang 108-115	11/2020
18.	Tác động của mô hình học tập kiến tạo đến năng lực tư duy đổi mới sáng tạo của sinh viên ngành Kinh doanh Link: http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/baiso_02_so43.pdf	2	Tác giả đứng đầu	Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam (ISSN: 2615-8957; e-ISSN: 3030-4490)			Số 43 tháng 7/2021 Trang 6-11	7/2021
19.	Đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: Lý thuyết và các loại hình đổi mới sáng tạo Link: Unavailable	3	Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự Báo (ISSN: 1859-4972)			Số 24 tháng 8/2022 (814),	8/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
			đứng đầu				Trang 53-56	
20.	Tác động của người nổi tiếng trong phát sóng trực tiếp lên hành vi mua hàng của thể hệ Z Link: https://sti.vista.gov.vn/publication/view/tac-dong-cua-nguoi-noi-tieng-trong-phat-song-truc-tiep-len-hanh-vi-mua-hang-cua-the-he-z-361972.html	2	Tác giả đứng đầu	Tạp chí Công Thương (ISSN: 0866-7756)			Số 9 – Tháng 4/2023 Trang 200-209	4/2023
21.	Phân tích tác động trong hoạt động xã hội của doanh nghiệp đến ý định sử dụng ví điện tử: Trường hợp điển hình của Momo Link: Unavailable	2	Tác giả đứng đầu	Tạp chí Công Thương (ISSN: 0866-7756)			Số 25 tháng 11/2023 Trang 212-218	11/2023
22.	Vai trò điều tiết của kiến thức tài chính với mối quan hệ giữa hành vi tài chính và ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên khối kinh tế Link: Unavailable	1	Tác giả đứng đầu & tác giả liên hệ	Tạp chí Kinh tế và Dự Báo (ISSN: 1859-4972)			Số 24 tháng 8/2023 Trang 93 - 96	8/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
23.	Ảnh hưởng điều chỉnh của cảm nhận tiết kiệm đến ý định sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trên điện thoại của thế hệ Z Link:https://kinhtevaduba.vn/anh-huong-dieu-chinh-cua-cam-nhan-tiet-kiem-den-y-dinh-su-dung-dich-vu-giao-do-an-tren-dien-thoai-cua-the-he-z-29729.html	2	Tác giả đứng đầu	Tạp chí Kinh tế và Dự Báo (ISSN: 1859-4972)			Số 36 tháng 12/2023 Trang 82-85	12/2023
24.	Gắn kết mạng xã hội và ý định mua sản phẩm thương hiệu ngoại: Vai trò của việc đánh giá sản phẩm thương hiệu ngoại và chủ nghĩa vị chủng Link:https://jabes.ueh.edu.vn/Content/ArticleFiles/918621ac-7069-4037-a3be-4914dc20f7f3/JABES-2023-5-V117.pdf	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (ISSN: 2615-9104)			Số 6(2023) Trang 121-136	07/2023
25.	Vai trò của nhận thức phát triển bền vững tới các giá trị tiêu dùng và hành vi tẩy	3		Tạp chí Khoa học Kinh tế			Số 11(04)	12/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	chạy sử dụng thời trang nhanh Link: https://tapchikhkt.due.udn.vn/home/article/2594			(ISSN: 0866-7969)			Trang 1-15	
26.	The moderating effect of financial literacy on financial attitude and entrepreneurial intention among business students Link: Unavailable	1	Tác giả đứng đầu & tác giả liên hệ	Journal of Finance & Accounting research ISSN: 2588-1493			Số 02(27) – 2024 Trang 48-52	03/2024
27.	Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến ý định thăm quan địa điểm du lịch xanh: Góc nhìn từ lý thuyết hành vi dự định Link: Unavailable	3		Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			Số cuối tháng – Tháng 6/2024 Trang 70-72	06/2024
28.	Tổng quan nghiên cứu về lãnh đạo số trong kỷ nguyên số Link: Unavailable	2	Tác giả đứng đầu	Tạp chí Kinh tế và Dự Báo (ISSN: 1859-4972)			Số 15 Tháng 8/2024 Trang 146-149	8/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
32.	A study of the factors affecting the slow development in using e-wallets of generation Z in Ho Chi Minh City Link conference: https://en.neu.edu.vn/vi/coming-events/the-2nd-international-conference-on-contemporary-issues-in-economics-management-and-business	5	Tác giả đứng đầu	2nd International Conference on Contemporary Issues in Economics management and business ISBN: 978-604-946-741-7				2019
33.	What Factors Influence Vietnamese Tourists to Buy Impulsively When Traveling Abroad? Link: https://icbf2020.scienconf.org/	5	Tác giả đứng đầu	International Conference on Business and Finance 2020 ISBN: 978-604-301-028-2				2020
34.	A Study of Service Quality in Sharing Economy: The Case of Ride-Hailing Industry Link: https://icbf2020.scienconf.org/	6	Tác giả đứng đầu	International Conference on Business and Finance 2020 ISBN: 978-604-301-028-2				2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
35.	Extended Technology Acceptance Model (TAM) and Innovations Diffusion Theory (IDT) research about intention to use TikTok of digital natives Link: https://icbf2020.sciencesconf.org/	3	Tác giả đứng đầu	International conference on Business and Finance 2020 ISBN: 978-604-301-028-2				2020
36.	Barriers to promote stakeholder collaboration in the social enterprise 231 ecosystem in Vietnam Link: Unavailable	5		International Research Conference: Innovation & Entrepreneurship for Sustainable development goals: a Journey of 5 years and the Path a head (ICSE 2020) ISBN: 978-604-301-443-3			ICSE 2020, 231 - 240	2020
37.	The Impact Of Covid-19 On Repurchase Behavior: Case Study Of Green Products In Ho Chi Minh Consumer	6	Tác giả đứng đầu	International Conference on Business and Finance 2021				2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Link: https://icbf2021.scienconf.org/			ISBN: 978-604-325-669-7				
38.	How Does Technology Innovation Influences Education: A Case of Applying Gamification to Teaching in Business School Link Conference: https://icech.hust.edu.vn/category/show?id=33 Book chapter: https://www.atlantispress.com/proceedings/icech-22 https://doi.org/10.2991/978-94-6463-150-0_11	2	Tác giả đứng đầu	Proceedings of the International Conference on Emerging Challenges: Strategic Adaptation in The World of Uncertainties (ICECH 2022) ISBN: 978-94-6463-150-0 ISSN: 2352-5428				2022
39.	Examining the impacts of management experience, management practice on Firms' Innovation activities across ASEAN countries Link: https://icech.hust.edu.vn/category/show?id=33	5		ICECH2022 - International Conference on Emerging Challenges: Strategic Adaptation in the World of Uncertainties				2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				ISBN: 978-604-397-659-5				
40.	A case study in Vietnam Using the IMO model to explore undergraduate students' virtual teamwork Link: https://icech.hust.edu.vn/category/show?id=33	3	Tác giả đứng đầu	ICECH2022 - International Conference on Emerging Challenges: Strategic Adaptation in the World of Uncertainties ISBN: 978-604-397-659-5				2022
41.	Factors affecting the intention to buy green product: case of green service Link conference: https://www.ueh.edu.vn/en/event/international-scientific-conference-%E2%80%9Csustainable-university-development-opportunities-and-challenge%E2%80%9D-sustainable-university-development-opportunity-	4	Tác giả đứng đầu	International Conference proceedings: sustainable university development opportunity and challenge (SUDOC 2022) ISBN: 978-604-80-7563-7				2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	and-challenge-%E2%80%93sudoc-58967							
42.	The roles of green psychological benefits, green marketing and perceived environmental benefits on the relationship between consumer attitude and purchase intention Link conference: https://ueh.edu.vn/en/event/call-for-papers-international-conference-of-business-theories-practices-i-cob-71782	3	Tác giả liên hệ	International Conference of Business Theories & Practices (iCOB 2024) ISBN: 978-604-80-8972-6				2024
43.	Unveiling KOC impact: Strengthening brand competitiveness through gen Z's purchase intentions Link conference: https://ueh.edu.vn/en/event/call-for-papers-international-conference-of-business-theories-practices-i-cob-71782	4		International Conference of Business Theories & Practices (iCOB 2024) ISBN: 978-604-80-8972-6				2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	papers-international-conference-of-business-theories-practices-i-cob-71782							
44.	How do Innovation capabilities affect younger's career success: The perspective of digital native generation in Ho Chi Minh City Link conference: https://www.is.vnu.edu.vn/en/12th-international-conference-on-emerging-challenges/	4	Tác giả liên hệ	ICECH2024 - International Conference on Emerging Challenges ISBN: 978-604-357-355-8				2024
II.4	Bài đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia							
45.	Nghiên cứu lý thuyết về mối quan hệ chuyển giao công nghệ giữa các trường đại học và doanh nghiệp ở Việt Nam trong cách mạng công nghệ 4.0 Link hội thảo: https://ueh.edu.vn/khoa-hoc/hoi-thao-khoa-hoc-	1	Tác giả đứng đầu & tác giả liên hệ	Hội thảo khoa học quốc gia: Vai trò của các tổ chức trung gian trên thị trường khoa học và công nghệ tại Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0				2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	quoc-gia-vai-tro-cua-cac-to-chuc-trung-gian-tren-thi-truong-khoa-hoc-va-cong-nghe-kh-cn-tai-viet-nam-trong-boi-can-h-cach-mang-cong-nghiep-4-0-55790?app=true&app=true			ISBN: 978-604-946-839-1				
46.	Nhu cầu đầu tư tài chính của sinh viên kinh tế: Nghiên cứu ảnh hưởng của kiến thức tài chính và thái độ tới ý định đầu tư tài chính Link hội thảo: https://www.ueh.edu.vn/khoa-hoc/hoi-thao-khoa-hoc-quoc-gia-“dinh-hinh-lai-he-thong-tai-chinh-toan-cau-va-chien-luoc-cua-viet-nam-lan-2”-58753	1	Tác giả đứng đầu & tác giả liên hệ	Hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và Chiến lược của Việt Nam Lần 2 ISBN: 978-604-80-6-816-5			1091	2022

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶV là tác giả chính sau TS là 12 bài: 9 bài thuộc danh mục ISI/Scopus gồm các bài có số thứ tự [1], [5], [7], [9], [10], [11], [12], [13], [15] là tác giả đứng đầu, 3 bài có số thứ tự [2], [3], [6] là tác giả liên hệ.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Về kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố thì các bài viết đã đăng được thực hiện tương ứng với các hướng nghiên cứu sau:

- Hướng nghiên cứu 1: gồm 28 bài viết có số thứ tự [1], [2], [3], [6], [9], [14], [20], [21], [22], [23], [24], [25], [26], [27], [29], [30], [31], [32], [33], [34], [35], [37], [40], [41], [42], [43], [44], [46]

Trong đó, có 05 bài trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín là tác giả chính sau TS:
 [1], [2], [3], [6], [9]

- Hướng nghiên cứu 2: gồm 10 bài viết có số thứ tự [4], [7], [8] [10], [11], [12], [13] [19], [28], [39]

- *Trong đó, có 05 bài trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín là tác giả chính sau TS:*
 [7], [10], [11], [12], [13]

- Hướng nghiên cứu 3: gồm 8 bài viết có số thứ tự [5], [15] [16], [17] [18], [36], [38], [45]

Trong đó, có 02 bài trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín là tác giả chính sau TS:
 [5], [15]

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Xây dựng chương trình đào tạo ngành “Công nghệ và đổi mới sáng tạo”, trình độ đại học	Tham gia	Quyết định số 2137/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 30/9/2021	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 3895/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 08/12/2021	
2	Xây dựng chương trình đào tạo ngành Marketing, trình độ thạc sĩ	Tham gia	Quyết định số 596/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT ký ngày 02/02/2022	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 942/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT ký ngày 01/04/2022	
3	Xây dựng chương trình đào tạo Công nghệ Marketing, thuộc ngành Marketing, trình độ đại học	Tham gia	Quyết định số 215/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT ký ngày 03/01/2023	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 514/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT ký ngày 28/02/2023 Quyết định số 546/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT, ngày 05/02/2024	
4	Điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Marketing, trình độ đại học	Tham gia	Quyết định số 4478/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT ký ngày 10/05/2024	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 2245/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT ký ngày 01/07/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đỗ Thị Hải Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tô Quyên
2. Ngày tháng năm sinh: 27/09/1975; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 134/4 Đường số 8, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 145/35 C Nguyễn Đình Chính, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại di động: 0908252614; E-mail: quyennlhtt@ueh.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ tháng 1/1997 đến tháng 8/1997: Nghiên cứu thị trường (market researcher) tại Thương Vụ Tổng Lãnh Sự Hàn Quốc (KOTRA)
 - Từ tháng 8/1997 đến tháng 7/2000: Phiên dịch kiêm thư ký tại Công ty sản xuất sản phẩm mại công nghiệp VINGAL
 - Từ tháng 8/2000 đến tháng 7/2007: Chuyên viên tại Công ty Thép Miền Nam
 - Từ tháng 7/2007 đến tháng 5/2011: Phó Trưởng Phòng kế hoạch hợp tác quốc tế tại Tổng công ty thép Việt Nam (văn phòng phía Nam)
 - Từ tháng 5/2011 đến tháng 4/2013: Phó Tổng giám đốc tại công ty cổ phần thép tấm Miền Nam

- Từ tháng 5/2013 đến tháng 7/2013: Tổng giám đốc tại công ty cổ phần thép tấm Miền Nam
- Từ tháng 8/2013 đến tháng 11/2018: Phó Trưởng Phòng hợp tác Quản lý khoa học, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ tháng 12/2018 đến 31/3/2023: Phó Trưởng Phòng hợp tác Quản lý khoa học, **Giảng viên**, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2024: Giảng viên Khoa Quản lý nhà nước, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH)
- Từ tháng 12/2024 đến nay: Giám đốc chương trình đào tạo Quản lý công và Chính sách công trình độ Thạc sĩ, Khoa Quản lý nhà nước, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước (CELG), Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH)
- Từ tháng 3/2025 đến nay: Phó Trưởng khoa, Khoa Quản lý nhà nước, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước (CELG), Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH)

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH)

Địa chỉ cơ quan: 279 Nguyễn Tri Phương, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 028 39329065

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học (ĐH) ngày 18 tháng 09 năm 1997; số văn bằng: B 27567; ngành: Ngữ Văn Anh, chuyên ngành: Ngữ Văn Anh
- Nơi cấp bằng Đại học (ĐH) (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Việt Nam
- Được cấp bằng Đại học (ĐH) ngày 23 tháng 03 năm 2001; số văn bằng: C 0110739; ngành: Kinh tế đối ngoại, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại
- Nơi cấp bằng Đại học (ĐH) (trường, nước): Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam
- Được cấp bằng Thạc sĩ (ThS) ngày 12 tháng 12 năm 2007; số văn bằng: 183/KTPT; ngành: Kinh tế Phát triển; chuyên ngành: Kinh tế Phát triển; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) và Viện Khoa học Xã hội – ISS (Hà Lan)
- Được cấp bằng Tiến sĩ (TS) ngày 29 tháng 08 năm 2018; số văn bằng: 000084; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế Phát triển; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam).

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: 1) Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững; 2) Kinh tế ứng dụng, tập trung vào các nguồn lực và sự phát triển của cá nhân và tổ chức; 3) Kinh tế học hành vi, tập trung vào sự lựa chọn của cá nhân/tổ chức

Hướng nghiên cứu 1: Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- Nội dung chính: Nghiên cứu các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, với trọng tâm là vai trò của các nguồn lực như: (1) thể chế chính thức và phi chính thức (bao gồm cả vốn xã hội), (2) vốn trí tuệ, (3) tài chính, và (4) công nghệ. Các công trình tập trung đánh giá tác động của chất lượng thể chế, công nghệ (chuyển đổi số), và môi trường tài chính đối với hiệu quả tăng trưởng ở cấp vùng và quốc gia.
- Kết quả:
 - + Các công trình nghiên cứu liên quan đến vốn xã hội, thể chế và vai trò của công nghệ trong tăng trưởng kinh tế.
 - + Triển khai các công cụ phân tích định lượng hiện đại như phân tích fuzzy, PLS-SEM, phân tích ma trận hiệu suất – tầm quan trọng (IPMA), các kỹ thuật phân tích dữ liệu bảng, để lượng hóa mối quan hệ giữa các yếu tố đầu vào và kết quả tăng trưởng.
 - + Dẫn dắt các nghiên cứu có tính liên ngành, kết hợp giữa kinh tế học, quản trị công và công nghệ.
- Các công trình tiêu biểu:

STT	Tên công trình	Năm
1	Bài báo số 1: Vốn xã hội và tăng trưởng kinh tế	2014
2	Bài báo số 11: Integrating PLS-SEM with the Importance Performance Matrix Analysis to Exploring the Role of Provincial Competitiveness Index to Growth	2022
3	Bài báo số 12: The effect of institutions on productivity spillovers from FDI to domestic firms: Evidence in Vietnam	2022
4	Bài báo số 14: Evaluate Ho Chi Minh City Sustainability Using Fuzzy Extent Analysis Method	2022
5	Bài báo số 15: Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	2022
6	Bài báo số 16: Does national intellectual capital matter for shadow economy in the Southeast Asian countries?	2022
7	Bài báo số 19: Vai trò của chuyển đổi số đối với tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ	2023
8	Bài báo số 29: Tham nhũng và kinh tế phi chính thức: Bằng chứng tại Việt Nam	2023
9	Bài báo số 30: The role of budget imbalance in public spending–underground economy nexus: evidence from OECD countries	2023
10	Bài báo số 41: Does public debt moderate government spending–informal economy nexus? Evidence from the Asian countries	2024
11	Chương sách thuộc NXB Springer Nature Singapore: Moderating Role of Governance in the Nexus of Economic Growth and	2025

	Renewable Energy Consumption: The Case of Southeast Asian Countries	
--	---	--

+ Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học với đề tài đạt giải **Nhì** cấp trường “Tiêu thụ năng lượng tái tạo tại Việt Nam, con đường hướng đến phát triển bền vững trong tương lai qua kinh nghiệm các nước châu Á” (Quyết định 1200/ĐHM ngày 20/5/2024)

Định hướng phát triển: Bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ 21, những thách thức môi trường không tiền lệ đã trở nên nghiêm trọng. Ngoài ra, thế kỷ 21 đang đối đầu với hiện thực của cảnh báo từ thế kỷ 20 là giới hạn về môi trường sinh thái (liên quan đến việc sử dụng tài nguyên và phát thải) trong mô hình tăng trưởng (Meadows và cộng sự, 2018)¹. Trong bối cảnh đó, tôi sẽ tiếp tục mở rộng nghiên cứu về các nguồn lực cho phát triển bền vững. Hiện nay, tôi đang tiếp tục triển khai đề tài cấp Bộ theo hướng nghiên cứu này (Đề tài: Nghiên cứu vai trò quản trị nhà nước đối với chuyển đổi năng lượng ở Việt Nam và một số quốc gia khu vực Châu Á. Mã số: B2025-KSA-01 theo Quyết định số 1725/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Hướng nghiên cứu 2: Kinh tế ứng dụng – Các nguồn lực cho sự phát triển cá nhân và tổ chức

- **Nội dung chính:** Tập trung vào việc ứng dụng kinh tế học trong việc phân tích và phát triển các nguồn lực cho cá nhân và tổ chức. Trọng tâm là vai trò của vốn xã hội trong việc nâng cao tính dẻo dai/khả năng phục hồi (resilience), chất lượng cuộc sống, đặc biệt trong bối cảnh đô thị hóa, di cư và khủng hoảng.
- **Kết quả:**
 - + Xây dựng các mô hình đo lường vốn xã hội theo hướng đa chiều và phù hợp với đặc thù văn hoá – xã hội Việt Nam.
 - + Nghiên cứu đánh giá tác động của vốn xã hội đối với tính dẻo dai của cá nhân và tổ chức, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- **Các công trình tiêu biểu:**

STT	Tên công trình	Năm
1	Bài hội thảo quốc tế số 2 : Measuring social capital: the case for rural to urban migrant labourers in Ho Chi Minh City, Vietnam	2016
2	Bài báo khoa học số 4 : Tổng quan về lý thuyết và khung đo lường vốn xã hội	2016
3	Bài báo quốc tế số 5 : Calculating weights of social capital index using analytic hierarchy process	2016
4	Bài báo quốc tế số 6 : Prioritization of social capital indicators using extent analysis method	2017
5	Bài báo số 22 : Áp dụng mô hình cấu trúc bình phương bé nhất (PLS-SEM) trong mô hình đo lường vốn xã hội doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) tại Việt Nam	2023

¹ Meadows, D. H., Meadows, D. L., Randers, J., & Behrens, W. W. (2018). The limits to growth. In Green planet blues (pp. 25-29). Routledge.

6	Bài báo quốc tế số 39 : Social capital and Corporate Resilience: The case of small and medium enterprises in Vietnam	2024
7	Bài báo quốc tế số 44 : Exploring the Role of Social Capital in Urban Resilience for Sustainable Development: The Case of Ho Chi Minh City in Vietnam	2024
8	Sách tham khảo : Nghiên cứu vai trò của vốn xã hội đối với tính dẻo dai của doanh nghiệp Việt Nam	2024
9	Bài báo quốc tế số 47 : Measuring bonding, bridging and linking dimensions of social capital: the case of city-dwellers in Vietnam	2025

+ Hướng dẫn học viên cao học nghiên cứu đề tài:

- 1) Tác động của vốn xã hội đến sự tham gia của người dân vào cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh đô thị trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 2) Những tác động của văn hoá tổ chức đến sự dẻo dai (resilience) của công chức trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học với các đề tài đạt giải như sau:

- 1) Đề tài đạt giải **Nhì** cấp trường “Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và các yếu tố khác đến chất lượng giấc ngủ của thanh niên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay” (Quyết định 1807/ĐHM ngày 26/6/2023)
- 2) Đề tài đạt giải **Nhì** cấp trường “Tính dẻo dai của nhóm tiêu thương tại Thành phố Hồ Chí Minh sau đại dịch Covid 19” (Quyết định 1807/ĐHM ngày 26/6/2023)

Định hướng phát triển: Tiếp tục nghiên cứu vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số, ứng phó biến đổi khí hậu, quản trị tổ chức công và tư. Đặc biệt, mở rộng hướng nghiên cứu sang kinh tế học hạnh phúc vì hạnh phúc là mục tiêu tối thượng mà mỗi cá nhân, chính phủ và quốc gia hướng đến (Zhou và cộng sự, 2021)². Liên Hợp Quốc cũng công nhận hạnh phúc là một trong những quyền cơ bản của con người và là một trong những mục tiêu ưu tiên trong việc thiết kế các chính sách công (UN,2011)³. Hiện nay, tôi đang triển khai tiếp định hướng nghiên cứu này với vai trò là chủ nhiệm đề tài “Lòng tin và hạnh phúc của cư dân đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh”. Mã số: CELG-CS-2024-14 theo Quyết định số 5528/QĐ-ĐHKT-KTLQLNN ngày 18/12/2024 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Hướng nghiên cứu 3: Kinh tế học hành vi – Phân tích hành vi và lựa chọn

- Nội dung chính:

Phân tích hành vi lựa chọn, ra quyết định của cá nhân và tổ chức trong các lĩnh vực như giáo dục, khởi nghiệp, hành vi nghề nghiệp và quản trị dự án. Áp dụng các và các kỹ thuật ra quyết định đa tiêu chí mờ (fuzzy MCDM); PLS-SEM.

² Zhou, X., Chen, S., Chen, L., & Li, L. (2021). Social class identity, public service satisfaction, and happiness of residents: the mediating role of social trust. *Frontiers in Psychology*, 12, 659657.

³ UN (2011). Resolution adopted by the General Assembly on 19 July 2011. <https://digitallibrary.un.org/record/715187?ln=en&v=pdf>

- Kết quả:
 - + Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp và học tập trong bối cảnh chuyển đổi số và công nghiệp 4.0.
 - + Triển khai các công cụ toán học như AHP, Grey system, và fuzzy để lượng hóa hành vi và ý định hành động của con người.

- Các công trình tiêu biểu:

STT	Tên công trình	Năm
1	Bài báo số 13 : Career path choice in the industry 4.0 using Grey Decision Making	2022
2	Bài báo số 27 : Impacts of ethical leadership, innovative climate on project success: the role of innovative behavior and time pressure	2023
3	Bài báo số 33 : Nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh	2024
4	Bài báo số 34 : Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của thể hệ Z	2024
5	Bài báo số 35 : Khám phá mối quan hệ giữa nhận thức kiểm soát hành vi và ý định khởi nghiệp của sinh viên - Vai trò trung gian của định hướng khởi nghiệp	2024
6	Bài báo số 42 : E-learning Quality and the Learners' Choice Using Spherical Fuzzy Analytic Hierarchy Process Decision-making Approach	2024
7	Bài báo số 43 : Investigating the e-learning choice under the learners' perspective using demand driven learning model: insights from Vietnam	2024
8	Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ : Áp dụng logic toán mờ trong đánh giá chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam;	2022
9	Đề tài cấp cơ sở : Ứng dụng quy trình thứ bậc phân tích để đánh giá chất lượng nguồn nhân lực thông qua xếp hạng các tiêu chuẩn năng lực trong bối cảnh công nghiệp 4.0. Trường hợp áp dụng: người lao động có trình độ đại học tại TP.HCM	2022

+ Hướng dẫn học viên cao học với luận văn: Các yếu tố quyết định sự lựa chọn phương thức học tập trực tuyến (E-learning) của người học

+ Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học với đề tài đạt giải **Nhất** cấp trường “Phân khúc thị trường Gen Z trên thị trường thực phẩm bền vững ở Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam” (Quyết định 1807/ĐHM ngày 26/6/2023)

- Định hướng phát triển: Tiếp tục khai thác các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi kinh tế của các nhóm đặc thù (sinh viên, nhân viên, công chức) trong bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, toàn cầu hóa và phát triển bền vững. Tăng cường ứng dụng kinh tế học hành vi trong thiết kế chính sách công và quản trị chiến lược tổ chức.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu; 01 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu;
- Đã công bố 47 bài báo khoa học, trong đó 22 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: có 01 chương sách (tác giả chính) thuộc nhà xuất bản Springer và 01 sách tham khảo (đồng chủ biên) thuộc nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh);
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1519/QĐ-BGDĐT)
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ba năm liên tục từ năm học 2016-2017 đến năm học 2018-2019 (Quyết định số 1377/QĐ-BGDĐT)
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2015-2016 đến năm học 2016-2017 (Quyết định số 988/QĐ-BGDĐT)
- Bằng khen của Ban chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021 (Quyết định số 56-QĐ/ĐU)
- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2013-2014 (Quyết định 895/QĐ-ĐHM ngày 26 tháng 8 năm 2014)
- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2014-2015 (Quyết định 1177/QĐ-ĐHM ngày 21 tháng 9 năm 2015)
- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2015-2016 (Quyết định 1683/QĐ-ĐHM ngày 26 tháng 10 năm 2016)
- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2016-2017 (Quyết định 1493/QĐ-ĐHM ngày 21 tháng 9 năm 2017)
- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2018-2019 (Quyết định 2465/QĐ-ĐHM ngày 05 tháng 11 năm 2019)
- Bằng khen của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Khoa Quản lý nhà nước, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước UEH (Quyết định 550/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 22 tháng 02 năm 2024)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Với hơn 10 năm làm việc trong Trường đại học, trong đó có hơn 6 năm trực tiếp tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi tự đánh giá mình là một giảng viên nghiêm túc, luôn tuân thủ luật pháp và quy định của tổ chức, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khách quan, yêu nghề và đam mê giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Tôi luôn tự hào vì đã đóng góp cho các tổ chức giáo dục nơi tôi công tác nói riêng và nền giáo dục nước nhà nói chung. Tôi luôn được Thầy/Cô và đồng nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ và hợp tác trong công việc. Dựa trên các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi tự đánh giá bản thân như sau:

Về công tác đào tạo đại học và sau đại học:

Tôi được Khoa chuyên môn tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (Khoa Kinh tế và Quản lý Công, Khoa Đào tạo đặc biệt và Khoa Sau đại học) và Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Khoa Quản lý nhà nước, Khoa kinh tế, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước) phân công giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh cho bậc đào tạo đại học (chính quy, chất lượng cao) và sau đại học. Về kiến thức và phương pháp giảng dạy, tôi luôn có sự cập nhật phù hợp cho từng đối tượng người học trên cơ sở đề cương đã được phê duyệt để đảm bảo luôn đạt mục tiêu của học phần. Bên cạnh đó, tôi tham gia Ban chuyên trách viết báo cáo chương trình đào tạo tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, tôi là thành viên của tổ công tác thực hiện hoạt động rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) giai đoạn 2025-2030 nhằm xây dựng Chuẩn đầu ra cấp UEH, cấp Trường thành viên và khung chương trình đào tạo chung của UEH các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ và các công việc khác liên quan theo phân công của Giám đốc UEH. Tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy với điểm đánh giá hài lòng cao từ người học. Công việc giảng dạy cụ thể của tôi như sau:

- Bậc đại học: giảng dạy các môn học bao gồm: phương pháp nghiên cứu khoa học, kinh tế lượng, kinh tế lao động, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế học, phát triển bền vững. Ngôn ngữ giảng dạy bao gồm: tiếng Anh và tiếng Việt
- Bậc sau đại học: giảng dạy các môn học bao gồm: kinh tế phát triển, kinh tế xây dựng nâng cao, phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp phân tích định lượng. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt. Ngoài ra, tôi đã hướng dẫn thành công 05 học viên cao học (đã được cấp bằng Thạc sĩ).

Về nghiên cứu khoa học: tôi có niềm đam mê nghiên cứu khoa học và đã tham gia nghiên cứu khoa học (công bố bài báo khoa học) khi còn là Thạc sĩ. Cho đến nay, tôi đã công bố 47 công trình khoa học, trong đó có 22 bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí quốc tế có uy tín, thuộc danh mục ISI/Scopus, với 04 bài báo quốc tế uy tín và 01 chương sách thuộc nhà xuất bản Springer là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả liên hệ). Ngoài ra, tôi đã tham gia biên soạn và xuất bản 01 quyển sách tham khảo (đồng chủ biên và tác giả các chương sách) thuộc nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Với vai trò là chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học, tôi đã hoàn thành và được nghiệm thu 01 đề tài NCKH cấp Bộ; 01 NCKH cấp cơ sở. Tôi cũng đã lan toả niềm đam mê NCKH đến sinh viên và đã hướng dẫn nhiều nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học, trong đó có 01 nhóm đạt giải Nhất cấp trường, 03 nhóm đạt giải Nhì cấp trường (Quyết định 1807/QĐ-ĐHM ngày 26/6/2023 và

Quyết định 1200/QĐ-ĐHM ngày 20/5/2024). Bên cạnh đó, tôi cũng đã tham gia nhiều hoạt động liên quan đến xây dựng năng lực (capacity building) và phục vụ cộng đồng với một số ghi nhận như sau:

- + 2018 Best Practice Award (Silver Medal) cho công trình: “Ranking criteria for E-learning adoption: The case of Vietnam”. Tác giả: Nguyen Le Hoang Thuy To Quyen & Doan Ho Dan Tam, tại hội thảo thường niên lần thứ 32 của Hiệp hội các trường đại học mở Châu Á (AAOU);
 - + Thành viên thực hiện các dự án thuộc chương trình Erasmus+: TRUST (Quyết định số 141/QĐ -ĐHM ngày 22/1/2020); RecoASIA (Quyết định số 1247/QĐ-ĐHM ngày 30/6/2020); INCREASE (Quyết định số 2141/QĐ-ĐHM ngày 1/11/2021)
 - + Thành viên Hội đồng quản trị của SEAMEO SEPS (SEAMEO Regional Centre for Sufficiency Economy Philosophy for Sustainability), nhiệm kỳ 2019-2022.
 - + Thành viên hội đồng chấm giải thưởng tài năng trẻ sáng tạo tại hội thảo thường niên lần thứ 35 (năm 2022) của Hiệp hội các trường đại học mở Châu Á (AAOU)
 - + Thành viên hội đồng Khoa Kinh tế và Quản lý công, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 3064/QĐ-ĐHM ngày 15/12/2020)
 - + Thư ký hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 2276/QĐ-ĐHM ngày 5/9/2022)
 - + Tham gia tổ công tác thực hiện kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương đào tạo của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2025-2030 (Quyết định số 393/QĐ-ĐHKT-BĐCLKSNN ngày 7/2/2025)
 - + Tham gia tổ xây dựng đề án chiến lược phát triển Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045, đề án “UEH City University Hub” (KH số 751/KH-ĐHKT-PTTCNL ngày 2/4/2025)
 - + Phản biện cho các tạp chí quốc tế và trong nước như: Applied Economics (<https://orcid.org/0000-0001-9254-2605>); Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (tiếng Việt và tiếng Anh); Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES-tiếng Việt); Tạp chí Khoa học Đại học Quốc tế Hồng Bàng; Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế;
 - + Session Chair cho các hội thảo quốc tế chuyên ngành (The International Conference on Economics, Law and Government – ELG 2024 Approaches to the twin transitions: digitalization and climate change in developing countries; The Joint Asia Conference on Business and Economic Studies, 2024)
2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:
- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm 07 tháng tính từ tháng 1/12/2018 đến 30/6/2025
 - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020					45	45	90/112,5/81(*)
2	2020-2021			02		135	65	200/242,5/81(**)
3	2021-2022		01			270	90	360/405/81(**)
03 năm học cuối								
4	2022-2023		01			180	66	246/312/81 (**)
5	2023-2024		01	03		105	180	285/375/270 (***)
6	2024-2025		01			225	75	300/412,5/270 (***)

(*) Quyết định số 1290/QĐ-ĐHM ngày 30/8/2016 về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu

(**) Quyết định số 1139/QĐ-ĐHM ngày 21/5/2021 về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu

(***) Quy định số 3170/QyĐ-ĐHKT-QTNL ngày 25/9/2023 về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn số bằng: B 27567; năm cấp: 1997

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình Chất lượng cao của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (Môn học: Kinh tế vi mô); Chương trình tiếng Anh của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Môn học: Kinh tế học; Phát triển bền vững)

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân ngành Ngữ văn Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Chung Tuyết Minh		x	x		19/3/2020-11/8/2021	Trường Đại học Mở TP.HCM	QĐ số 1631/QĐ-ĐHM ngày 11/8/2021
2	Lê Giang Phương Bình		x	x		16/6/2020-11/8/2021	Trường Đại học Mở TP.HCM	QĐ số 1631/QĐ-ĐHM ngày 11/8/2021
3	Dương Thị Cẩm Hồng		x	x		2/6/2023	Đại học Kinh tế TP.HCM	QĐ số 79/QĐ-ĐHK-TĐTSĐH ngày 5/1/2024
4	Trần Thị Kim Quy		x	x		2/6/2023	Đại học Kinh tế TP.HCM	QĐ số 79/QĐ-ĐHK-TĐTSĐH ngày 5/1/2024
5	Nguyễn Thị Thanh Thiện		x	x		2/6/2023	Đại học Kinh tế TP.HCM	QĐ số 79/QĐ-ĐHK-TĐTSĐH ngày 5/1/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
	Không có						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Nghiên cứu vai trò của vốn xã hội đối với tính dẻo dai của doanh nghiệp Việt Nam	TK	Nhà XB Kinh tế TP.HCM, 2024	3	2	11-101	Giấy xác nhận sử dụng sách số 40/ĐHK-TNCPTGKTC ngày 11/6/2025
2	Moderating Role of Governance in the Nexus of Economic Growth and Renewable Energy Consumption: The Case of Southeast Asian Countries; https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-96-0628-3_10 DOI: 10.1007/978-981-96-0628-3_10	TK	Springer Nature Singapore Pte Ltd, 2025	2	Tác giả chính	165-188	Giấy xác nhận sử dụng sách số 40/ĐHK-TNCPTGKTC ngày 11/6/2025

Trong đó: Có **01** sách tham khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản (Nhà XB Kinh tế TP.HCM) và **01** chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản (Nhà XB Springer Nature Singapore Pte Ltd), mà ứng viên là chủ biên/tác giả chính sau TS.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Áp dụng logic toán mờ trong đánh giá chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam	CN	B2020-MBS-01 Cấp Bộ	1/2020 - 5/2022	Nghiệm thu ngày 7/6/2022 Xếp loại: Đạt
2	Ứng dụng quy trình thứ bậc phân tích để đánh giá chất lượng nguồn nhân lực thông qua xếp hạng các tiêu chuẩn năng lực trong bối cảnh công nghiệp 4.0. Trường hợp áp dụng: người lao động có trình độ đại học tại TP.HCM	CN	T2018.11.2 Cấp cơ sở	9/2018- 6/2019	Nghiệm thu ngày 18/6/2019 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (*) (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Vốn xã hội và tăng trưởng kinh tế https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/743	2		Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HCĐG GSNN	4	3(36), 3-15	2014
2	Measuring social capital: the case for rural to urban migrant labourers in Ho Chi Minh City, Vietnam https://www.researchgate.net/profile/Florin-Aliu/publication/317267191_FUTURE_PROSPECTS_OF_COMPANY_VALUATION_page_1-8/links/592f0dcca6fdcc89e774eb25/FUTURE-PROSPECTS-OF-COMPANY-VALUATION-page-1-8.pdf https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000471168600044	2	Tác giả liên hệ	The 3rd International Conference on Finance and Economics Ton Duc Thang University, Ho Chi Minh City, Vietnam June 15th-17th, 2016: ISBN: 978-80-7454-598-6	Kỷ yếu hội thảo được đăng ký chỉ mục WOS		533-547	2016
3	Measurement of career success: the case of rural to urban migrant labourers in Ho Chi Minh City, Vietnam https://dlib.neu.edu.vn/server/api/core/bitstreams/abf02481-1e0a-48ce-9454-bd529e3c0143/content	3	Tác giả liên hệ	Journal of Economics & Development; ISSN: 1859-0020; e-2632-5330	Tạp chí thuộc HCĐG GSNN	1	18(3) 108-120	2016

4	Tổng quan về lý thuyết và khung đo lường vốn xã hội https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/690	1	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN	4	1(46), 78-87	2016
5	Calculating weights of social capital index using analytic hierarchy process https://dergipark.org.tr/en/download/article-file/364879	4		International Journal of Economics and Financial Issues; ISSN: 2146-4138	Scopus	33	6(3), 1189 - 1193	2016
6	Prioritization of social capital indicators using extent analysis method https://doi.org/10.21833/ijaas.2017.010.009	3	Tác giả đầu	International Journal of Advanced and Applied Sciences; ISSN: 2313-626X; e-ISSN: 2313-3724	WoS (Emerging Sources Citation Index)	11	4(10), 54-57	2017
II Sau khi được công nhận TS								
7	Extended Fuzzy Analytical Hierarchy Process Approach in Determinants of Employees' Competencies in the Fourth Industrial Revolution https://dx.doi.org/10.14569/IJACSA.2019.0100417	4		International Journal of Advanced Computer Science and Applications (IJACSA); ISSN: 23133724, 2313626X	Q4	14	10(4), 150-154	2019
8	Key factors affecting construction wastes in Vietnam https://www.science-gate.com/IJAAS/2019/V6I10/1021833ijaas201910004.html	4		International Journal of Advanced and Applied Sciences (IJAAS): eISSN: 2313-3724; ISSN: 2313-626x	Q4		6(10), 19-24	2019
9	Xếp hạng các công cụ sản xuất tinh gọn: Trường hợp ngành sản xuất thép tại Việt Nam https://tapchikhoahochongbang.vn/js/article/view/186	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, ISSN: 2615 - 9686	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		15(2), 39-48	2021

10	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo lập thành công hệ thống E-learning trong bối cảnh Việt Nam	3	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Quy định, điều kiện và giải pháp phát triển phương thức E-learning trong giáo dục đại học tại Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM; ISBN: 978-604-73-8797-7	Hội thảo quốc tế		59-92	2022
11	Integrating PLS-SEM with the Importance Performance Matrix Analysis to Exploring the Role of Provincial Competitiveness Index to Growth https://www.aasmr.org/jsms/Vol12/JSMS%20august%202022/Vol.12.No.04.22.pdf	5		Journal of System and Management Sciences. ISSN 1816-6075 (Print), 1818-0523 (Online)	Q3		12(4), 365-382	2022
12	The effect of institutions on productivity spillovers from FDI to domestic firms: Evidence in Vietnam https://www.econstor.eu/handle/10419/305849	3		Global Business & Finance Review (GBFR); ISSN: 2384-1648	Q4	7	27(3), 28-40	2022
13	Career path choice in the industry 4.0 using Grey Decision Making https://www.aasmr.org/jsms/Vol12/JSMS%20OCT%202022/Vol.12.No.05.16.pdf	5		Journal of System and Management Sciences. ISSN 1816-6075 (Print), 1818-0523 (Online)	Q3		12(5), 268-281	2022
14	Evaluate Ho Chi Minh City Sustainability Using Fuzzy Extent Analysis Method https://www.iieta.org/journals/ijsdp/paper/10.18280/ijsdp.170834	3		International Journal of Sustainable Development and Planning; ISSN 1743-7601 (Print): 1743-761X (Online)	Q3	2	17(8), 2649 - 2654	2022
15	Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/2103	2	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		17(5), 126-139	2022
16	Does national intellectual capital matter for shadow economy in the Southeast Asian countries? https://doi.org/10.1371/journal.pone.0267328	5		Plos One. ISSN: 19326203	Q1, IF=2.9	15	17(5), 1-19	2022
17	Child health and maternal health knowledge: Evidence from Vietnam	3		International Journal of Public Health Science (IJPHS). ISSN: 22528806, 26204126	Q4	1	11(2), 730-738	2022

	http://doi.org/10.11591/ijphs.v1i12.21469							
18	Ranking criteria of university lecturers' happiness index in Ho Chi Minh City, Vietnam https://vhu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/tckh/8.3/Huynh%20Dang%20Bich%20Vy&cs.pdf	2		Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến; ISSN: 1859-2961	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		8(3), 59-72	2022
19	Vai trò của chuyển đổi số đối với tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ https://jabes.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=c6484686-ec5b-403f-9dc4-2c9ff7f2931b	2	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí nghiên cứu kinh tế và kinh doanh Châu Á (JABES);ISSN: 2615-9104	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		34(7), 53-66	2023
20	Nghiên cứu ý định tiêu dùng thực phẩm xanh của người dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh https://doi.org/10.59775/1859-3968.134	3	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học công nghệ Trường Đại học Hùng Vương; ISSN: 1859-3968	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		31(2), 34-45	2023
21	Tác động của chất lượng thể chế đến quy mô kinh tế phi chính thức tại Việt Nam https://vjol.info.vn/index.php/DHM-KTQTKD/article/view/84790	2	Tác giả đầu	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		18(4), 33-47	2023
22	Áp dụng mô hình cấu trúc bình phương bé nhất (PLS-SEM) trong mô hình đo lường vốn xã hội doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) tại Việt Nam https://doi.org/10.59775/1859-3968.149	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học công nghệ Trường Đại học Hùng Vương; ISSN: 1859-3968	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		32(3), 28-38	2023
23	Nghiên cứu ý định sử dụng ngân hàng điện tử của khách hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh https://doi.org/10.59294/HIUIJS.21.2023.36	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, ISSN: 2615 - 9686	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN	1	22(1), 39-46	2023

24	Modeling quality of life of Ho Chi Minh City dwellers http://doi.org/10.11591/ijphs.v12i3.23002	5		International Journal of Public Health Science (IJPHS). ISSN: 22528806, 26204126	Q4	1	12(3) , 1249 - 1258	2023
25	Renewable energy consumption for roadmap towards sustainable development of Vietnam: empirical evidence from Asian countries	3	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	The International Conference on Economics, Law and Government: Accelerating Inclusive Green Transition in Developing Countries. ISBN: 978-604-80-8707-4	Hội thảo quốc tế		49-60	2023
26	Measuring healthcare utilization inequality in Vietnam	3	Tác giả liên hệ	The International Conference on Economics, Law and Government: Accelerating Inclusive Green Transition in Developing Countries. ISBN: 978-604-80-8707-4	Hội thảo quốc tế		61-70	2023
27	Impacts of ethical leadership, innovative climate on project success: the role of innovative behavior and time pressure https://doi.org/10.1108/BJM-01-2023-0001	2		Baltic Journal of Management	Q2, IF: 2,24	14	19(1), 19-35	2023
28	Modeling the Quality of Urban Life using Grey Analytical Hierarchy Process https://www.temjournal.com/content/121/TEMJournalFebruary2023_52_58.html	3		TEM Journal; ISSN: ISSN 2217-8309	Q3	1	12(1), 52-58	2023
29	Tham nhũng và kinh tế phi chính thức: Bằng chứng tại Việt Nam	2	Tác giả đầu	Tạp chí nghiên cứu kinh tế; ISSN: 0866-7489	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		2(537), 20-29	2023
30	The role of budget imbalance in public spending–underground economy nexus: evidence from OECD countries https://doi.org/10.1108/IJSE-09-2022-0645	2	Tác giả đầu	International Journal of Social Economics. ISSN: 0306-8293	Q2, IF: 1,9	3	50(7), 992-1006	2023
31	The nexus of economic growth, digital finance and environmental sustainability in the context of	2	Tác giả đầu	The international conference on Economics, Law and Government (ELG 2024). Approaches to the	Hội thảo quốc tế		166-176	2024

	escalated climate change: a global perspective			twin transitions: digitalization and climate change in developing countries. ISBN: 978-604-346-371-2				
32	Climate change and firm performance: the case of top 100 largest companies in Vietnam	2	Tác giả liên hệ	The international conference on Economics, Law and Government (ELG 2024). Approaches to the twin transitions: digitalization and climate change in developing countries. ISBN: 978-604-346-371-2	Hội thảo quốc tế		177-192	2024
33	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/2558	3	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN	1	19(2), 72-85	2024
34	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của thể hệ Z https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/2618	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		19(3), 4-16	2024
35	Khám phá mối quan hệ giữa nhận thức kiểm soát hành vi và ý định khởi nghiệp của sinh viên - Vai trò trung gian của định hướng khởi nghiệp https://vjol.info.vn/index.php/DHM-KTQTKD/article/download/107050/90027/	3	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		19(12), 45-60	2024
36	Chuyển đổi số và tăng trưởng kinh tế: Bằng chứng tại Vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam https://vjol.info.vn/index.php/tcvienkinhteVNvathegioi/article/view/112390/94192	2	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí nghiên cứu kinh tế; ISSN: 0866-7489	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		6(553), 12-21	2024
37	The relationships between some macro indicators and digitalization process: A study in the Southeast region in Vietnam https://vjol.info.vn/index.php/DHM-KTQTKD/article/download/107050/90027/	1	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Ho Chi Minh City Open University Journal of Science-Economics and Business Administration; ISSN: 2734-9314, e-ISSN: 2734-9586	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		14(3), 44-58	2024

38	Analyzing the determinants of healthcare utilization inequity in the Vietnam economy https://doi.org/10.18488/35.v1i1.3613	3		Journal of Social Economics Research; ISSN: 23126264, 23126329	Q4		11(1), 98-110	2024
39	Social capital and Corporate Resilience: The case of small and medium enterprises in Vietnam https://doi.org/10.18488/11.v13i2.3714	3		International Journal of Management and Sustainability; 23060662, 23069856	Q3		13(2), 337-350	2024
40	Constructing a resilience measurement model for small and medium-sized enterprises in Vietnam https://doi.org/10.15549/jeecar.v1i1i3.1590	3		Journal of Eastern European and Central Asian Research	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN	7	11(3), 526-536	2024
41	Does public debt moderate government spending-informal economy nexus? Evidence from the Asian countries https://doi.org/10.1108/IJSSP-01-2024-0003	2		International Journal of Sociology and Social Policy; ISSN: 0144-333X	Q1, IF: 1,2	1	44(7/8), 629-642	2024
42	E-learning Quality and the Learners' Choice Using Spherical Fuzzy Analytic Hierarchy Process Decision-making Approach https://doi.org/10.1177/02560909241255003	4		Vikalpa: The Journal for Decision Maker; ISSN: 02560909, 23953799	Q3	3	49(2), 1-14	2024
43	Investigating the e-learning choice under the learners' perspective using demand driven learning model: insights from Vietnam https://doi.org/10.1038/s41598-024-78488-y	4		Scientific Reports; ISSN 2045-2322 (online)	Q1, IF: 3,8	2	14, 27437 (2024)	2024
44	Exploring the Role of Social Capital in Urban Resilience for Sustainable Development: The Case of Ho Chi Minh City in Vietnam https://doi.org/10.18280/ijssdp.190833	2	Tác giả liên hệ	International Journal of Sustainable Development and Planning; ISSN 1743-7601 (Print): 1743-761X (Online)	Q3	3	19(8), 3213 - 3223	2024
45	Impact of e-government on citizen engagement: the role of government reputation and digital divide https://doi.org/10.1108/JICES-08-2023-0109	2		Journal of Information, Communication and Ethics in Society, ISSN 1477-996X; e-ISSN: 1758-8871	Q1, IF: 1,6	1	22(4), 419-433	2024

46	Đo lường khả năng phục hồi của người dân đô thị trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại Thành phố Hồ Chí Minh https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/3772	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		20(5),3-18	2025
47	Measuring bonding, bridging and linking dimensions of social capital: the case of city-dwellers in Vietnam https://doi.org/10.1080/23311886.2025.2490676	2	Tác giả liên hệ	Cogent Social Sciences, ISSN: 23311886	Q2		11(1),1-17	2025

(*) Số lần trích dẫn được thống kê theo google scholar:

https://scholar.google.com/citations?hl=en&user=r9JiPCAAAAAJ&view_op=list_works&sortby=pubdate

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **03** bài, bao gồm bài: **30, 44 và 47**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh ☐ GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Quyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế học; Chuyên ngành: Kinh tế học ứng dụng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Hồ Quốc Thông

2. Ngày tháng năm sinh: 06/11/1978; Nam ; ☒ Nữ ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Lâm Trung Thủy, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): B07.04, Chung cư Sunrise Riverside, Phước Kiển, Nhà Bè, TP. HCM.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Buu điện): B07.04, Chung cư Sunrise Riverside, Phước Kiển, Nhà Bè, TP. HCM.

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0449425577; E-mail: thonghq@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng, năm: 04/2004 đến tháng, năm: 07/2019: Giảng viên/ trưởng bộ môn (năm 2019) tại Khoa Kinh tế, Trường đại học Tây Nguyên. Trong đó:
 - Thời gian học Thạc sĩ từ tháng 08/2009 – 11/2011, tại Đại học Hawaii, Hoa Kỳ.
 - Thời gian làm NCS từ tháng 02/2014 – 04/2018, tại Đại học Công nghệ Queensland, Úc.

- Từ tháng 08/2018 – 12/2021: Nghiên cứu sinh sau tiến sĩ (bán thời gian), tại Viện Kinh tế Môi trường Đông Nam Á (EEPSEA), Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Từ tháng, năm: 02/2020 đến (nay) 6/2025: Giảng viên tại Khoa Kinh tế, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay : Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Không

Cơ quan công tác hiện nay : Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan : 59C Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan : 028.7306.1976

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 08 tháng 7 năm 2000; số văn bằng: B177368; ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Lâm Nghiệp Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 13 tháng 8 năm 2011; số văn bằng:; ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Hawaii, Hoa Kỳ.
- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 9 năm 2018; số văn bằng: 8926077; ngành: Kinh tế học ứng dụng ; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học công nghệ Queensland, Úc.
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở: Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ứng dụng kinh tế học sản xuất trong nông nghiệp.
- Ứng dụng kinh tế học hành vi và thí nghiệm cho lĩnh vực môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 8 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp cơ sở ;
- Đã công bố (số lượng) 20 bài báo, trong đó 14 bài trên các tạp chí ISI/Scopus và quốc tế uy tín. Trong 14 bài này, có 9 bài trên các tạp chí ISI/Scopus là tác giả chính (tác giả đứng đầu và/ hoặc tác giả liên hệ).
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01 chương sách, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Sáng kiến hoặc tương đương: 07
- Giảng viên xuất sắc: 2020; 2021; 2022; 2023 (trong đó: 2021 thuộc top 10 danh hiệu giảng viên xuất sắc của Đại học Kinh tế TP. HCM).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự nhận xét bản thân mình hoàn thành tốt và cân đối những nhiệm vụ chính của một giảng viên đại học:

(1) giảng dạy (khoảng 70% các môn học bằng Tiếng Anh và 30% bằng tiếng Việt): hoàn thành trên 110% định mức hàng năm trong 5 năm lại nay và được sinh viên và người học đánh giá ở khung điểm cao nhất (6 – 7, trong thang điểm 7);

(2) nghiên cứu: xuất bản trên nhiều tạp chí uy tín, ví dụ tạp chí xếp hạng A* (theo ABDC);

(3) hợp tác quốc tế: đang hợp tác với nhiều nhà nghiên cứu đến từ nhiều trường trên thế giới (ĐH Gothenburg, Thụy Điển - Trường Kinh tế Barcelona – Tây Ban Nha, Wageningen – Hà Lan; Beijing Normal – Trung Quốc và nhiều quốc gia khác như Nhật, Ghana, Nigeria, Đức);

(4) đóng góp cộng đồng: tham gia thảo luận chính sách cho địa phương, các tổ chức quốc tế (Ngân hàng thế giới; Liên hợp quốc về thương mại và phát triển).

Tôi luôn ý thức rõ vai trò và trách nhiệm của một nhà giáo trong môi trường đại học, thể hiện qua cách ứng xử đúng mực, công bằng và tôn trọng người học. Tôi có ý thức kỷ luật, tôn trọng tập thể và luôn mong muốn đóng góp xây dựng một môi trường sư phạm đoàn kết, và phát triển bền vững vì lợi ích chung của nhà trường và xã hội. Bên cạnh đó, tôi chủ động học hỏi và cập nhật các kiến thức mới, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI) đang thay đổi nhanh chóng cách dạy và học. Tôi thường xuyên tìm đọc các bài báo khoa học có chất lượng, liên quan đến chuyên môn để nâng cao hiểu biết, đồng thời tích cực kết nối với thực tiễn nhằm làm phong phú thêm nội dung giảng dạy và định hướng nghiên cứu.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 07 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2013/14				24	298	0	298/415/119
2	2020/21				4	450	105	555/660/270
3	2021/22			2	5	360	165	525/670/270
03 năm học cuối								
4	2022/23			3	6	470	135	605/750/270
5	2023/24			2	6	315	225	540/740/270
6	2024/25			2	8	315	180	495/695/270

3. Ngoại ngữ:**3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....****a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒**

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☒ ThS ☐ hoặc luận ☒ án TS hoặc TSKH ; tại nước: Mỹ năm 2011 (Thạc sĩ) và Úc năm 2018 (Tiến sĩ).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1	Lương Phương Anh		HVCH	x		24/8/2020 - 13/11/2021	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	14/01/2022
2	Nguyễn Ngọc Hùng		HVCH	x		24/8/2020 - 21/11/2021	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	14/01/2022
3	Nguyễn Ngọc Linh		HVCH	x		25/9/2020 - 10/12/2021	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	14/01/2022
4	Thạch Hồ Xuân Thanh		HVCH	x		28/4/2021 - 26/03/2022	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	03/06/2022
5	Phạm Nữ Hiền Vân		HVCH	x		15/11/2022 - 12/7/2022	Đại học Kinh tế TP. HCM	05/01/2024
6	Võ Văn Tân		HVCH	x		11/5/2023 - 05/12/2024	Đại học Kinh tế TP. HCM	10/10/2024
7	Nguyễn Thị Huyền Trang		HVCH	x		15/11/2022 - 07/07/2023	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	12/09/2023
8	Nguyễn Tấn Thụ		HVCH	x		17/2/2023 - 18/01/2024	Đại học Kinh tế TP. HCM	10/4/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Chương XII: Land and land use in Dak Lak Province. Trong cuốn sách: Bases for territory-based rural development in the Central Highlands	TK	Agricultural Publishing House	2		276-288	
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: []: 0

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Phân tích những yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả kỹ thuật sản xuất cà phê và ca cao của các nông hộ trên địa bàn thị xã Buôn Hồ: Ứng dụng phương pháp DEA và mô hình Tobit	CN	Cấp Trường	12 tháng: 04/2012- 04/2013	Biên bản nghiệm thu số ngày 03/06/2013. Xếp loại: Đạt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Phân tích hiệu quả và năng suất tổng hợp của khu vực Đông Nam Bộ, Việt Nam giai đoạn 2010 - 2021	CN	CELG- CS 2023-03 Cấp trường	12 tháng: 01/8/2023 - 01/8/2024	Biên bản thanh lý số: 347/BB-KTLQLNN- VPT; Ngày 23/12/2024 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Factors affecting technical efficiency of small-holder coffee farming in the Krong Ana Watershed, Vietnam DOI: 10.9734/AJAEES/2014/6599	3	x	Asian Journal of Agricultural Extension, Economics & Sociology	Tạp chí khoa học quốc tế khác (online)	22	3; 1; 37-49	12/2013
2	Is the Planet Full?, by Ian Goldin (Oxford University Press, Oxford, 2014) DOI: 10.1111/1475-4932.12212	2	x	The Economic Record	Q2 (IF = 0.9)		294; 402 - 403	9/2015
3	Sử dụng phương pháp hàm cực biên – SFA trong phân tích hiệu quả sản xuất cà phê: nghiên cứu	2		Tạp chí Khoa học Đại học Huế	Tạp chí trong nước thuộc danh	0	118; 4; 2016	4/2016

	ứng dụng tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk DOI: 10.26459/jed.v118i4.3720				mục của HÐGSNN			
4	Nghiên cứu yếu tố quyết định đến hiệu quả kỹ thuật của các hộ gia đình ở nông thôn tỉnh Đắk Lắk DOI: 10.26459/jed.v118i4.3715	2		Tạp chí Khoa học Đại học Huế	Tạp chí trong nước thuộc danh mục của HÐGSNN	0	118; 4; 2016	4/2016
5	Labor dependence, income diversification, rural credit, and technical efficiency of small-holder coffee farms: a case study of Cu M'gar district, Dak Lak province, Vietnam DOI: 10.24311/jabes_2016_23_4_04	2	x	UEH Journal of Economic Development	Tạp chí trong nước thuộc danh mục của HÐGSNN	2	23;4; 22-41	
6	Which farming systems are efficient for Vietnamese coffee farmers? DOI: 10.1016/j.eap.2017.09.002	4	x	Economic Analysis and Policy	Q1 (IF = 1.7)	55	56; 114-125	12/2017
7	Eco-efficiency analysis of sustainability-certified coffee production in Vietnam DOI: 10.1016/j.jclepro.2018.02.147	4	x	Journal of Cleaner Production	Q1 (IF = 6.4)	128	183; 251-260	5/2018
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
8	A framework for selecting and designing policies to reduce marine plastic pollution in developing countries DOI: 10.1016/j.envsci.2020.04.007	11		Environmental Science & Policy	Q1 (IF = 5.2)	170	109; 25-35	7/2020
9	Trade-off analysis of cost and nutrient efficiency of coffee farms in Vietnam: A more generalised approach DOI: 10.1016/j.jenvman.2020.111601	3	x	Journal of Environmental Management	Q1 (IF = 8.9)	11	279; 111601	2/2021
10	Scale and scope economies in small household rice farming in Vietnam DOI: 10.1016/S2095-3119(21)63612-2	5		Journal of Integrative Agriculture	Q1 (IF = 2.8)	22	20;12; 3339 - 3351	12/21

11	Cần Thơ có thể là đầu tàu tăng trưởng của ĐBSCL? Phân tích chất lượng và lan tỏa tăng trưởng kinh tế	6		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á	Tạp chí quốc gia thuộc danh mục của HĐGSNN		31; 9; 78-100	10/2021
12	Can payments for forest environmental services help improve income and attitudes toward forest conservation? Household-level evaluation in the Central Highlands of Vietnam DOI: 10.1016/j.forpol.2021.102578	4		Forest Policy and Economics	Q1 (IF = 4.3)	25	132; 102578	11/2021
13	Sustainability certification and water efficiency in coffee farming: The role of irrigation technologies DOI: 10.1016/j.resconrec.2022.106175	3	x	Resources, Conservation and Recycling	Q1 (IF = 13.7)	26	18; 106175	5/2022
14	Climate change adaptation strategies and shrimp aquaculture: Empirical evidence from the Mekong Delta of Vietnam DOI: 10.1016/j.ecolecon.2022.107411	2	x	Ecological Economics	Q1 (IF = 6.5)	26	196; 107411	6/2022
15	Celebrity endorsement in promoting pro-environmental behavior DOI: 10.1016/j.jebo.2022.03.027	5	x	Journal of Economic Behavior & Organization	Q1 (IF = 2.2) A*	31	98; 68-86	6/2022
16	Impact of payments for forest environmental services on households' livelihood: a case study in the Central Highlands of Vietnam DOI: 10.1017/S1355770X22000146	4		Environment and Development Economics	Q1 (IF = 2.2)	6	28;2; 149-170	4/2023
17	Hiệu quả và năng suất tổng hợp của khu vực Đông Nam Bộ, Việt Nam giai đoạn 2010–2022	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á	Tạp chí trong nước thuộc danh mục của HĐGSNN		34; 7; 23-35	8/2023
18	Optimal forest management for carbon sequestration, timber, and bioenergy production in Vietnam	6		Environmental Science and	Q1 (IF = 5.8, năm 2022)	4	30; 101192 - 101207	8/2023

	using an extended full-cycle carbon accounting method DOI: 10.1007/s11356-023-29439-z			Pollution Research				
19	Gender and generosity: How contribution information triggers solidarity behavior during a crisis DOI: 10.1016/j.socec.2024.102275	6	x	Journal of Behavioral and Experimental Economics	Q1 (IF = 1.6)	2	112; 102275	10/2024
20	Shrimp farming industry in Vietnam: An aquaculture performance indicators approach DOI: 10.1080/13657305.2024.2449410	3	x	Aquaculture Economics & Management	Q1 (IF = 3.8, năm 2023)	4	29;2; 207-230	1/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 6

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Hồ Quốc Thông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Luật học; Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRỊNH DUY THUYỀN.

2. Ngày tháng năm sinh: 07/09/1983; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Định Bình, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 666/51 Võ Văn Kiệt, P.1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): A6.15 Chung Cư The CBD số 125 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: không; Điện thoại di động: 0939743344; Email: thuyentd@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 10/2003 đến tháng 4/2016: Công tác tại Công An Thành phố Cần Thơ;
Chức vụ: Đội Trưởng.

Từ 4/2016 đến tháng 7/2023: Giảng viên, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.

Từ tháng 8/2023 đến tháng 14/3/2024: Giảng viên, Khoa Luật - Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ 15/3/2024 - đến nay: Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ: hiện nay Giảng Viên;

Chức vụ cao nhất đã qua: Đội trưởng – Đội pháp luật quốc tế và cải cách tư pháp, Công an Thành phố Cần Thơ; Đội trưởng – Đội phòng chống tội phạm về Môi trường, Công an Quận Bình Thủy- Công an Thành phố Cần Thơ.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

A handwritten signature in blue ink, located in the bottom right corner of the page. The signature is stylized and appears to be the name of the official responsible for the document.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan:.....

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 02 tháng 02 năm 2010; số văn bằng: 151979; ngành: Luật, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 11 năm 2014; số văn bằng: A092730; ngành: Luật; chuyên ngành: Luật hình sự & Tố Tụng hình sự; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 06 năm 2022; số văn bằng: ULD.00013; ngành: Luật; chuyên ngành: Luật hình sự & Tố Tụng hình sự; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Luật học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự.

- Tội phạm học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 00 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 (ba) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 (hai); Cấp: cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 41 bài báo khoa học trên các tạp chí và Hội thảo khoa học trong và ngoài nước, trong đó 03 (ba) bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 01 (một) sách tham khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Danh sách 04 công trình khoa học tiêu biểu nhất:

1. Sách Tham Khảo, *Tìm hiểu về chế định lấy lời khai, hỏi cung bị can trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và một số nước*, ISBN: 978-632-608-069-8; NXB: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2. Bài báo Khoa học, *The Overreliance on Termed Imprisonment and the Challenges within Youth Criminal Sentencing Framework: The Case of Vietnam*, (2024), International Journal for the Semiotics of Law, Volume 37, pp.2355-2376, Tạp chí thuộc danh mục Scopus (Q1), Danh mục WOS (Q3).

3. Bài báo Khoa học, *Fruit of the Poison Tree Doctrine in U.S. Criminal Proceedings and Regulations on the Exclusion of Evidence in Vietnamese Criminal Proceedings*, (2024), International Journal for the Semiotics of Law, Volume 38, pp.443-461, Tạp chí thuộc danh mục Scopus (Q1), Danh mục WOS (Q3).

4. Bài báo khoa học, *The Semiotics of Torture: Provisions of International Law and its Implementation in Vietnam*, (2025), International Journal for the Semiotics of Law, Volume 38, pp.493-524, Tạp chí thuộc danh mục Scopus (Q1), Danh mục WOS (Q3).

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ tiên tiến các năm: 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.

- Bằng Khen Chủ tịch Ủy Ban nhân dân Thành Phố Cần Thơ năm 2004.

- Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2018.

- Huân chương chiến sĩ vẻ vang I, II, III.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 8 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019	0	0	0	2	270	0	270/270/270
2	2019-2020	0	0	0	0	270	0	270/270/270
3	2020-2021	0	0	0	0	285	0	285/285/270
4	2021-2022	0	0	0	0	300	0	300/300/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	0	0	210	60	270/300/270
5	2023-2024	0	0	3	2	255	30	285/305/270
6	2024-2025	0	0	2	2	240	30	270/290/270

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước (*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 khung tham chiếu 6 bậc (4/6)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

T	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Đức Hoàng		x		x	8/4/2024 đến 10/3/2025	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số: 818/QĐ-ĐHKT-ĐT Ngày 10/3/2025
2	Võ Thị Vân Anh		x		x	16/8/2024 đến 10/3/2025	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số: 818/QĐ-ĐHKT-ĐT Ngày 10/3/2025
3	Cao Thị Minh Huyền		x	x		16/8/2024 đến 10/3/2025	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số: 818/QĐ-ĐHKT-ĐT Ngày 10/3/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

(Signature)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GT	NXB CAND ISBN:978-60472-5164-3	3	Lê Văn Thiệu	Chương 3 (141-203)	Quyết định số: 1987/QĐ-T48 ngày 11/12/2019 (lưu hành nội bộ)
2	Tội phạm phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay	CD		2	Lê Tiến Hoàng	Chương 1 và 3	Quyết định 1137/QĐ-T05 ngày 29/6/2020 (Tài liệu mật)
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Tìm hiểu chế định lấy lời khai, hỏi cung bị can trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và một số nước	TK	NXB Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh ISBN:978-632-152-608-152-7	1	Trịnh Duy Thuyền	Toàn tập	Quyết định số: 2399/QĐ-T05 ngày 29/09/2023 về việc ban hành và sử dụng tài liệu dạy học
2	Ý thức pháp luật và vấn đề nâng cao ý thức pháp luật trong xã hội nhìn từ thực tiễn công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	CD		2		Chương 1 và 3	Quyết định số:1865/QĐ-T05 ngày 19/9/2022 Về việc ban hành và sử dụng tài liệu dạy học (Tài liệu mật)

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 01 (một), TT:1(II).

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

(Chữ ký)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận PGS/TS					
1	Đề tài: Sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong phòng chống tội phạm hiện nay	CN	ĐT.2018.T48.20	12T	Quyết định số: 1507/QĐ-T48 ngày 16/7/2018 của Hiệu Trưởng ĐHCND Loại: xuất sắc (tài liệu mật)
2	Xây dựng và sử dụng cộng tác viên bí mật của lực lượng Cảnh sát hình sự trong điều tra tội phạm cướp tài sản trên tuyến giao thông đường bộ các tỉnh, thành phố phía Nam	Tham gia	BC.2018.T48.046	18T	Quyết định số: 4756/QĐ-BCA-V04 ngày 24/6/2019 của BCA/Loại: xuất sắc (tài liệu mật)
II Sau khi được công nhận PGS/TS					
	Đề tài: Thủ tục tố tụng hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021	CN	CELG-CS-2024-07	6T	Quyết định số: 915/QĐ-ĐHKT-KTLQLNN ngày 12/3/2025 Loại: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Quyền con người, quyền công dân trong dự thảo sửa đổi Hiến Pháp 1992 những vấn đề cần hoàn thiện	01	x	Tạp chí Công an nhân dân (ISSN:1859-4409)			Số 4 Tr.15-17	Năm 2013

(Chữ ký)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Công tác bảo đảm AN Ninh trật tự trên địa bàn thành phố Cần Thơ và một số đề xuất	01	x	Tạp chí Công an nhân dân (ISSN:1859-4409)			Số 12 Tr.89-92	Năm 2013
3	Một số điểm mới về chứng cứ trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015	02		Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			Số 3 Tr. 50-58	Năm 2016
4	Một số điểm mới trong các quy định về biện pháp ngăn chặn của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015	02		Sách Bình Luật Những điểm mới của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (ISBN:978-604-948-586-2)			Tr.59-72	Năm 2016
5	Một số điểm mới về biện pháp cưỡng chế trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015	02		Sách Bình Luật Những điểm mới của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (ISBN:978-604-948-586-2)			Tr.73-78	Năm 2016
6	Công ước Chống tra tấn và một số vấn đề đặt ra cho công tác điều tra của lực lượng Công an	01	x	Tạp chí Giáo dục CSND (ISSN: 1859-4239)			Số 86 Tr. 48-55	Năm 2017
7	Góp ý Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng	02		Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			Số 08 Tr. 14-25	Năm 2018
8	Thực tiễn công tác thi hành án treo ở Thành phố Cần Thơ và những kiến nghị	02	x	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN:9866-7535)			Số 1 Tr. 56-60	Năm 2018
9	Biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi theo Bộ luật tố tụng hình sự Việt nam 2015	02		Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN:9866-7535)			Số 8 Tr. 60-64	Năm 2020
10	On the issues of prevention and fight against crimes of human trafficking in Vietnam	02		Criminological Journal (ISSN: 2681-0185)			No.3 pp.21-23	Năm 2020
11	Phòng ngừa tra tấn đối với hoạt động lấy lời khai, hỏi cung bị can một số kiến nghị	01	x	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN:9866-7535)			Số 9 Tr.15-19	Năm 2021
12	On Providing Assistance to Victims of Human Trafficking in the Socialist Republic of Vietnam: State and Some Ways of Solution	02		International Journal Criminal Procedure (ISSN:2346-8335)			No.01 pp.127-130	Năm 2021

(Handwritten signature)

13	Detention as a Prevention Measure Under the Criminal Procedural Legislation of the Socialist Republic of Vietnam and the Russian Federation	02	x	International Journal Criminal Procedure (ISSN:2346-8335)			No. 2 Tr. 85-88	Năm 2021
14	On improving vietnam's law for prevention and fight with fraud to appropriate property by foreigners	01	x	International Multidisciplinary Conference (ISBN: 978-1-64871-560-0)			pp.86-92	Năm 2021
II sau khi được công nhận PGS/TS								
15	Phòng, chống tra tấn Trong quy định của Hiến Pháp những vấn đề cần hoàn thiện	02	x	Hiến Pháp Việt Nam qua các thời kỳ: Kỷ yếu hội thảo 75 năm Hiến Pháp Việt Nam (ISBN: 978-604-73-9208-7)			Tr.696 - 706	Năm 2022
16	Bàn về tính khách quan, hợp pháp của chứng cứ do người bào chữa thu thập trong vụ án hình sự	01	x	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN:9866-7535)			Số 7 Tr.16-19	Năm 2022
17	Phòng, chống tra tấn trong tố tụng hình sự Việt Nam và những vấn đề cần hoàn thiện	01	x	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN:9866-7535)			Số 9 Tr.54-59	Năm 2022
18	Bảo đảm quyền con người trong áp dụng biện pháp bắt, giữ người trong tố tụng hình sự	01	x	Tạp chí nghiên cứu Lập pháp (ISSN: 1859-2953)			Số 23 Tr.35-42	Năm 2022
19	Bàn về quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 về lấy lời khai người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi	01	x	Tạp chí Tòa án nhân dân (ISSN: 1859 - 4875)			Số 16 Tr.1-10	Năm 2022
20	Hoàn thiện pháp luật đối với tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên môi trường không gian mạng	02	x	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN:9866-7535)			Số 1 Tr.32-36	Năm 2023
21	Áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong quá trình giải quyết vụ án hình sự về các tội phạm tham nhũng	02	x	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN:9866-7535)			Số 2 Tr.54-64	Năm 2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

22	Bảo đảm quyền con người trong áp dụng biện pháp tạm giam đối với người dưới 18 tuổi trong tổ tụng hình sự Việt Nam	01	x	Tạp chí Pháp luật về Quyền con người (ISSN: 2615 - 899X)			Số 1 Tr.49-58	Năm 2023
23	Quyền bào chữa theo quy định của pháp luật quốc tế và một số khuyến nghị cho Việt Nam	01	x	Tạp chí Tòa án nhân dân (ISSN: 1859 – 4875)			Số 15 Tr.57-63	Năm 2023
24	Cần hoàn thiện quy định về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	01	x	Tạp chí kiểm sát (ISSN: 0866-7357)			Số 03 Tr.21-23	Năm 2024
25	Nội luật hoá công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm đối với các tội dùng nhục hình, bức cung trong Bộ luật Hình sự Việt Nam	01	x	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISBN:978-604-81-0658-4)			Tr.86-99	Năm 2024
26	Access to Education under U.S. Law and Some Recommendations for Vietnam	03	x	Journal of Research in Educational Sciences ISSN:2068-8407 Journal DOI: https://doi.org/10.14505/jres https://journals.aserspublishing.eu/jres/article/view/8494			Vol XV, Issue 1(17) pp.34-44	Năm 2024
27	Nâng cao hiệu quả mô hình hỗ trợ nạn nhân là trẻ em bị xâm hại tình dục tại Việt Nam	02	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học: công tác xã hội với nhóm dễ bị tổn thương: thực tiễn - hội nhập - phát triển (ISBN: 978-604-479-342-9)			Tr.35-46	Năm 2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

28	Sự tham gia của các bên liên quan trong quy hoạch sử dụng đất hiện nay	03		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia Kinh tế, Luật, Quản lý và Phát triển bền vững dưới tác động của Luật đất đai 2024 (ISBN: 978-604-479-777-9)			Tr.18-25	Năm 2024
29	Unveiling the Psychological Landscape of Cybercriminals: A Systematic Review Towards Enhanced Cybercrime Prevention	02		The International Conference on Economics, Law and Government (ISBN: 978-604-346-371-2)			Tr.239	Năm 2024
30	Đẩy mạnh phát triển các quy định pháp luật liên quan đến chuyển đổi số và kinh tế số: Góc nhìn từ văn kiện Đại hội Đảng qua các thời kỳ	01	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia đóng góp đường lối phát triển kinh tế - xã hội của việt nam giai đoạn 2025-2030 (ISBN: 978-604-346-397-2)			Tr.64-73	Năm 2024
31	The Overreliance on Termed Imprisonment and the Challenges within Youth Criminal Sentencing Framework: The Case of Vietnam	02		International Journal for the Semiotics of Law (ISSN: 0952-8059) https://doi.org/10.1007/s11196-024-10175-7	Scopus Q1/ISI Q3 Springer Nature Publisher	2	Vol 37, pp.2355–2376	Năm 2024
32	Fruit of the Poison Tree Doctrine in U.S. Criminal Proceedings and Regulations on the Exclusion of Evidence in Vietnamese Criminal Proceedings	01	x	International Journal for the Semiotics of Law (ISSN: 0952-8059) https://doi.org/10.1007/s11196-024-10129-z	Scopus Q1/ISI Q3 Springer Nature Publisher	3	Vol 38, pp. 443-461	Năm 2024

K

33	Legal Provisions and Practices of Compulsory Detoxification for Juveniles in Vietnam	02	x	International Journal of Criminal Justice Sciences (ISSN:0973-5089) https://ijcjs.com/menu-script/index.php/ijcjs/article/view/796	Scopus Q2 H&N Publisher		Vol 19, pp. 54-79	Năm 2024
34	Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về người đại diện, nhà trường, tổ chức của bị hại là người dưới 18 tuổi	02	x	Tạp chí nghiên cứu Lập pháp (ISSN: 1859-2953)			Số 23 Tr.51-57	Năm 2024
35	Học thuyết “quả của cây độc” trong tố tụng hình sự Hoa Kỳ và quy định loại trừ chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam	2	x	Sách chuyên khảo “Chứng cứ và chứng minh trong giải quyết vụ án hình sự” ISBN:978-632-608-075-9			Tr.76-97	2024
36	The Semiotics of Torture: Provisions of International Law and its Implementation in Vietnam	01	x	International Journal for the Semiotics of Law (ISSN:0952-8059) https://doi.org/10.1007/s11196-024-10212-5	Scopus Q1/ISI Q3 Springer Nature Publisher		Vol 38 pp.493-524	Năm 2025
37	Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân thương mại phạm tội trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện	1	x	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN:9866-7535)			Số 2 Tr. 23-29	Năm 2025
38	Bất cập trong hoạt động thu thập, bảo quản nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử và kiến nghị hoàn thiện	1	x	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN:9866-7535)			Số 4 Tr.15-22	Năm 2025
39	Xử lý vật chứng đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng trong các vụ án hình sự	01	x	Tạp chí Tòa án nhân dân (ISSN: 1859 – 4875)			Số 8 Tr.17-26	Năm 2025

(Handwritten signature)

40	Public Policy and Judicial Inconsistency in Vietnam: Challenges in the Annulment of International Commercial Arbitral Awards	03	x	International Journal for the Semiotics of Law (ISSN: 0952-8059) https://doi.org/10.1007/s11196-025-10285-w	Scopus Q1/ISI Q3 Springer Nature Publisher		Công bố online ngày 12/5/2025	Năm 2025
41	Bài toán xác suất theo lý thuyết Bayes và tư pháp hình sự: thách thức tư duy truyền thống	01	x	Tạp chí Luật học (ISSN: 0868-3522)			Số 6	Năm 2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 03 (ba), gồm: 31, 32, 36.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao).

(Chữ ký)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình Luật học	Chủ trì	Quyết định số: 3078/QĐ-ĐHHS ngày 20/12/2023	Đại học Hoa Sen	Quyết định số: 188/QĐ-ĐHHS ngày 25/01/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính/phụ: 03 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Trong trường hợp không đủ tiêu chuẩn hướng dẫn học viên cao học, ứng viên đề xuất tiêu chí thay thế: Sách Tham khảo, *Tìm hiểu chế định lấy lời khai, hỏi cung bị can trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và một số nước*, Nxb Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh, ISBN: 978-632-152-608-152-7 (căn cứ K6. Điều 6, Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2018).

[Signature]

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 03 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

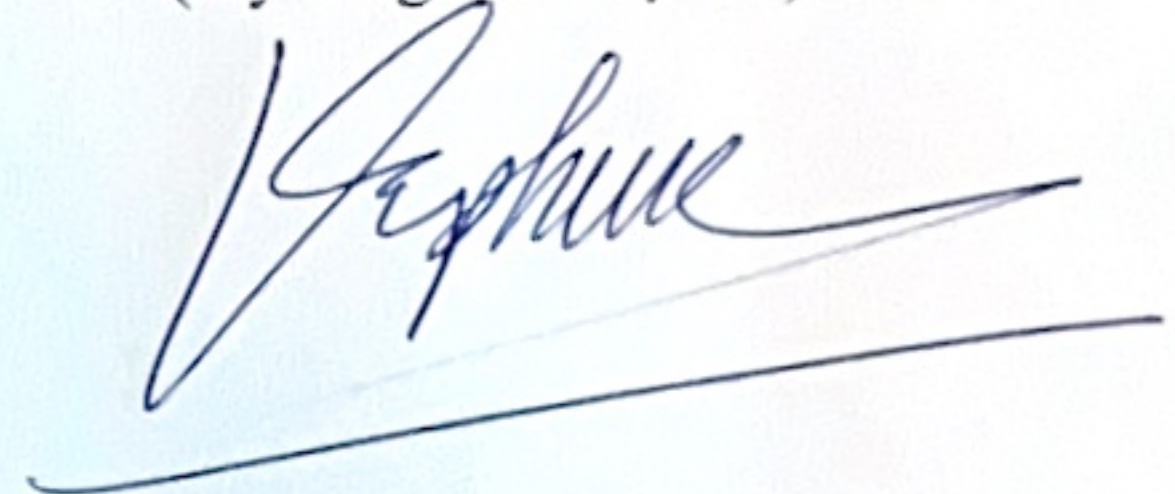
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trịnh Duy Thuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kế toán

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **HOÀNG CẨM TRANG**

2. Ngày tháng năm sinh: 09/07/1979; Nam ; ☐ Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 6 Đường 74, Phường Phước Long A, TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ: 6 Đường 74, Phường Phước Long A, TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0919368155; E-mail: tranghc@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 5 năm 2002 đến tháng 1 năm 2015: Giảng viên, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 9 năm 2016: Trưởng bộ môn, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 10 năm 2017: Phó trưởng khoa – Phụ trách Khoa, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Từ tháng 10 năm 2017 đến ngày 6 tháng 5 năm 2021: Trưởng khoa, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Từ ngày 7 tháng 5 năm 2021 đến nay: Giảng viên, Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kế toán, Trường Kinh doanh, Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: (+84) 28.35625823

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): -

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): -

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 1 tháng 11 năm 2001; số văn bằng: B293634, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kế toán kiểm toán; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 4 năm 2007; số văn bằng: 0029723; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kế toán; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 7 năm 2015; số văn bằng: -; ngành Kế toán - Tài chính; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Wollongong, Úc (University of Wollongong, Australia).

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Báo cáo tài chính, hành vi thị trường và khuôn khổ pháp lý



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Hướng nghiên cứu này tập trung vào các vấn đề cốt lõi của kế toán tài chính như chất lượng báo cáo tài chính, hành vi điều chỉnh lợi nhuận, và tác động của khuôn khổ pháp lý (Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS), chế độ kế toán, các quy định công bố thông tin) đến độ tin cậy và minh bạch thông tin tài chính. Đồng thời, hướng này cũng xem xét phản ứng của thị trường tài chính trước các yêu cầu công bố thông tin cũng như tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến biến động giá cổ phiếu trên thị trường Việt Nam.

Hướng nghiên cứu 2: Phát triển bền vững và hiệu quả tổ chức

Hướng nghiên cứu này tập trung vào vai trò của kế toán trong việc hỗ trợ các tổ chức cả khu vực công và tư đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, phù hợp với định hướng của Liên Hợp Quốc thông qua 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động. Các công trình trong hướng này tiếp cận chủ đề từ nhiều chiều cạnh: công bố thông tin phi tài chính góp phần định hình tính minh bạch và trách nhiệm xã hội; hệ thống kiểm soát quản lý và vai trò của kế toán củng cố nền tảng quản trị; trong khi đó, các yếu tố tổ chức như đa dạng hội đồng quản trị, văn hóa doanh nghiệp, năng lực lãnh đạo và đổi mới sáng tạo đóng vai trò thiết yếu trong việc tăng cường năng lực thích ứng và giá trị dài hạn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **02** NCS (hướng dẫn phụ) bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn **05** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
 - + **03** đề tài cấp cơ sở với vai trò Chủ nhiệm đề tài;
 - + **01** Đề tài cấp Bộ (NAFOSTED) với vai trò thành viên nghiên cứu chủ chốt.
- Đã công bố **35** bài báo khoa học và báo cáo khoa học, trong đó **17** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus.
- Số lượng sách đã xuất bản: **02**, với vai trò là thành viên tham gia biên soạn, thuộc Nhà xuất bản trong nước có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học năm học 2008-2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng.
- Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học năm học 2018-2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng.
- Được Hiệp hội Quản trị Tài chính Quốc tế (Financial Management Association International – FMA) ghi nhận vì những đóng góp trong công tác tổ chức Hội thảo Khoa học FMA Asia/Pacific Conference diễn ra tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2019.
- Danh hiệu Chiến sĩ Thi đua cấp Cơ sở năm học 2022-2023 theo Quyết định số 714/QĐ-ĐHKT-QTNNL ngày 17/03/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
- Danh hiệu Chiến sĩ Thi đua cấp Cơ sở năm học 2023-2024 theo Quyết định số 1427/QĐ-ĐHKT-QTNNL ngày 19/04/2024 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về phẩm chất đạo đức: Ứng viên luôn ý thức giữ gìn và rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, xem đó là nền tảng cốt lõi trong vai trò người giảng viên. Trong môi trường công tác, ứng viên đề cao tinh thần hợp tác, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau với đồng nghiệp nhằm cùng phát triển năng lực chuyên môn. Với sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh, ứng viên luôn cố gắng giữ sự tận tụy, và khách quan trong giảng dạy cũng như hướng dẫn, xem đó là cách tốt nhất để truyền cảm hứng và định hướng đúng đắn cho các thế hệ học trò.

Về công tác giảng dạy, đào tạo: Ứng viên luôn ý thức rõ vai trò và trách nhiệm của người giảng viên trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo. Ngoài việc hoàn thành đầy đủ định mức giờ giảng, ứng viên còn tích cực tham gia giảng dạy ở nhiều hệ, bậc đào tạo khác nhau. Bên cạnh đó, ứng viên không ngừng cập nhật phương pháp giảng dạy hiện đại, đầu tư vào việc xây dựng tài liệu, giáo trình và nâng cao kỹ năng sư phạm thông qua các khóa đào tạo ngắn hạn. Nhờ sự nỗ lực này, các lớp học do ứng viên phụ trách luôn nhận được phản hồi tích cực từ người học với điểm đánh giá bình quân trên 6 điểm của thang điểm 7, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của đơn vị. Bên cạnh công tác chuyên môn, ứng viên tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm trao đổi học thuật, cập nhật xu hướng đào tạo hiện đại và góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của bản thân nói riêng cũng như của khoa và nhà trường nói chung.

Về công tác nghiên cứu khoa học: Ứng viên xem hoạt động nghiên cứu là nền tảng quan trọng giúp củng cố và phát triển năng lực chuyên môn trong môi trường đại học. Việc nghiên cứu không chỉ giúp ứng viên mở rộng tri thức ngành mà còn là cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn trong giảng dạy. Ứng viên luôn chủ động xây dựng, triển khai các nghiên cứu có giá trị học thuật và gắn liền với bối cảnh thực tiễn. Đồng thời, ứng viên duy trì việc tham gia các tọa đàm học thuật, hội thảo khoa học và các chương trình hợp tác nghiên cứu để học hỏi, cập nhật xu hướng và đóng góp vào cộng đồng khoa học trong và ngoài nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 23 năm 1 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020			1	8	180	52.5	215/286.5/189
2	2020-2021			1	7	165		165/216/165
3	2021-2022		2		4	270		270/389/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1	5	315		315/410 /270

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
5	2023-2024			2	6	270	20	290/417.5/270
6	2024-2025				4	270	15	285/378/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Úc năm 2015. Luận án được Hội đồng chấm đánh giá xuất sắc (Examiners' Commendation for Outstanding Thesis).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: -

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam).

d) Đối tượng khác ☒ ;

- Giảng viên thỉnh giảng (Adjunct Lecturer), Đại học Southern Queensland, Úc (từ 2021–2024), cụ thể tham gia hướng dẫn học thuật (external supervisor) cho nghiên cứu sinh chương trình DBA, Trường Kinh doanh, Đại học Southern Queensland, Úc.

- Tham gia chương trình trao đổi học thuật (giảng dạy/nghiên cứu), phát triển chuyên môn với các trường đại học quốc tế, bao gồm: tại châu Âu theo chương trình Erasmus+; tại Úc theo chương trình Học bổng Endeavour do Chính phủ Úc tài trợ; và tại Hoa Kỳ theo chương trình Học bổng Fulbright U.S. – ASEAN Visiting Scholar do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ.

- Đồng chủ trì, thành viên ban tổ chức, thành viên hội đồng khoa học, thành viên ban biên tập kỷ yếu hội thảo, chủ tọa phiên các Hội thảo quốc tế gồm ICIEF2016, ICIEF2017, FMA2019, ICECH2022, ICECH2023, i-COB2024;

- Phản biện (peer-review) cho nhiều tạp chí uy tín: Business Ethics: A European Review (SSCI journal), International Review of Economics and Finance (SSCI journal), JABES

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước (Scopus Q1, ESCI, ABDC-B), Cogent Business & Management (ESCI journal), Discover Sustainability (ESCI journal), Journal of Financial Reporting and Accounting (ESCI journal), ...

- Phản biện/đánh giá 01 Luận án Tiến sĩ của Nghiên cứu sinh thuộc Viện nghiên cứu liên ngành tập trung vào các giải pháp phát triển bền vững và đô thị hóa nhân văn, trực thuộc một Đại học tại Úc.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Chứng nhận giảng dạy bằng tiếng Anh EMI-B do tổ chức Cambridge English cấp năm 2021.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Hồ Thị Thanh Dung		x	x		2019-2020	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	28/4/2020
2	Nguyễn Thị Thu Anh		x	x		2020-2021	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	28/4/2021
3	Trần Thị Yến	x			x	2018-2022	Đại học Kinh tế TP. HCM	4/4/2022
4	Lê Mộng Huyền	x			x	2019-2022	Đại học Kinh tế TP. HCM	4/4/2022
5	Nguyễn Hữu Nhân		x	x		2022-2023	Đại học Kinh tế TP. HCM	11/4/2023
6	Nguyễn Thị Anh Thư		x	x		2022-2023	Đại học Kinh tế	12/9/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
							TP. HCM	
7	Nguyễn Thu Thủy		x	x		2022-2023	Đại học Kinh tế TP. HCM	12/9/2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Hướng dẫn thực hành Kế toán trên Sổ Kế toán (ISBN: 202-005-000-099-5)	TK	Nhà xuất bản Tài chính năm 2010	6	PGS.TS. Võ Văn Nhị	Phần 4 (trang 163-200), phần 5 (trang 201-282)	Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách, số 35/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 09/06/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Bài Tập Kế Toán Tài Chính (Cập nhật theo TT200/2014/BTC) (ISBN: 978-604-922-413-3)	TK	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM năm 2016	5	PGS.TS. Võ Văn Nhị	Chương 5 (trang 94-106), Chương 6 (trang 107-118), Chương 10 (trang 184-197)	Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách, số 35/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 09/06/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính trong các công ty niêm yết tại TP. Hồ Chí Minh	CN	62-1/TĐT-NCKH Cấp Trường	12 tháng	9/2/2007 Đạt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
2	Vai trò của hiểu biết tài chính và công nghệ tài chính trong việc thu hẹp khoảng cách giữa nam và nữ, giữa thành thị và nông thôn về tài chính toàn diện	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	502.01 2020.308 Cấp Bộ, Quỹ NAFOSTED	24 tháng	18/9/2024 Đạt
3	Determinants of incorporating International Financial Reporting Standards in accounting education of Vietnamese universities by the approved roadmap to its adoption from 2025 onward	CN	CS-2021-46 Đề tài trọng điểm cấp Trường	24 tháng	18/2/2024 Đạt
4	Ảnh hưởng của áp dụng Luật kế toán Việt Nam đến độ tin cậy dồn tích của báo cáo tài chính: bằng chứng thực nghiệm tại các công ty thuộc nhóm ngành công nghiệp	CN	CS-COB-2024-40 Đề tài cấp trường	12 tháng	25/4/2025 Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I. Trước khi được công nhận TS								
1	Chênh lệch tỷ giá hối đoái - Vấn đề cần lưu ý đối với nhà đầu tư	1	X	Tạp chí Khoa học & Ứng dụng, ISSN: 1859-2244			10, 44- 45	2009
2	Xác định chi phí hợp lý theo luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12	1	X	Tạp chí Kế toán, ISSN: 1859 - 1914			76 (2), 46-48	2/2009
3	Kế toán và thuế đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái	1	X	Tạp chí Kế toán, ISSN: 1859 - 1914			83 (4), 32-34	4/2010
4	Chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam	2	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, ISSN: 1859 - 1914			91 (4), 27-29	4/2011
5	Hành vi điều chỉnh lợi nhuận và nguy cơ phá sản của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. HCM	2	X	Tạp chí Phát triển kinh tế. ISSN 1859- 1124		3	276S (10), 48-57	10/2013

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
6	Ảnh hưởng của thành viên nữ trong hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết	2	X	Tạp chí Phát triển kinh tế. ISSN 1859- 1124		7	290 (12), 61-75	12/2014
7	Directors' Education Degree and Corporate Social Disclosure: Evidence from Vietnam	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "Internation al Scientific Conference Finance and Performanc e of Firms in Science, Education and Practice", ISBN 978807454 4828			1552- 1565	4/2015
8	Gender diversity in the boardroom and corporate social disclosure: evidence from Vietnam	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "Internation al Conference on Finance and Economics ", ISBN: 978808799 0049			294- 306	6/2015

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II. Sau khi được công nhận TS								
9	The Impact of Firm Characteristics on Social and Environmental Disclosure: The Case Vietnam	3	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "International Conference on Finance and Economics", ISBN: 978807454 5993			640-652	6/2016
10	Service Quality of the Tax Authorities and Taxpayer Satisfaction: An Empirical Study in Vietnam	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "International Conference on Finance and Economics", ISBN: 978807454 5993			631-639	6/2016
11	Effects of U.S. Economic policy uncertainty on stock price in Vietnam: an ARDL bound test approach	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "International Scientific Conference Finance and Performance of Firms in Science, Education			574-581	4/2017

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				and Practice", ISBN 978807454 6532				
12	The effect of state ownership on earnings management: evidence from Vietnamese listed firms	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "Internation al Scientific Conference Finance and Performanc e of Firms in Science, Education and Practice", ISBN 978807454 6532			1110- 1117	4/2017
13	The Effect of Board Diversity on Earnings Quality: An Empirical Study of Listed Firms in Vietnam	3	X	Australian Accounting Review (ISSN: 1035-6908; eISSN: 1835-2561)	ISI (SSCI, IF: 3.1)	95	27 (2), 146- 163	6/2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
14	Board Diversity and Corporate Social Disclosure: Evidence from Vietnam	3	X	Journal of Business Ethics (ISSN: 0167-4544; eISSN: 1573-0697)	FT50 (Financia l Times 50 journals), ISI (SSCI, IF: 5.9)	192	151 (3), 833– 852	9/2018
15	Earnings Quality and Corporate Social Disclosure: The Moderating Role of State and Foreign Ownership in Vietnamese Listed Firms	3	X	Emerging Markets Finance and Trade (ISSN: 1540-496X; eISSN: 1558-0938)	ISI (SSCI, IF: 2.8)	44	55 (2), 272- 288	2019
16	The Effect of the new Corporate Accounting Regime on Earnings Management: Evidence from Vietnam	2	X	Journal of Internationa l Studies (ISSN: 2071-8330; eISSN: 2306-3483)	Scopus Q2 (SJR=0.4 17)	22	12 (1), 93-104	2019
17	The effects of information disclosure regulation on stock markets: Evidence from Vietnam	5	X	Research in Internationa l Business and Finance (ISSN: 0275-5319; eISSN: 1878-3384)	ISI (SSCI, IF: 6.3)	24	51, 101082 -	1/2020

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
18	Audit Committee Chairpersons' Gender And Financial Irregularities: Evidence From Vietnam	4	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "Internation al Days of Statistics and Economics" , ISBN 978808799 0223			357- 366	9/2020
19	Determinants of the Implementation of the Public- Sector Consolidated Financial Statements in Vietnam	3	X	Acta Universitati s Agricultura e et Silvicultura e Mendeliana e Brunensis (Publisher: Mendel University of Agriculture and Forestry Brno, ISSN: 1211-8516)	Scopus Q3 (SJR=0,1 79)	2	68 (5), 903- 913	11/2020
20	Organizational culture, management accounting information, innovation capability and firm performance	3	X	Cogent Business & Manageme nt (ISSN: 2331-1975)	Scopus Q2 (SJR=0.5 96)	63	7(1), 185759 4-	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
21	The role of accountability in determining the relationship between financial reporting quality and the performance of public organizations: Evidence from Vietnam	3	X	Journal of Accounting and Public Policy (Publisher: Elsevier, ISSN: 0278-4254; eISSN: 1873-2070)	ISI (SSCI; IF=3.629)	88	40 (1), 106801	2/2021
22	Effects of leadership and accounting capacity on accountability through the quality of financial reporting by public organisations in Vietnam	3		Journal of Asia Business Studies (Publisher: Emerald, ISSN: 1558-7894; eISSN: 1559-2243)	Scopus Q1 (IF= 2,3; SJR=0,584)	28	15 (3), 484-502	6/2021
23	Exploring Nonlinear Effects of Board of Directors' Characteristics on Firm Performance: Evidence from Vietnam	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "International Days of Statistics and Economics", ISBN 9788087990254			389-399	9/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
24	Implementation International Financial Reporting Standards (IFRS) into Accounting Curricula: A Survey in Vietnamese Universities	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "Internation al Conference on Emerging Challenges: Business Transforma tion and Circular Economy", ISBN: 978604316 4220			105- 112	11/2021
25	How do innovation and financial reporting influence public sector performance in a transition market?	3		Journal of Accounting in Emerging Economies (Publisher: Emerald, ISSN: 2042-1168; eISSN: 2042-1176)	Scopus Q2 (IF=3,65; SJR=0,54)	10	12 (4), 645- 662	7/2022
26	Chiến Lược Khác Biệt Và Kết Quả Đổi Mới Sản Phẩm: Vai Trò Của Kế Toán Quản Trị Và Thông Tin Kế Toán Quản Trị	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về kế toán và kiểm toán (VCAA 2022), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, ISBN:			242- 254	11/2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				978604330 5098				
27	Performance implications of exploratory and exploitative innovation: the role of management control systems	3	X	Ekonomiska Istraživanja (ISSN: 1331-677X; eISSN: 1848-9664)	Scopus Q2 (SJR=0.798)	3	36 (3), 2211152-	2023
28	Ảnh hưởng của đặc điểm hội đồng quản trị đến hành vi quản trị lợi nhuận của các công ty gia đình niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trước và trong đại dịch COVID-19	3	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES), ISSN 2615 - 9104			34 (9), 86-105	9/2023
29	Gender gap in digital literacy across generations: Evidence from Indonesia	3		Finance Research Letters (ISSN: 1544-6123; eISSN: 1544-6131)	ISI (SSCI; IF=7.4)	36	58 (Part D), 104588	12/2023

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
30	The effect of real earnings management on earnings persistence and informativeness before and during COVID- 19	4	X	Journal of Corporate Accounting and Finance (Publisher: Wiley- Blackwell, ISSN: 1044-8136; eISSN: 1097-0053)	Scopus Q2 (IF=0,86; SJR=0,35)	2	35 (1), 76-91	1/2024
31	Developing seasonal z- number regression for waste-disposal forecasting in a Taiwanese hospital	8		Applied Soft Computing (ISSN: 1568-4946; eISSN: 1872-9681)	ISI (SCIE; IF=7.2)	1	152, 111196 -	2/2024
32	The Performance Implications of Management Control Systems and Dynamic Capabilities: Evidence from Vietnam	2	X	Asian Academy of Manageme nt Journal (ISSN: 1394-2603; eISSN: 2180-4184)	Scopus Q3 (SJR=0.2 53)	1	29 (2), 33-64	10/2024
33	Ảnh hưởng của Luật kế toán 2015 đến độ tin cậy dồn tích của báo cáo tài chính: Bằng chứng thực nghiệm tại các công ty thuộc nhóm ngành công nghiệp	3	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES), ISSN 2615 - 9104			35 (11), 30-44	11/2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Google Scholar)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
34	Transformational leadership and public employee performance: The mediating roles of employee participation and public service motivation	2	X	International Review of Administrative Sciences (Publisher: Sage, ISSN: 0020-8523; eISSN: 1461-7226)	ISI (SSCI; IF=2,7)	6	90 (4), 793-809	12/2024
35	IFRS education at Vietnamese universities: Insights into influential factors through academics' perspectives	1	X	Journal of Education for Business (ISSN: 0883-2323; eISSN: 1940-3356)	Scopus Q2 (SJR=0.436)		100 (1), 13-21	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 13 bài báo ([13], [14], [15], [16], [17], [19], [20], [21], [27], [30], [32], [34], [35]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg): Không có

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Nhóm tự đánh giá kiểm định chương	Trưởng nhóm	Kế hoạch số 1366/2019/TĐT-	Đoàn đánh giá ngoài	Kế hoạch số 2567/2019/TĐT-	

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
	trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA nhóm ngành Tài chính Ngân hàng bậc cử nhân.	tự đánh giá	KH ngày 3/5/2019	(on-site) của AUN	KH ngày 12/9/2019	
2	Điều chỉnh Chương trình tiên tiến quốc tế UEH cho chương trình Kế toán doanh nghiệp thuộc ngành Kế toán trình độ Đại học, hệ chính quy tại Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Thành viên	Quyết định số 4487/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT, ký ngày 10/05/2024	Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 2245/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT, ký ngày 01/07/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: không có

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hoàng Cẩm Trang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGÔ MINH VŨ

2. Ngày tháng năm sinh: 07/07/1990; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: Không

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 22, Đường 14C, Khu dân cư Phong Phú 4, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 22, Đường 14C, Khu dân cư Phong Phú 4, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0987686945; E-mail: vunm@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 10 năm 2020:

+ Chức vụ: Giảng viên

+ Cơ quan: Khoa Thương mại và Quản trị Kinh Doanh, trường Đại học Văn Lang

Từ tháng 10 năm 2020 đến năm hiện tại:

+ Chức vụ: Giảng viên

+ Cơ quan: Khoa Ngân hàng, Trường Kinh Doanh, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 1 năm 2022 đến năm hiện tại:

+ Chức vụ: Giảng viên kiêm Phó Bí thư Ban Cán sự Đoàn

+ Cơ quan: Ban Cán sự Đoàn Trường Kinh Doanh thuộc UEH

Từ tháng 6 năm 2022 đến năm hiện tại:

+ Chức vụ: Giảng viên kiêm Bí thư Đoàn khoa Ngân hàng

+ Cơ quan: Khoa Ngân hàng, Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

Chức vụ: Hiện nay: Bí thư Đoàn khoa Ngân hàng; Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư Đoàn khoa Ngân hàng

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Ngân hàng, Trường Kinh Doanh, Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: B1-901, 279 Nguyễn Tri Phương, Phường 4, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 028.38295299

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 6 năm 2012; số văn bằng: 280232; ngành: Tài chính-Ngân hàng, chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 5 năm 2014; số văn bằng: 02/030353/2014; ngành: Kinh Tế - Quản lý; chuyên ngành: Quản trị - Marketing; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Tomas Bata in Zlín, Cộng Hòa Séc.

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 6 năm 2018; số văn bằng: 02/042410/2018; ngành: Chính sách và Quản lý Kinh tế; chuyên ngành: Tài chính; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Tomas Bata in Zlín, Cộng Hòa Séc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng nghiên cứu thứ nhất: Tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và quản trị rủi ro dưới tác động của các cú sốc vĩ mô:** Hướng nghiên cứu này tập trung phân tích cách thức doanh nghiệp, ngân hàng và thị trường vốn phản ứng và thích nghi trước các biến động vĩ mô nghiêm trọng như khủng hoảng tài chính, đại dịch COVID-19, xung đột địa-chính trị

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước và rủi ro khí hậu-năng lượng. Phạm vi nghiên cứu bao gồm phân tích cấu trúc vốn, quản trị rủi ro tài chính, hành vi nhà đầu tư và hiệu quả chính sách trong các giai đoạn bất ổn kinh tế trước các cú sốc vĩ mô. Kết quả từ các nghiên cứu trong hướng này cung cấp cơ sở lý luận và thực nghiệm quan trọng nhằm nâng cao năng lực dự báo rủi ro, cải thiện hiệu quả quản trị tài chính và hỗ trợ hoạch định chính sách trong bối cảnh ngày càng biến động của thị trường toàn cầu.

Tương ứng với hướng nghiên cứu 1 là các công trình khoa học sau đây:

- *Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã được công bố:*

+ Số lượng: 27

+ Số thứ tự trong mẫu 1 là: [6], [7], [8], [11], [17], [18], [19], [21], [22], [23], [25], [26], [27], [28], [30], [35], [38], [41], [46], [47], [50], [52], [53], [55], [57], [58], [61]

+ *Trong đó, bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín là:*

o Số lượng: 24

o Số thứ tự trong mẫu 1 là: [6], [8], [11], [17], [18], [19], [21], [22], [23], [25], [26], [27], [28], [30], [35], [38], [41], [46], [47], [50], [52], [53], [55], [58]

- *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp:*

+ Số lượng: 1 đề tài nghiên cứu khoa học

+ Số thứ tự trong mẫu 1 là: [1]

- *Sách phục vụ đào tạo:*

+ Số lượng: 1

+ Số thứ tự trong mẫu 1 là: [2]

- *Hướng dẫn Học viên cao học (HVCH) và Nghiên cứu sinh (NCS):*

+ Số lượng: 2 HVCH

+ Số thứ tự trong mẫu 1 là: [4], [5]

- **Hướng nghiên cứu thứ hai: Công nghệ Tài chính (Fintech) và chuyển đổi số trong quản trị tài chính và doanh nghiệp:** Hướng nghiên cứu này tập trung phân tích việc ứng dụng các công nghệ số tiên tiến như FinTech, trí tuệ nhân tạo (AI), máy học (ML), blockchain và các nền tảng kỹ thuật số trong nâng cao hiệu quả vận hành, quản trị rủi ro và tạo giá trị gia tăng trong các doanh nghiệp và thị trường tài chính. Phạm vi nghiên cứu bao gồm ngân hàng số, tiền mã hóa của ngân hàng trung ương (CBDC), hành vi người dùng trên các nền tảng số, cũng như chuyển đổi số trong chuỗi cung ứng trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và biến động môi trường kinh tế-xã hội (COVID-19, biến đổi khí hậu). Các kết quả từ hướng nghiên cứu này cung cấp căn cứ quan trọng để doanh nghiệp xây dựng chiến lược chuyển đổi số hiệu quả, giúp cơ quan quản lý hoàn thiện chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ và thúc đẩy sự phát triển bền vững trong nền kinh tế số.

Tương ứng với hướng nghiên cứu 2 là các công trình khoa học sau đây:

- *Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã được công bố:*

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- + Số lượng: 13
 - + Số thứ tự trong mẫu 1 là: [15], [29], [31], [32], [33], [34], [37], [40], [45], [49], [54], [56], [59]
 - + Trong đó, bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín là:
 - o Số lượng: 9
 - o Số thứ tự trong mẫu 1 là: [15], [29], [31], [32], [33], [34], [37], [45], [49]
 - *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp:*
 - + Số lượng: 1 đề tài nghiên cứu khoa học
 - + Số thứ tự trong mẫu 1 là: [2]
 - *Sách phục vụ đào tạo:*
 - + Số lượng: 0
 - + Số thứ tự trong mẫu 1 là:
 - *Hướng dẫn HVCH/NCS*
 - + Số lượng: 4 HVCH và đang hướng dẫn phụ 2 NCS
 - + Số thứ tự trong mẫu 1 là: [1], [2], [3], [6], [7], [8]
 - ***Hướng nghiên cứu thứ ba: Quản trị Chiến lược và Khách hàng để nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh Phát triển Bền vững:*** Hướng nghiên cứu này khám phá cách thức các doanh nghiệp và tổ chức xây dựng chiến lược, năng lực động, tối ưu trải nghiệm khách hàng và gắn kết nhân viên để nâng cao hiệu quả hoạt động. Kết quả nghiên cứu cung cấp hàm ý cho doanh nghiệp cải thiện năng lực cạnh tranh, đồng thời hỗ trợ nhà quản lý thiết kế chính sách, chiến lược thúc đẩy phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh cạnh tranh và biến động.
- Tương ứng với hướng nghiên cứu 3 là các công trình khoa học sau đây:
- *Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã được công bố:*
 - + Số lượng: 22
 - + Số thứ tự trong mẫu 1 là: [1], [2], [3], [4], [5], [9], [10], [12], [13], [14], [16], [20], [24], [36], [39], [42], [43], [44], [48], [51], [60], [62]
 - + Trong đó, bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín là:
 - o Số lượng: 16
 - o Số thứ tự trong mẫu 1 là: [2], [4], [9], [10], [12], [13], [14], [16], [20], [24], [39], [43], [44], [48], [51], [62]
 - *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp:*
 - + Số lượng: 02 đề tài nghiên cứu khoa học
 - + Số thứ tự trong mẫu 1 là: [3], [4]
 - *Sách phục vụ đào tạo:*
 - + Số lượng: 01
 - + Số thứ tự trong mẫu 1 là: [1]
 - *Hướng dẫn HVCH/NCS*
 - + Số lượng: 0 HVCH và đang hướng dẫn phụ 1 NCS
 - + Số thứ tự trong mẫu 1 là: [9]

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
 - + Chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu,

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Thành viên tham gia 02 đề tài cấp Bộ và tương đương đã nghiệm thu.

- Đã công bố (số lượng) 62 bài báo/báo cáo khoa học, gồm

+ 49 bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín, trong đó ứng viên là tác giả chính của 33 bài báo.

+ 09 bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm.

+ 04 báo cáo khoa học công bố trên các kỷ yếu hội thảo quốc tế nằm trong danh mục ISI

- Số lượng sách đã xuất bản:

+ Thành viên tham gia biên soạn 02 sách tham khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín phục vụ đào tạo bậc đại học, thuộc nhà xuất bản Kinh tế (Đại học UEH).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): 05 danh hiệu và giải thưởng

TT	Năm	Danh hiệu	Tên và số quyết định
1	2023-2024	Bằng khen Bộ GD&ĐT	Quyết định số 1057/QĐ-BGDĐT, ngày 18/4/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo
2		Giấy khen top 10 nghiên cứu khoa học UEH 2024	Công văn số 399/ĐHKT-PTTCNL, ngày 24/02/2025, Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh
3	2022-2023	Giảng viên xuất sắc	Quyết định số 713/QĐ-ĐHKT-QTNL, ngày 17/3/2023, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
4		Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 714/QĐ-ĐHKT-QTNL, ngày 17/3/2023, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
5	2021-2022	Giảng viên xuất sắc	Quyết định số 1504/QĐ-ĐHKT-QTNL, ngày 09/6/2022, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Tốt

- **Về nhiệm vụ của người giảng viên theo quy định:** Ứng viên luôn cam kết tuân thủ các chủ trương, chính sách của Nhà nước về giáo dục và đào tạo, cũng như các quy định của Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Ứng viên ý thức rõ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện đúng các quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên theo quy định của nhà trường, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học và các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- **Về công tác giảng dạy, đào tạo:** Ứng viên luôn ý thức rõ vai trò của một giảng viên và nỗ lực hoàn thành tốt trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu, cũng như biên soạn tài liệu,

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước giáo trình phục vụ đào tạo. Ứng viên tuân thủ đầy đủ quy định về khối lượng giảng dạy, đồng thời hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, hoàn thành luận văn, luận án. Bên cạnh công tác chuyên môn, ứng viên cũng tham gia quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác trong nước, quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và phát triển nhà trường. Đặc biệt, với vai trò là Bí thư Đoàn Thanh Niên, ứng viên luôn cố gắng tổ chức các hoạt động học tập, trải nghiệm bổ ích cho các bạn sinh viên nhằm thúc đẩy năng lực học tập và kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên, học viên.

- **Về công tác nghiên cứu khoa học:** Ứng viên không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, hướng đến những công trình có giá trị hàn lâm và ứng dụng thực tiễn. Ứng viên tích cực tham gia nghiên cứu, báo cáo tại các hội thảo khoa học trong và ngoài nước để chia sẻ kết quả, cập nhật xu hướng mới. Những hoạt động này không chỉ giúp ứng viên nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và chuyển giao tri thức mà còn thể hiện trách nhiệm của ứng viên đối với cộng đồng và xã hội.

- **Về đạo đức, tác phong khoa học và bồi dưỡng chuyên môn:** Ứng viên luôn duy trì đạo đức nghề nghiệp và tác phong khoa học của một giảng viên, đồng thời không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ để đáp ứng các tiêu chuẩn giảng dạy. Bên cạnh đó, ứng viên chủ động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước nhằm phát triển chuyên môn, kỹ năng lãnh đạo và nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học thuật.

- **Về hợp tác phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ:** Ứng viên cùng các đồng nghiệp không ngừng tìm tòi, học hỏi và ứng dụng khoa học công nghệ vào nghiên cứu, giảng dạy, đồng thời tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ của bộ, ngành và địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Đồng Tháp,... Những nỗ lực này nhằm đóng góp vào sự phát triển kinh tế – xã hội, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ chung của đất nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 6 năm 07 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020	0	0	2	0	135	45	180/361/270
2	2020-2021	0	0	0	0	225	0	225/225/135
3	2021-2022	0	0	0	16	180	0	180/276/229,5
03 năm học cuối								
4	2022 -2023	0	0	1	0	270	45	315/338/189
5	2023-2024	0	0	2	0	360	0	360/360/189
6	2024-2025	0	0	3	0	450	0	450/450/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại nước: Cộng Hòa Séc từ năm 2012 đến năm 2014

- Bảo vệ luận án TS ☒ hoặc TSKH; tại nước: Cộng Hòa Séc từ năm 2014 đến năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh (Việt Nam)

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- IELTS 6.5 (2012)

- Chứng nhận giảng dạy bằng tiếng Anh EMI do tổ chức Cambridge English cấp năm 2020.

- PTE Academic: 72 (tương đương IELTS 7.0) do tổ chức Pearson Education Limited cấp theo số 1666088JMT năm 2021.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đào Mỹ Linh		X	X		12/2021 - 06/2022	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	26/10/2022
2	Đinh Quang Vinh		X	X		11/2022- 05/2023	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	12/09/2023
3	Võ Thị Xem		X	X		11/2022- 05/2023	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	12/09/2023
4	Nguyễn Võ Minh Lâm		X	X		03/2024 - 09/2024	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	10/10/2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

5	Phan Thị Thanh Tâm		X	X		03/2024 - 09/2024	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	10/10/2024
6	Vương Minh Thư		X	X		06/2022- 12/2022	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	10/03/2025
7	Lê Minh Triết	X			X	03/2024 - nay	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	
8	Phạm Như Phong	X			X	07/2024 - nay	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	
9	Trần Nguyễn Trâm Anh	X			X	03/2025 - nay	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Trách nhiệm xã hội trường Đại học: Giải pháp hướng tới Đại học bền vững	TK	NXB Kinh Tế, 2024 ISBN: 978-604-346-298-2	7	Thành viên	Biên soạn chính Chương 3 (từ trang 112 đến 190)	Quyết định số 1996/QĐ-ĐHKT-NCPTGKT về thành lập Hội đồng thẩm định tài liệu giảng dạy ngày 11/06/2024 và giấy xác nhận mục đích sử dụng sách số 37/ ĐHKT-NCPTGKTC ngày 10/6/2025
2	Project Finance, Personal Finance, Bank Treasury Management, Security Market	TK	NXB Kinh Tế, 2023 ISBN: 978-604-346-189-3	9	Thành viên	Biên soạn chính Chương 1 (từ trang 5-22)	Quyết định số 1539/QĐ-ĐHKT-QLKHHTQT về thành lập Hội đồng thẩm định sách phục vụ đào tạo ngày 22/05/2023 và giấy xác nhận mục đích sử dụng sách số 38/ ĐHKT-NCPTGKTC ngày 10/6/2025

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

Lưu ý:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Social media interactions and stock market bubble	CN	CS-COB-2022-27 (cấp Trường Kinh Doanh, Đại Học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)	12/2022 - 11/2023	Nghiệm thu: ngày 28/11/2023 Xếp loại: Tốt
2	Acceptance and usage of traditional and generative AI in marketing before and after the introduction of ChatGPT	CN	CS-COB-2024-08 (cấp Trường Kinh Doanh, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)	05/2024 - 04/2025	Nghiệm thu: ngày 04/04/2025 Xếp loại: Khá
3	Nghiên cứu sự tác động của trách nhiệm xã hội đến hành vi, thái độ và hiệu quả làm việc của giảng viên tại các trường đại học đào tạo kinh doanh ở Việt Nam	Thành viên	B2022-KSA-01 (cấp Bộ Giáo dục và Đào Tạo)	01/2022 - 06/2024	Nghiệm thu: ngày 22/04/2024 Xếp loại: Đạt
4	Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	Thành viên	Đề tài NCKH xã hội và nhân văn cấp Tỉnh (Sở khoa học Côn g nghệ tỉnh Vĩnh Long)	04/2023 - 05/2024	Nghiệm thu: 5/2024 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI,	Số lần trích dẫn (khô ng	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	-----------------------------------	--------------------------	----------------	--------------------

					Scopus (IF, Qi)	tính tự trích dẫn)		
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Measuring customer satisfaction: a literature review https://digilib.k.utb.cz/handle/10563/45975	1	X (Tác giả đứng đầu)	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Finance and Performance of Firms in Science, Education and Practice ISBN: 978-80-7454-482-8		87	Trang 1637-1654	Tháng 1/2015
2	The relationship between service quality, customer satisfaction and customer loyalty: An investigation in Vietnamese retail banking sector https://www.cjournal.cz/index.php?hid=clank&cid=221	2	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Journal of Competitiveness ISSN: 1804-171X	ISI: SSCI Q1, IF = 3.6 Scopus: Q1 (2020)	608	Tập 8 Số (2), Trang 103-16	Tháng 6/2016
3	Do job satisfaction and customer satisfaction affect firm's overall performance? A new empirical evidence http://publikace.k.utb.cz:8080/handle/10563/1008947	4	X (Tác giả đứng đầu)	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế The 3rd International Conference on Finance and Economics ISBN: 978-80-7454-598-6			Trang 758-774	Tháng 6/2016
4	Moderating and mediating effects of switching costs on the relationship between service value, customer satisfaction and customer loyalty:	2	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Journal of International Studies ISSN: 2306-	Scopus: Q2 (2017)	58	Tập 10 Số (1), Trang 9–33	Tháng 3/2017

	investigation of retail banking in Vietnam https://jois.eu/?309,en_moderating-and-mediating-effects-of-switching-costs-on-the-relationship-between-service-value-customer-satisfaction-and-customer-loyalty-investigation-of-retail-banking-in-vietnam			3483				
5	Sustainable tourism development-A case of Phu Quoc Island, Vietnam https://publikace.k.utb.cz/handle/10563/1008702?locale-attribute=en	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế 13th Annual International Bata Conference for Ph.D. Students and Young Researchers (DOKBAT) ISBN: 978-80-7454-654-9			Trang 207–217	Tháng 4/2017
6	The prestige of stock exchanges and corporate cash holding in transition economies: a study on Vietnamese listed firms https://www.businessperspectives.org/index.php/journals/investment-management-and-financial-innovations/issue-259/the-prestige-of-stock-exchanges-and-corporate-cash-holding-in-transition-economies-a-study-on-vietnamese-listed-firms	4		Tạp chí quốc tế Investment Management and Financial Innovations (ISSN: 1810-4967)	Scopus: Q3 (2017)	3	Tập 14 Số (3), Trang 199-209	Tháng 11/2017
7	Analysis of Economic Development of Czech	5		Kỷ yếu hội thảo		3	Trang	Tháng

	Republic and Vietnam			khoa học quốc tế The 4th International Conference on Finance and Economics ISBN: 978-80- 87990-11-7			215-224	9/2017
8	Passenger car sales projections: Measuring the accuracy of a sales forecasting model https://ekonom.sav.sk/en/casopis/rocnik/3-2018	5		Tạp chí quốc tế Ekonomicky Casopis ISSN: 0013- 3035	ISI: SSCI Q4 (2023), IF = 0.4 Scopus: Q3 (2018)	12	Tập 66 Số (3), Trang 22 7-249	Tháng 3/2018
9	Customer relationship management (CRM) in small and medium tourism enterprises: A dynamic capabilities perspective https://thm.fthm.hr/images/issues/vol24no1/11a_Ngo_Pavalkova_Phan_Nguyen.pdf	4	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Tourism and hospitality management ISSN: 1330- 7533, eISSN: 1847-3377	ISI: ESCI Q3 Scopus: Q3 (2018)	48	Tập 24 Số (1), Trang 63-86	Tháng 5/2018
II	Sau khi được công nhận TS							
10	Strategy Development from Triangulated Viewpoints for a Fast Growing Destination Toward Sustainable Tourism Development–A Case Of Phu Quoc Islands in Vietnam https://jots.cz/index.php/JoTS/article/view/86	2		Tạp chí quốc tế Journal of Tourism and Services ISSN: 1804- 5650	ESCI, Q1, IF= 5.1 Scopus: Q1 (2021)	29	Tập 10 Số (18), Trang 117-140	Tháng 5/2019
11	Short-and medium- term car registration forecasting based on selected macro and socio-economic	5		Tạp chí quốc tế Research in Transportation	ISI: SSCI Q1, IF= 4.6 Scopus:	10	Tập 146 Số (1), Trang 10 0752	Tháng 10/2019

	indicators in European countries https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0739885919302641			Economics ISSN: 07398859	Q1 (2023)			
12	Exploring human resources, marketing and promotion activities towards the sustainable tourism development in Phu Quoc islands, Vietnam https://www.management-poland.com/Exploring-human-resources-marketing-and-promotion-activities-towards-the-sustainable,157674,0,2.html	3		Tạp chí quốc tế Management-Poland ISSN: 1429-9321 (1997-2019) (eISSN: 2299-193X)	ESCI (2020)	5	Tập 24 Số (1), Trang 39-55	Tháng 7/2020
13	Customer agility and firm performance in the tourism industry https://hrcak.srce.hr/en/clanak/343204	2	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Tourism ISSN: 1332-7461 (eISSN: 1849-1545)	ISI: ESCI, Q2 Scopus Q2 (2020)	19	Tập 68 Số (1), Trang 68-82	Tháng 3/2020
14	Customer relationship management strategies in small and medium enterprises: A study in tourism industry in vietnam https://mar.uitm.edu.my/images/Vol-19-2/2_Customer_Relationship.pdf	3	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Management & Accounting Review ISSN: 2600-7975 (eISSN: 2550-1895)	Scopus Q4 (2021)	3	Tập 19 Số (2), Trang 20-36	Tháng 4/2020
15	How social commerce characteristics influence consumers' online impulsive buying behavior in	3		Tạp chí quốc tế International Journal of E-Business	ESCI, Q4, IF: 0.9 Scopus: Q3 (2020)	48	Tập 16 Số (3), Trang 74-88	Tháng 9/2020

	emerging markets https://www.igi-global.com/article/how-social-commerce-characteristics-influence-consumers-online-impulsive-buying-behavior-in-emerging-markets/256857			Research ISSN: 1548-1131 (eISSN: 1548-114X)				
16	Employees' psychological capital, burnout, and quality of work-life in vietnamese enterprises: moderating effects of individual and organisational characteristics. http://web.usm.my/aamj/26012021/aamj26012021_4.pdf	2		Tạp chí quốc tế Asian Academy of Management Journal ISSN: 1394-2603 (eISSN: 2180-4184)	ISI: ESCI, Q4, IF: 1.2 Scopus: Q3 (2021)	20	Tập 26 Số (1), Trang 89-112	Tháng 1/2021
17	Financial crisis and diversification strategies: The impact on bank risk, and performance https://reunido.uniovi.es/index.php/EBL/article/view/15885	4		Tạp chí quốc tế Economics and Business Letters ISSN: 2254-4380	ISI: ESCI, Q3, IF: 0.7 Scopus: Q3	20	Tập 10 Số (3), Trang 249-261	Tháng 3/2021
18	Financial leverage and performance of SMEs in Vietnam: Evidence from the post-crisis period https://reunido.uniovi.es/index.php/EBL/article/view/15471	4		Tạp chí quốc tế Economics and Business Letters ISSN: 2254-4380	ISI: ESCI, Q3, IF: 0.7 Scopus: Q3	18	Tập 10 Số (3), Trang 229 - 239	Tháng 3/2021
19	Market structure, state ownership and monetary policy transmission through bank lending channel: evidence from	3		Tạp chí quốc tế Economics and Business Letters ISSN: 2254-	ISI: ESCI, Q3, IF: 0.7 Scopus: Q3	11	Tập 10 Số (3), Trang 164-177	Tháng 1/2021

	Vietnamese commercial banks https://reunido.uniovi.es/index.php/EBL/article/view/15461			4380				
20	Can customer relationship management create customer agility and superior firms' performance? https://publisher.unimas.my/ojs/index.php/IJB/S/article/view/3169	2	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí Quốc tế International Journal of Business and Society ISSN: 1511-6670	ISI: ESCI, Q4, IF: 0.7 Scopus: Q3 (2021)	14	Tập 22 Số (1), Trang 175-193	Tháng 3/2021
21	Financial performances, entrepreneurial factors and coping strategy to survive in the COVID-19 pandemic: case of Vietnam https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0275531921000015	3	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí Quốc tế Research in International Business and Finance ISSN: 0275-5319 (eISSN: 1873-0404)	ISI: SSCI Q1, IF= 6.3 Scopus: Q1 (2021)	90	Tập 56, Trang 101380	Tháng 4/2021
22	Lives and livelihoods trade-offs: Which COVID-19 strategies for which countries? https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/23322039.2021.2022859	4	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí Quốc tế Cogent Economics & Finance eISSN: 2331-9039	ISI: ESCI Q2 Scopus: Q2 (2022)	9	Tập 10, Số (1), Trang 2022859	Tháng 1/2022
23	The race Against Time to Save Human Lives During the COVID-19 With Vaccines: Global Evidence https://journals.sagepub.com/doi/full/10.1177/0193841X221085352	4	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí quốc tế Evaluation Review ISSN: 0193-841X (eISSN: 1552-3926)	ISI: SSCI Q2, IF= 3.7 Scopus Q2 (2022)	13	Tập 46 Số (6), Trang 709-724, 2022	Tháng 5/2022

24	Drivers of medical spending behaviour amid the COVID-19 pandemic: heuristic or systematic https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2667276622000154	3	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí quốc tế Exploratory Research in Clinical and Social Pharmacy ISSN: 1552-6403 (eISSN: 1875-3788)	ISI: ESCI, IF = 1.8 Scopus: Q2 (2023),	3	Tập 19 Số (2), Trang 100116	Tháng 5/2022
25	Public sentiment towards economic sanctions in the Russia-Ukraine war https://onlinelibrary.wiley.com/doi/full/10.1111/sjpe.12331	4	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Scottish Journal of Political Economy ISSN: 0036-9292, eISSN: 1467-9485	ISI: SSCI Q3, IF= 0.9 Scopus: Q2 (2022)	50	Tập 69, Số (5), Trang 564-573	Tháng 5/2022
26	Dataset of discourses about COVID-19 and financial markets from 'Twitter' https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2352340922006254	1	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Data in Brief ISSN: 2352-3409	Scopus: Q2 (2022)	1	Tập 43, Tháng 8 Số 108428	Tháng 6/2022
27	How education and GDP drive the COVID-19 vaccination campaign https://archpublichealth.biomedcentral.com/articles/10.1186/s13690-022-00924-0	5	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Archives of Public Health ISSN: 0778-7367, eISSN: 2049-3258	ISI: SSCI Q2, IF= 3.2 Scopus: Q2 (2022)	23	Tập 80, Số 116, Trang 171-185	Tháng 7/2022
28	Are fear and hope of the COVID-19 pandemic responsible for the V-shaped behaviour of global financial markets? A text-mining approach	2	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Applied Economics Letters ISSN: 1350-4851	IF= 1.411 (2021), ISI: SSCI Q3 Scopus: Q2 (2022)	20	Tập 29, Số (11), Trang 1005-1015	Tháng 10/2022

	https://doi.org/10.1080/13504851.2021.1904105							
29	Drivers of digital supply chain transformation in SMEs and large enterprises – a case of COVID-19 disruption risk https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/ijoem-10-2021-1561/full/html	3	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế International Journal of Emerging Markets ISSN: 1746-8809 (eISSN: 1746-8817)	ISI: SSCI Q2, IF= 3.0 Scopus: Q1 (2023)	44	Tập 17 Số (9), Trang 2181 - 2202	Tháng 7/2022
30	The Impact of the COVID-19 Pandemic on the Performance and Risk Profile of Airline Stocks https://ce.vizja.pl/en/search/q/The+Impact+of+the+COVID-19+Pandemic+on+the+Performance+and+Risk+Profile+of+Airline+Stocks#	3	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí quốc tế Contemporary Economics ISSN: 2084-0845 (eISSN: 2300-8814)	ISI: ESCI Q2, IF = 2.4 Scopus: Q1 (2022)	4	Tập 16, Số (3), Trang 257-275	Tháng 9/2022
31	Digital supply chain transformation: effect of firm's knowledge creation capabilities under COVID-19 supply chain disruption risk https://link.springer.com/article/10.1007/s12063-022-00326-z	5	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Operations Management Research ISSN: 1936-9735 (eISSN: 1936-9743)	ISI: SCIE Q1, IF= 6.9 Scopus: Q2 (2022)	66	Tập 16, Trang 1003-1018	Tháng 10/2022
32	Social network and the diffusion of investment beliefs: theoretical experiment and the cases of gamestop saga https://ojs.aut.ac.nz/applied-finance-	1	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Applied Finance Letters ISSN: 2253-5799 (eISSN: 2253-5802)	Top 401-500 University (THE rannking - Auckland University of		Tập 1, Số (1), Trang 35-49	Tháng 12/2022

	letters/article/view/583				Technology) ABDC: B (2022)			
33	Central bank digital currency: A systematic literature review using text mining approach https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0275531923000156	3		Tạp chí Quốc tế Research in International Business and Finance ISSN: 0275-5319 (eISSN: 1873-0404)	ISI: SSCI Q1, IF= 6.3 Scopus: Q1 (2023)	54	Tập 64, Trang 101889	Tháng 2/2023
34	Governance and Monetary Policy Impacts on Public Acceptance of CBDC Adoption https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0275531922002513	5	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Research in International Business and Finance ISSN: 0275-5319	ISI: SSCI Q1, IF= 6.3 Scopus: Q1 (2022)	63	Tập 64, Trang 101865	Tháng 1/2023
35	Sustainability-oriented supply chain finance in Vietnam: insights from multiple case studies https://link.springer.com/article/10.1007/s12063-022-00303-6	5		Tạp chí quốc tế Operations Management Research ISSN: 1936-9735 (eISSN: 1936-9743)	ISI: SCIE Q1, IF= 6.9 Scopus: Q2 (2023)	17	Tập 16 Số (1), Trang 259-279	Tháng 3/2023
36	Vai trò trung gian của hình ảnh nhà trường trong mối quan hệ giữa nhận thức về trách nhiệm xã hội trường đại học và sự hài lòng của giảng viên ở Việt Nam https://js.ktpt.edu.vn/index.php/jed/article/view/977	3		Tạp chí Kinh tế và Phát Triển, ISSN: 1859-0012			Số 309 Số (2), Trang 64-74	Tháng 3/2023
37	Does reinforcement	3	X (Tác	Tạp chí Quốc tế	ISI: SSCI	27	Tập 65,	Tháng

	learning outperform deep learning and traditional portfolio optimization models in frontier and developed financial markets? https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0275531923000624		giả đứng đầu)	Research in International Business and Finance ISSN: 0275- 5319 (eISSN: 1873-0404)	Q1, IF= 6.3 Scopus: Q1 (2022)		Trang 101936	4/2023
38	Do investors' personalities predict market winners? Experimental setting and machine learning analysis https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2405844023024805	4	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí quốc tế Heliyon ISSN: 2405- 8440	ISI: SCIE Q1, IF= 3.4 Scopus: Q1 (2023)	5	Tập 9 Số (4)	Tháng 4/2023
39	Sustainability-related supply chain risks and supply chain performances: The moderating effects of dynamic supply chain management practices https://doi.org/10.1002/bse.3512	4	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Business Strategy and the Environment ISSN: 1099- 1258	ISI: SSCI Q1, IF= 12.5 Scopus: Q1 (2023)	75	Tập 33 Số (2), Trang 839-857	Tháng 8/2023
40	Ứng dụng máy học để xây dựng chỉ số tâm lý nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam https://ajeb.hub.edu.vn/vi/article/ung-dung-may-hoc-de-xay-dung-chi-so-tam-ly-nha-dau-tu-tren-thi-truong-chung-khoan-viet-nam	3		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615- 9813			Tập 210, Trang 34-50	Tháng 9/2023
41	The foreign investors' behaviours during the COVID-19 pandemic in emerging market	3	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí quốc tế Applied Economics	ISI: SSCI Q3, IF= 1.2 (2023)	3	Tập 30 Số (3), Trang 384-390	Tháng 10/2023

	https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/13504851.2021.1988887			Letters ISSN: 1350-4851	Scopus: Q2 (2023)			
42	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết với tổ chức của người lao động tại tổng công ty xây dựng Sài Gòn TNHH một thành viên https://kinhteivadubao.vn/gioi-thieu-tap-chi-kinh-te-va-du-bao-so-24-851-26967.html	3		Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 0128-3634 (e-ISSN: 2734-9365)			Số 309 Số (2), Trang 64-74	Tháng 10/2023
43	Corporate social responsibility and myopic management practice: Is there a link? https://link.springer.com/article/10.1007/s11156-023-01212-w	5		Tạp chí quốc tế Review of Quantitative Finance and Accounting ISSN: 0165-0009	ISI: ESCI Q2, IF= 1.9 (2023) Scopus: Q2 (2023)	8	Tập 62, Số (1), Trang 271-308	Tháng 10/2023
44	Explaining consumers' channel-switching behavior in the post-COVID-19 pandemic era https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/23311975.2023.2198068	4	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí quốc tế Cogent Business & Management, ISSN: 2331-1975	ISI: ESCI Q2 IF= 3.0 (2023) Scopus: Q2 (2023)	7	Tập 10, Số (1), Trang 2198068	Tháng 12/2023
45	Does ChatGPT change artificial intelligence-enabled marketing capability? Social media investigation of public sentiment and usage https://journals.sagepub.com/doi/full/10.1177/20594364241228880	1	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Global Media and China ISSN: 2059-4364 (eISSN: 2059-4372)	ISI: ESCI Q1 IF = 3.4 Scopus: Q1 (2024)	15	Tập 9, Số (1), Trang 101-125	Tháng 1/2024
46	The impacts of geopolitical risks on	3	X (Tác giả)	Tạp chí quốc tế	ISI: SSCI Q1, IF =	25	Tập 90, Trang	Tháng

	gold, oil and financial reserve management https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0301420724000552		đứng đầu)	Resources Policy ISSN: 0301-4207 (eISSN: 1873-7641)	8.2 Scopus: Q1 (2024)		104688	3/2024
47	Energy security and the shift to renewable resources: The case of Russia-Ukraine war https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2214790X24000406	3	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí quốc tế Extractive Industries and Society ISSN: 0272-6963	ISI: SSCI Q2, IF= 3.6 Scopus: Q1 (2024)	18	Tập 17, Trang 101442	Tháng 3/2024
48	University Social Responsibility and Teachers' Satisfaction: The Mediating Role of Reputation and Image https://jsser.org/index.php/jsser/article/view/5521	5	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí quốc tế Journal of Social Studies Education Research ISSN: 1309-9108	Scopus Q2 (2024)	5	Tập 15 Số (1), Trang 57-90	Tháng 3/2024
49	Critical success factors of food safety management for achieving climate neutrality: a multilevel moderated approach with industry revolution 4.0 https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/ijlm-03-2023-0112/full/html	4		Tạp chí quốc tế International Journal of Logistics Management ISSN: 0957-4093 (eISSN: 1758-6683)	ISI: SSCI Q1, IF = 6.4 Scopus: Q1 (2024)	5	Tập 35 Số (3), Trang 865-891	Tháng 4/2024
50	Engage or retreat? Exploring the determinants of participation in Climate Finance public-private partnerships https://link.springer.com/article/10.1007/s105	4	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Climatic Change, ISSN: 0165-0009 (eISSN: 1573-1480)	ISI: SSCI Q1, IF = 4.8 Scopus: Q1 (2024)	1	Tập 177 Số (7)	Tháng 6/2024

	84-024-03759-6							
51	Current obstacles, contemporary practices, and potential solutions for recovery in Vietnam tourism after the COVID-19 pandemic: Tour operators' perspectives https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/14673584231151897?icid=int.sj-abstract.citing-articles.8	4		Tạp chí quốc tế Tourism and Hospitality Research ISSN: 1467-3584, (eISSN: 1742-9692)	ISI: ESCI Q3, IF= 2.8 Scopus: Q1 (2024)	7	Tập 24, Số (3), Trang 363-379	Tháng 7/2024
52	Are sanctions costly for the energy industry of sanctioning states? A difference-in-differences approach to sanctions during the Russia–Ukraine war https://onlinelibrary.wiley.com/doi/full/10.1111/twec.13604	3	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí quốc tế The World Economy ISSN: 0378-5920 (eISSN: 1467-9701)	ISI: SSCI Q1, IF = 2.6 (2024) Scopus: Q1 (2024)	4	Tập 47, Số (9), Trang 3836-3860	Tháng 9/2024
53	Personality, financial literacy, and financial advice-seeking in the midst of a pandemic https://sobiad.org/manuscript/index.php/ijefs/article/view/1950/612	4		Tạp chí quốc tế International Journal of Economics and Finance Studies ISSN: 1309-8055	Scopus Q2 (2024)		Tập 16 Số (1), Trang 398-426	Tháng 07/2024
54	Phát triển tài chính và chuyển đổi năng lượng tái tạo: vai trò điều tiết của công nghệ môi trường https://jabes.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=76ef7290-3614-453c-88b4-29bb1d825e9f	4	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN:2615-9104			Số 35, Số (8), Trang 4 - 24	Tháng 8/2024

55	Public health and economic outcomes tradeoffs during the COVID-19 pandemic: political perspectives https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/23322039.2024.2409417	3	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí Quốc tế Cogent Economics & Finance ISSN:2332-2039	ISI: ESCI Q2, IF = 2.0 Scopus Q2 (2024)	2	Tập 12, Số (1), Trang 2409417	Tháng 12/2024
56	Phân tích các yếu tố thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm Fintech khu vực https://ajeb.hub.edu.vn/vi/article/thanh-pho-ho-chi-minh-tro-thanh-trung-tam-cong-nghe-tai-chinh-khu-vuc-cac-yeu-to-quyet-dinh	1	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN:2615-9813			Số 223, Trang 33-46	Tháng 10/2024
57	Tác động phi tuyến của đa dạng hóa thu nhập đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam https://kinhtevadubao.vn/gioi-thieu-tap-chi-kinh-te-va-du-bao-so-23-891-30663.html	1	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN: 1859-4972			Số 23 Số (891), Trang 111-115	Tháng 12/2024
58	Investor sentiment and market returns: A multi-horizon analysis https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S027553192400494X	4	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí quốc tế Research in International Business and Finance ISSN: 0275-5319 (eISSN:1878-3384)	ISI: SSCI Q1, IF= 7.60 Scopus: Q1 (2024)	4	Tập 74, Số (05), Trang 102-701	Tháng 2/2025
59	Tác động của lỗi dịch vụ ngân hàng điện tử đến hành vi sử dụng của khách hàng:	3	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí Ngân hàng			Số 6, Trang 43-51	Tháng 3/2025

	Nghiên cứu tại Việt Nam		đầu)	ISSN: 2815 - 6048				
60	Trách nhiệm xã hội gắn với mục tiêu phát triển bền vững và lòng trung thành: Vai trò trung gian của hình ảnh và sự hài lòng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam https://www.vjol.info.vn/index.php/DHNHTPHCM/article/view/111631	3	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí Kinh tế và Ngân Hàng Châu Á ISSN 2615-9813			Tập 228, Trang 86-105	Tháng 3/2025
61	Cảm xúc của nhà quản lý quỹ và hiệu suất đầu tư	1	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972			Tập 902, Số (7), Trang 65-68	Tháng 4/2025
62	Coping with global climate change in the post-COVID-19 pandemic: the roles of business perception and resources in adaptation strategy decisions https://link.springer.com/article/10.1186/s43093-025-00514-w	3	X (Tác giả đứng đầu)	Tạp chí quốc tế Future Business Journal ISN: 2314-7202	ISI: ESCI Q2, IF=3.4		Tập 11, Số (1)	Tháng 5/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 30 bài báo: [13], [14], [20], [21], [22], [23], [24], [25], [26], [27], [28], [29], [30], [31], [32], [34], [37], [38], [39], [41], [44], [45], [46], [47], [48], [50], [52], [55], [58], [62].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Tham gia xây dựng Chương trình đào tạo chuyên ngành Công nghệ Tài chính, trình độ Đại học, hệ chính quy.	Tham gia	Giấy xác nhận của Ban Bảo đảm chất lượng và kiểm soát nội bộ Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/06/2025	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.	Quyết định số 515/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT, ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Quyết định số 2245/ QĐ-DHKT-ĐBCLPTCT, ngày 1/7/2024 của Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
3	Điều chỉnh Chương trình tiên tiến quốc tế UEH cho chương trình Ngân hàng thuộc ngành Tài chính-Ngân hàng, trình độ Tiến sĩ, hệ chính quy	Tham gia	Giấy xác nhận của Ban Bảo đảm chất lượng và kiểm soát nội bộ Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/06/2025	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.	Quyết định số 620/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT, ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Ứng viên cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai ứng viên xin chịu trách nhiệm
trước pháp luật.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Ngô Minh Vũ